

Tập San

PHÁP LUÂN

TRAO ĐỔI KIẾN THỨC CỐ BẢN PHẬT HỌC

Ngày Vu lan Báo hiếu
sẽ là ngày tình thương nhân loại
tr.3

1001

CHUYỆN VỀ MẸ tr.10

Số 65
8/2009

Nam Mô Vu Lan Duyên Khởi Đại Hiếu Mục Kiền Liên Tôn Giả

Kính bạch Chư tôn Thiên đức Tăng Ni

Kính thưa quý Phật tử

Đồng phương luôn hiển tàng những truyền thống đạo đức tâm linh cao đẹp mà đôi khi Tây phương phồn thịnh hay Phi châu đói nghèo không hề có được. Đó là những truyền thống đạo đức cao đẹp như: Uống nước nhớ nguồn, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây... Tất cả những truyền thống ấy được thể hiện qua tinh thần đền ân đáp nghĩa của con cái đối với hai đấng song thân phụ mẫu, của trò đối với thầy, hay của người dân đối với quốc gia dân tộc... Đặc biệt là truyền thống tu nhân tích đức, làm thiện lánh ác để tự thăng hoa đời mình, đồng thời để hồi hướng công đức cầu siêu cho Thất tổ Cửu huyền, ông bà cha mẹ trong nhiều đời kiếp được siêu thăng lên miền lạc cảnh.

Truyền thống tâm linh cao đẹp ấy được thể hiện rất rõ nét trong ngày hội Báo hiếu, lễ Vu Lan. Ngày Vu Lan Báo Hiếu là ngày mà những đóa hoa hồng đỏ thắm được nở trên áo những ai có diễm phúc còn cha, còn mẹ và nhắc nhở họ phải biết trân quý chăm sóc, giữ gìn; và những đóa hoa hồng trắng sẽ nở trên áo những ai bất hạnh không còn cha mẹ trên đời, để xúc động bụi ngùi và thành tâm nguyện cầu mẹ cha được siêu sanh Cực lạc. Ngày Vu Lan không chỉ là ngày để tôn vinh tình mẫu, phụ tử thiêng liêng, mà còn là dịp để chúng ta thể hiện hiếu tâm, hiếu hạnh đối với các đấng sinh thành; để người con Phật tưởng nhớ đến Bốn trọng ân cao thượng, hướng về các bậc tiền nhân, những người đã cư mang và hun đúc cho dòng tộc mình... Hơn nữa, Vu Lan còn là dịp để các vị xuất gia noi gương theo hiếu tâm, hiếu hạnh của bậc thánh hiếu Mục Kiền Liên thúc liễm thân tâm, nỗ lực tinh tấn tu tập, chú nguyện để hồi hướng công đức cho cha mẹ, ông bà, Cửu huyền thất tổ của mình và chúng sanh trong hiện thế được an lành, đã qua đời được thoát khỏi những khổ cảnh, vãng sanh về miền Tịnh độ.

Hôm nay, ngày Vu Lan đã về, mùa Báo Hiếu lại về với những người con Phật, hòa trong niềm giao cảm của tình mẫu tử thiêng liêng, của nghĩa ân sư cao quý, hướng về hiếu tâm hiếu hạnh của bậc thánh hiếu Mục Kiền Liên, Ban biên tập chúng con thành tâm kính chúc chư Tôn thiên đức Tăng Ni một mùa Vu Lan đạo nghiệp tăng trưởng, hạnh nguyện viên dung; kính chúc các vị cộng tác viên gần xa, chư huynh đệ cùng toàn thể quý Phật tử và độc giả khắp nơi một mùa Vu lan đầy ý nghĩa, vô lượng an lành.

Mùa Vu lan Báo hiếu, Phật lịch 2553

BBT Pháp Luân

Kính Chúc



TẬP SAN PHÁP LUÂN

TRAO ĐỔI KIẾN THỨC CƠ BẢN PHẬT HỌC

PL.2553 - DL.2009

65

THÁNG 07 - KỶ SỬU
(08/2009)

21 GIÁO DỤC

Giáo dục Phật giáo: quá khứ và hiện tại (tt)

■ Thích Nguyên Hiệp

74 TRUYỆN NGẮN

Chùm truyện ngắn về Mẹ

■ Mang Viên Long

78 TÙY BÚT

Ngày chúng ta có nhau

■ Huệ Trân

89 CẢM NIỆM

Mây bỏ trời đi

■ Huệ Lưu

THƠ

34 • Hạnh Phương

50 • Thế Huyền

62 • Viên Ngọc

84 • Nẻo Xa

NHẠC: Tháng Bảy hồn thơ
thơ Hạnh Phương
nhạc Vũ Ngọc Toàn

35 GIỚI THIỆU KINH

Phật thuyết kinh Bà-la-môn mắt con

■ Thích Tâm Nhãn



40 NGHIÊN CỨU

Kim Cang Tứ Tướng
hay nơi tâm không mờ
bày cõi diệu hữu

■ Thích Thanh Hòa



46 SỐNG ĐẠO

Uống ngụm mặt trời

■ Nguyễn Duy Nhiên



52 THÁNH TÍCH

Về thăm Bồ-đề đạo
tràng

■ Minh Nguyễn



64 SÂN KHẤU ĐIỆN ẢNH

Rằm tháng Bảy: trong
phim Bao giờ cho đến
tháng Mười

■ Minh Thạnh



70 SỨC KHỎE

Gia tài lớn nhất của bậc
sinh thành

■ BS. Thái Huy Phong



82 TÙY BÚT

Mẹ là Bồ-tát của con

■ Vô Lưu Thủy



85 CẢM NIỆM

Niệm ân Cha Mẹ

■ Đồng Anh



03

Ngày Vu lan Báo hiếu sẽ là ngày
tình thương nhân loại ■ Tâm Hòa



10

1001 Chuyện về Mẹ
■ Tâm Minh



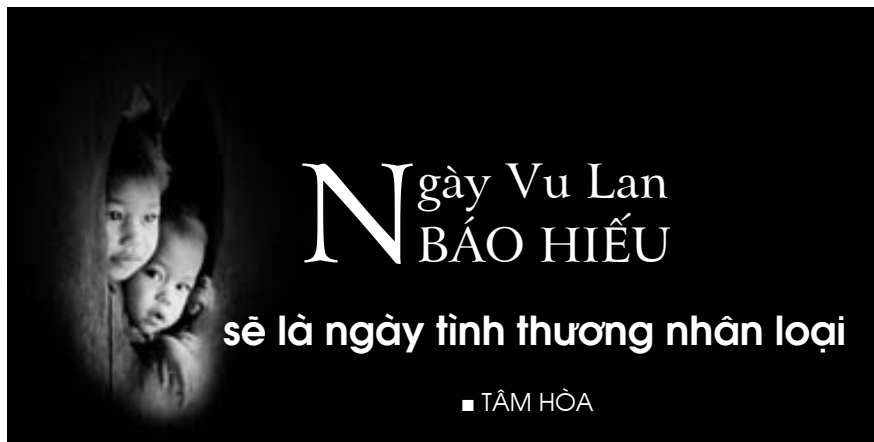
17

Chiều nay có đưa con xa nhớ
thăm ■ Lê Uyển Văn



93

Những dòng dãi Mẹ
■ Trí Giải



Ngày Vu Lan BÁO HIẾU

sẽ là ngày tình thương nhân loại

■ TÂM HÒA

Vu lan nữa lại về!

Cứ vào những ngày của tháng bảy này cảm giác bồi hồi trong tôi lại dâng trào mãnh liệt hơn bao giờ hết. Bồi hồi không phải như ngày nào chuẩn bị cấp sách đến trường, được gặp lại bạn bè, thầy cô giáo cũ hay là được làm quen thêm nhiều bạn mới. Mà từ nhiều năm nay cảm giác bồi hồi ấy vẫn sống mãi trong tôi, nó là niềm vui và cũng là nỗi niềm trăn trở về một cái gì đó to lớn, cao đẹp, nhưng cũng giản đơn và bình bị. Và nay, xin chia sẻ những nỗi niềm ấy cùng những suy tư của cá nhân tôi nhân mùa Vu lan Báo hiếu.

Tôi không rõ ngày Vu lan Báo hiếu có tự bao giờ. Khi còn bé,

mỗi dịp Vu lan về, tôi thường hay theo mẹ lên chùa lễ Phật. Khi nghe quý thầy giảng về công ơn cha mẹ, ông bà, tôi thấy khóe mắt mẹ tôi nhòa lệ. Và khi thấy mọi người cài hoa lên ngực áo, những đóa hoa màu hồng đỏ thắm và những đóa hoa màu trắng trinh nguyên, đượm chút nao lòng, buồn tủi. Tôi hỏi mẹ: “Mẹ ơi! sao có người được cài hoa đỏ và có người được cài hoa trắng, vậy con cài cả hai bông được không mẹ? Mẹ tôi nở nụ cười hiền hòa bảo với tôi rằng: “Hoa màu trắng là đã mất cha mất mẹ, còn hoa màu đỏ là còn cha còn mẹ đó con ạ?”

Và thời gian cứ thế trôi qua những ký ức đó, hình ảnh những

bông hoa và cả những giọt nước mắt lăn dài trên má của bao người mà tôi đã được thấy vẫn theo tôi cho đến tận bây giờ.

Bây giờ lễ Vu lan cũng không khác gì so với trước, có chăng là hiện đại hơn, náo nhiệt hơn, nhưng phần lễ chính và nghi thức cài hoa hồng thì lúc nào cũng sâu lắng và tha thiết.

Song song với những nghi thức mang tính truyền thống, có nhiều Tự viện còn tổ chức phát gạo chẩn bần cho những người nghèo khó, đồng thời có nhiều nơi cũng tổ chức trai đàn kỳ siêu bạt độ chẩn tế cô hồn, mà ý nghĩa của nó gói gọn trong 4 chữ “Âm Siêu Dương Thới”, với ước nguyện cho thế gian này người sống được nhiều phúc lạc, còn kẻ đã quá vãng thì sớm được siêu sinh về cõi an lành.

Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội ngày nay, cuộc sống con người phần đông bị vật chất hóa, ý thức trách nhiệm về chữ Hiếu chỉ còn là khái niệm. Vì lẽ đó mà cần phải có một đại lễ Vu lan đúng với chức năng và ý nghĩa của nó. Vậy như thế nào là một lễ Vu lan đúng và đầy đủ ý nghĩa, phù hợp với bối cảnh xã hội hiện tại? Trong bài viết này, với ý

kiến cá nhân, tôi không dám lạm bàn chuyên sâu về một lễ Vu lan đúng nghĩa. Song, ở đây tôi xin trình bày với nội dung là khơi dậy trong tự thân mỗi con người tình thương nhân loại thông qua ngày lễ Vu lan. Vì theo tôi, lễ Vu lan không nên chỉ gò bó trong các tự viện, tịnh xá. Ngoài nghi thức truyền thống như tụng kinh, cầu siêu bạt độ, thuyết giảng giáo lý, hoặc cứu trợ từ thiện, v.v... nên chăng thông qua ngày lễ Vu lan này chúng ta hãy cùng nhau chung sức xây dựng thế giới hòa bình bằng chính tình thương trong nội tâm mỗi chúng ta, đồng thời hãy nâng ngày lễ Vu lan hàng năm thành Ngày Tình Thương Nhân Loại?

Nói vậy không có nghĩa là con người ngày nay không có tình thương, nhưng tình thương của con người bây giờ khác xa so với tình thương của xã hội ngày trước. Chúng ta thử nhìn lại xem, tại địa phương nơi chúng ta ở cách đây khoảng 10 năm về trước cuộc sống có thể nói là không khá giả giàu có như bây giờ, nhưng tình thương giữa con người với con người trong cùng một làng xã rất thấm thiết.

Như xóm tôi ở trước đây, mấy

chục hộ dân luôn sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau. Năm gạo củ khoai, bát cháo tuy đơn sơ, giản dị nhưng rất thơm vì nó được chia sẻ cho nhau bằng tình thương nhân loại.

Ngày nay, nhà nhà đều có tivi, người người đều có xe gắn máy, không còn thấy cảnh vợ sinh con mà chạy khắp xóm để tìm mượn xe đạp như xưa nữa, nhưng rất tiếc bây giờ con người với con người nhìn nhau bằng đôi mắt dò xét, đổ kỵ, phân biệt. Nhà cách nhà bằng tường cao đến vài mét, kín cổng cao tường là chuyện bình thường nhưng càng xa cách hơn khi đến nhà mà người đầu tiên gặp gỡ không phải là người chủ nhà thân thiện mà là một chú chó với đôi mắt rực lửa và tiếng sủa vang trời.

Những sự khác biệt đó do đâu mà có? Do xã hội thay đổi ư? Xin thưa, xã hội thì vẫn thế, có khác chăng là hiện đại hơn, tân tiến hơn. Nhưng điều quan trọng không phải là do xã hội mà chính yếu là do tâm của con người. Do con người đã không còn tình thương, tình thương bị biến thành một thứ hàng hóa phi vật thể có khả năng cân, đo, đong, đếm được. Chúng ta nhớ lúc nghèo

khổ, hoạn nạn thì một ly nước, một bát cháo cũng chia làm đôi thậm chí làm tư làm tám, còn bây giờ “giàu đôi bạn sang đôi vợ”. Xã hội có bắt buộc chúng ta thay đổi như thế không? Nếu không, thì vì lý do nào? Phải chăng là do tâm con người thay đổi?!

Nhưng do đâu mà tâm con người thay đổi? Theo tôi, đó là do sự thiếu vắng tình thương trong tâm mỗi con người! Chính sự thiếu vắng tình thương này làm nguyên nhân khiến con người bán rẻ lương tâm, giam lỏng và bóp chết tình thương nhân loại trong ngục tù của ích kỷ cá nhân. Nó cũng chính là hàng rào ngăn cách sự kết nối tình thương giữa mỗi thành viên trong gia đình, giữa con người trong cùng một xã hội và trên toàn thế giới. Đây cũng là nguyên nhân khiến gia đình không còn hạnh phúc, xã hội mất an ninh và thế giới bị nhấn chìm trong chiến tranh khủng bố.

Ngày nay, vì để bảo vệ cho một quan điểm sai lầm mà bất chấp thủ đoạn, mượn danh nghĩa của một đảng siêu hình nào đó tiến hành bao cuộc chiến tranh tang thương, chết chóc. Cũng thế, vì quyền lợi cá nhân mình mà bất chấp mọi thủ đoạn kể cả luật

pháp quốc tế, tiến hành nhiều thủ đoạn với ý đồ muốn xâm chiếm và thôn tính các quốc gia nhỏ bé khác gây mất tình hữu nghị lân bang. Những việc làm này chỉ có thể xuất phát từ ý đồ của một kẻ mất hết tình thương hoặc và chẳng là một tập thể của những người có chung ý tưởng điên rồ như vậy. Thật đáng buồn thay!

Điểm qua vài nét đáng chú ý trong xã hội bây giờ cũng như sự khác biệt của xã hội trước đây, không ngoài mục đích là đánh thức tình thương nhân loại trong tâm cá nhân mỗi người. Hãy yêu thương không chỉ riêng gia đình mình mà hãy đem tình thương này trang trải khắp tinh cầu, để con người biết yêu thương nhau, biết sống chan hòa, biết giữ gìn và dựng xây thế giới thanh bình hạnh phúc.

Để làm được như vậy, việc đầu tiên là cần phát khởi một tình thương cho chính bản thân mình, cho gia đình mình, cho bạn bè mình, cho dân tộc mình, cho quốc gia mình. Vậy phát khởi như thế nào? Và nương vào đâu để phát khởi tình thương ấy?

Chúng ta có ngày lễ Vu lan, ngày mà lòng đại từ bi được biểu hiện bằng những hành động cụ

thể. Hãy nương vào ý nghĩa của ngày lễ Vu lan này mà nhìn lại mình, nhìn lại xem tình thương của mình đang nằm ở chỗ nào? Mình đã khởi lên giai điệu tình thương trong tâm hồn mình chưa? Mình đã đem giai điệu tình thương này hiến dâng cho cha mẹ, cho gia đình, cho những người mình yêu thương chưa? Nếu chưa thì bạn cần nên suy ngẫm lại và nhận diện cho được chỗ ẩn nấp của tình thương trong chính mình.

Như vậy, đến với lễ Vu lan, không đơn thuần chỉ là tham dự một buổi lễ mang đậm nghi thức Phật giáo như lễ Phật, cúng dường, cài hoa, v.v... mà cần nên để tâm theo lời kinh nhựt nhànng ngân vang tựa như giai điệu tình thương trong tâm mình đang trôi dạt. Và hãy ngồi thật thanh thản lắng nghe lời thuyết giảng của quý Thầy, để thấy rằng mình cần phải nỗ lực nhiều hơn, cần phải đem tình thương mình có được dù là bé nhỏ chia sẻ đến mọi người. Bởi vì tình thương cao cả là tình thương khi biết dành cho tất cả!

Chúng ta hãy quán tưởng rằng, từ vô lượng kiếp sống đến nay, vô số chúng sinh từng là cha



mẹ của chúng ta và ngược lại. Nghĩ đến sự khổ nhọc của cha mẹ “ba năm bú mớm ăm bồng, mười tháng cưu mang dưỡng dục”, lúc chúng ta còn nhỏ cũng như đã trưởng thành, cha mẹ đã khổ cực, đã hy sinh tất cả cho chúng ta như thế nào? Và trong kiếp sống này, dù người đó có là một kẻ ăn xin hay một người giàu có, dù cho người đó có là một tín đồ của một tôn giáo khác, dù là da trắng, da đen hay da màu, dù ở châu Á hay châu Âu, châu Phi hay châu Mỹ, tất cả thủy chung cũng đã từng có quan hệ huyết thống với chúng ta, đã từng là cha là mẹ, là chồng vợ, con cái, anh chị em của chúng ta. Vì thế hãy thương họ như thương chính

bản thân chúng ta. Đừng khởi lên ý niệm phân biệt màu da, sắc tộc, tôn giáo tín ngưỡng, đừng khởi lên tâm niệm thân sơ, đừng khởi lên sự phân biệt hèn sang mà hãy cùng thương yêu nhau, như yêu những gì quý giá nhất của chính mình.

Qua ngày lễ Vu lan này, chúng ta có thể viết cho cha mẹ một lá thư (nếu chúng ta chưa thể nói trực tiếp với cha mẹ), lá thư đó chúng ta viết đề ca ngợi công ơn cha mẹ và bày tỏ lòng yêu thương của chúng ta đối với cha mẹ, đồng thời phát nguyện từ nay và mãi về sau con sẽ vâng lời và biết yêu thương cha mẹ, biết tự chăm sóc cho bản thân, biết chăm ngoan học hành, biết giúp đỡ cha mẹ ông bà, yêu thương hòa thuận với mọi người, v.v... Và rồi sáng nay trước khi đi học, chúng ta nhẹ nhàng đặt lá thư trên bàn (nơi cha mẹ chúng ta hay ngồi vào mỗi buổi sáng) và trân trọng đặt lên trên lá thư đó một đóa hoa hồng với lời chúc cha mẹ mạnh khỏe, cùng dòng chữ “con yêu cha mẹ rất nhiều”!

Hay là, hôm nay chúng ta đến lớp, với ý nguyện sẽ giúp và nâng đỡ một bạn trong lớp học tốt hơn. Chúng ta chủ động đến

và tận tình chia sẻ giúp cho bạn vượt qua những khó khăn trong học tập, và hình thành nên “đôi bạn học tốt” trong học đường.

Hoặc là, hôm nay chúng ta đến công ty, và biết rằng trong công ty có một đồng nghiệp đang gặp khó khăn, chúng ta nên chủ động ân cần chia sẻ, hỏi thăm và cố gắng tìm cách cùng nhau giải quyết khó khăn, dần dần chúng ta cũng hình thành nên “đồng nghiệp cùng tiến” và nhân rộng ra trong khắp công ty chúng ta và cả công ty bạn.

Có rất nhiều cách để khơi dậy và thực hành tình thương trong mỗi chúng ta, từ những việc tưởng chừng như rất nhỏ nhưng nếu nghiêm túc thực hành thì kết quả không thể nghĩ bàn. Điều quan trọng của sự thành công là lòng kiên trì bền bỉ nhẫn nại, tận tâm, đừng nên làm cho có phong trào, hoặc làm theo cảm hứng thì sẽ không hay.

Trong nhà trường, ngoài kiến thức căn bản, cần có một chương trình giảng dạy về lòng nhân đạo, tình thương yêu và cách thức để hình thành tình thương yêu đó trong mỗi cá nhân học sinh, sinh viên. Ngày nay các học sinh, sinh viên mất nhiều thời gian để trau

dồi kiến thức với hy vọng sẽ đạt được ước nguyện của riêng mình. Nhưng đáng buồn là rất ít trong số đó có nhận thức tốt về đạo đức cá nhân, về tình thương đồng loại. Hình như bây giờ trong trí óc họ chỉ tồn tại chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa thực dụng hưởng thụ mà thôi. Nếu thế thì dù có là bác sĩ, kỹ sư hay một nhà khoa học đi nữa chúng ta cũng không thể nào làm lợi ích cho mọi người mà ngược lại chúng ta tự chôn sống chúng ta trong ngục tù của chủ nghĩa cá nhân thực dụng ấy.

Đối với các tự viện, tịnh xá nên hướng dẫn cho các Phật tử tại gia ý thức rõ về tình thương, hay đúng hơn là lòng đại bi theo tinh thần vô ngã của đức Thế Tôn. Đặc biệt là đối với thế hệ thanh thiếu niên, cần tạo cho các em một sân chơi đầy tính thiết thực như chương trình “mỗi ngày một việc tốt ở gia đình, trong lớp học hay trong công sở”, tận dụng phương tiện truyền thông đại chúng như internet phát sóng các mẫu chuyện mang tính cách nhân đạo (như chương trình Radio online “Sắc màu Phật pháp” của chùa Hoàng Pháp), đề cao tình thương giữa con người với nhau, qua câu chuyện đó các em sẽ rút

ra cho mình bài học gì? Và gửi về cho quý Thầy, sau đó bài nào viết hay, có ý nghĩa sẽ được quý Thầy phát sóng và biểu dương trong các chương trình sau. Đồng thời nên tổ chức các chuyến từ thiện đến các vùng xa, vùng khó khăn, đến những trung tâm của người tâm thần, người bệnh ung bướu, bệnh phong, trẻ em mồ côi, khuyết tật, trẻ em bị nhiễm chất độc màu da cam, bị nhiễm bệnh HIV, v.v... để các em có dịp chứng kiến cụ thể về mảnh đời bất hạnh không may trong cuộc sống thông qua đó giúp các em có ý thức hơn về tình thương và trách nhiệm của các em đối với việc giúp đỡ người khác.

Việc làm này đòi hỏi phải có sự quyết tâm, quán triệt tinh thần vô ngã toàn diện, khéo léo kết hợp hài hòa giữa đạo và đời, hình thành nếp sống tình thương trong từng gia đình Phật tử và nhân rộng ra toàn xã hội. Nếu làm được như vậy cuộc sống mới thật sự hạnh phúc, nhà nhà an vui trong tình thương nhân loại, người người đến với nhau cũng bằng tình thương nhân loại, tình hữu nghị giữa các quốc gia trên thế giới cũng được hình thành trên căn bản tình thương nhân

loại. Vậy là ước mơ thế giới hòa bình chỉ nằm trong một ý niệm tình thương.

Ngày nay đứng trước thảm họa thiên tai, chiến tranh trên toàn thế giới, mỗi cá nhân phải càng nỗ lực nhiều hơn để khơi dậy và thực hành tình thương để xóa đi phần nào đau khổ của thế gian. Đồng thời chúng ta nên nâng cao và tán dương những hành động mang đầy tính nhân đạo, nhân ái tràn đầy tình thương của mỗi cá nhân, tập thể, và qua đó mỗi cá nhân hãy nên ý thức, tỉnh giác trong từng lời nói, hành động và ý nghĩ để tình thương nhân loại ngày một thăng hoa, để ngày Vu lan Báo hiếu của dân tộc trở thành ngày tình thương của nhân loại. Hy vọng ngày lễ Vu lan năm nay và những năm sau sẽ có nhiều nét đổi mới, không chỉ về hình thức, nội dung, không chỉ bó buộc trong các tự viện tịnh xá, không chỉ là ngày của riêng người Phật tử Việt Nam, mà nó sẽ là ngày hòa bình chung của toàn thế giới. Cầu nguyện một mùa Vu lan đầy ý nghĩa trong sự hoan hỷ của chư Phật mười phương, và nguyện cầu thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc.■

Chuyện về Mẹ



■ TÂM MINH

Kính thưa quý vị và các bạn,

Bình thường khi muốn nói về số nhiều khó kể ra cho hết, người ta dùng số “101” nhưng nhan đề này dùng “1001” chuyện về Mẹ bởi vì trước hết, ngày xưa mình chỉ biết về Mẹ của mình, Mẹ của những người nổi tiếng trong sách vở mà mình được học, thường là những danh nhân của Pháp, Đức, Trung Hoa, Mỹ, Anh, Nhật Bản, v.v... và ở mỗi nước mình chỉ học được gương tốt của một vài người. Nước có nhiều người con hiếu nhất là nước Trung Hoa với 24 người con hiếu mà đến thế kỷ này có vị đã thành ra “lỗi thời” rồi! Còn bây giờ khi chúng ta hay con em chúng ta lên trên mạng (Internet) thì mỗi ngày đọc được rất nhiều chuyện, từ có hiếu đến bất hiếu, từ mẹ Việt Nam đến mẹ Pháp, Đức, Anh, Nga, từ đứa con của Tây Tạng, Ấn Độ đến đứa con Thái Lan, Hàn quốc, v.v... thiên hình vạn trạng, đừng nói là hàng ngàn gương sáng hay “gương tối” về chữ Hiếu, về lòng mẹ, tình mẹ... (vì kể cả mẹ giết con cũng có nữa! ☺ ☺ !!) mà hàng vạn cũng có nữa!

Con số 1001 này còn làm gợi nhớ đến ông Vua trong “1001 đêm” với những câu chuyện thần thoại tuyệt vời từ cửa miệng của một cô thiếu nữ xinh đẹp và vô cùng thông minh kể cho nhà vua nghe hằng đêm. Chuyện kể hoài không bao giờ dứt, bởi vì nếu câu chuyện chấm dứt thì đời của cô thiếu nữ ấy phải bị kết liễu theo! Chuyện về Mẹ cũng vậy, rất nhiều, và kể mấy ngày mấy đêm cũng không hết... vì nếu chúng ta biết đọc chữ của nhiều quốc gia trên thế giới ta sẽ đọc được vô số chuyện kể về Mẹ ở khắp nơi. Tại sao năm nào cũng nói chuyện về Mẹ? Xin thưa, là để nhắc nhở con em chúng ta giữ được hạnh Hiếu của người con Phật. Dù xã hội có đảo điên, lòng người có điên đảo đến đâu, người con Phật vẫn phải nhớ lời Phật dạy, “trong thời không có Phật, thờ phụng cha mẹ là thờ phụng Phật.”

Cầu nguyện cho các bà Mẹ trên thế giới đầy đủ sức khỏe và an lạc, từ bi và trí tuệ cho những đứa con được hưởng nhiều hạnh phúc, có đủ sức mạnh để chịu đựng những vô thường của cuộc đời trong thế kỷ quá nhiều nhượng và tàn bạo này.

Xin mời quý vị và các bạn ghé lại đây nghe các Huynh trưởng GDPT nói chuyện về Mẹ nhân mùa Vu Lan năm nay.

A: Sắp tới Vu Lan rồi hử? Thời gian đi mau thật!

B: Vì vậy chúng ta đang chuẩn bị những câu chuyện về Mẹ để nói trong dịp Vu Lan đây.

C: Cái khó là nội dung về Mẹ nhưng Oanh Vũ phải kể chuyện khác, Thiếu phải kể khác và Thanh cũng không giống 2 ngành kia nữa!

A: Tất nhiên rồi! Cách tốt nhất là mấy ACE mình kể ra những câu chuyện nào mình cho là hay nhất và từ đó thấy ngay có thể kể cho ai nghe, nghĩa là đối tượng nào thích hợp, v.v... phải không?

B: Đồng ý! Mình bắt đầu trước nha! Có một anh chàng kia vừa cưới vợ nên cưng vợ hết biết! Nhưng anh ta vô phước gặp phải cô vợ rất ghét bà mẹ chồng. Cô ta bày ra trò bị bệnh nặng sắp chết và cho biết chỉ có trái tim người mẹ chồng mới chữa lành bệnh cô ta mà thôi. Anh chàng này tất nhiên là đau khổ lắm, nhưng trăm phương ngàn kế phải lấy cho được trái tim Mẹ, nếu không thì người vợ yêu quý

sẽ chết. Thế là một buổi chiều, anh chàng tìm cách dụ mẹ vào rừng chơi và nhân lúc bất ý, dùng dao đâm vào tim Mẹ để bà chết ngay không thể nói được lời nào! Xong anh ta móc trái tim bỏ vào hộp đựng nắp lại, ôm chiếc hộp chạy về nhà. Đường chàng vạng tối, anh ta vấp rễ cây ngã xuống, thì anh nghe tiếng Mẹ rõ ràng “con bị té có đau lắm không?” Tiếng nói phát ra từ trái tim của Mẹ trong chiếc hộp!

C: Trời ơi! Bạn kể chuyện gì mà nghe ghê rợn vậy? Con cái gì mà bất nhơn vậy hả? Có thật không? Vợ cũng “độc ác số một” nữa!

A: Mình có đọc truyện đó, hình như truyện ở Philippines hay Miến Điện gì đó, không phải chuyện ở Việt Nam đâu! Mình kể các bạn nghe chuyện này nè, là chuyện thật 100% nhưng cũng không phải người Việt mà là người Trung Hoa: Có một anh chàng kia lớn lên trong một cô nhi viện, được ăn học tử tế và cuối cùng đã tốt nghiệp đại học, có thể coi như thành công trong đời. Nhưng anh ta rất hận các bậc làm cha mẹ, và mỗi năm cứ đến ngày Hiền Mẫu (Mother's Day) thì anh ta không tham dự và

tuyên bố hẳn hoi là mình rất ghét ngày ấy. Ai cũng biết là cảnh sát đã lượm anh ta từ một bến xe đò và đem anh ta giao cho viện mồ côi này nên không ai ngạc nhiên cả. Một hôm bà hiệu trưởng đưa cho anh ta coi hồ sơ cá nhân của anh ta. Anh đọc thấy rất nhiều chuyện lạ trong hồ sơ, suy ra có gì bí ẩn trong cuộc đời của mình nên anh chăm chú nghiên cứu.

B: Chuyện lạ gì vậy? Bạn làm mình hồi hộp quá!

C: Tại sao bà hiệu trưởng không cho anh ta coi lúc nhỏ mà để lớn lên mới cho coi?

A: Tất nhiên là có lý do, các bạn hãy bình tĩnh mà nghe mới hấp dẫn chứ! Anh ta ngồi hàng giờ để quan sát những vé tàu lửa đi và về từ trạm xe bus ở gần trường (nơi anh ta được cảnh sát lượm về) đến một tỉnh ở rất xa trên vùng núi... Anh ta bèn “điều tra” và biết là tuy mẹ anh đem anh bỏ nơi trạm xe bus kia nhưng không phải là bỏ rơi mà là cố ý bỏ ở đó để con mình được viện mồ côi nuôi ăn học đàng hoàng, vì nhà cha mẹ anh rất nghèo, cơm không đủ ăn, áo không đủ che thân, lấy tiền đâu mà cho con đi học. Lòng đầy trắc ẩn pha lẫn hạnh phúc, anh ta đi kiểm lại

gia đình mình thì biết được thêm là bà mẹ vừa mất cách đó vài tháng. Bà đoán biết thế nào đứa con cũng tìm ra nguồn gốc của mình nên có để lại cho anh mấy tấm ảnh kỷ niệm. Nhờ vậy, anh ta còn được xem những tấm hình của mình trong ngày tốt nghiệp Tiểu học, Trung học rồi Đại học và khám phá ra rằng Mẹ đều có đến trường, chụp hình chung với toàn thể học sinh trong lớp, đứng gần anh ta nhưng không gần lắm! Anh ta cảm động đến chảy nước mắt khi nghe kể về tình trạng đói khổ của gia đình cha mẹ mình. Rồi anh ta tưởng tượng Mẹ đứng xa nhìn mình, theo dõi mình sống, học hành lớn lên dần ... lòng tràn ngập thương nhớ và hối hận đã có khi oán hận Mẹ.

B: Như vậy là cuộc đời anh ta đã thoát ra khỏi cảnh bần cùng khốn khổ của giai cấp “bần cố nông” của cha mẹ mình rồi! Bà mẹ nơi tuổi vàng cũng được mỉm cười sung sướng. Lòng hy sinh rất trí tuệ của bà đã được đền đáp xứng đáng.

C: Đúng vậy, câu chuyện người Mẹ độc đáo của bạn A kể làm mình nhớ đến chuyện này cũng rất cảm động: Một chàng thanh niên Mỹ độc thân sống xa

nhà, tạm gọi tên là Jack. Một hôm, nhân ngày Mother's Day, Jack ghé vào một tiệm hoa để đặt hoa tặng Mẹ ở quê nhà. Mẹ đang ở cách chàng hơn 400 km. Sau khi trả tiền, đi ra cửa, chàng gặp một em bé gái chừng 10 tuổi, đi vào tiệm nhìn chàng và hỏi: Chú có thể mua cho cháu một bông hoa hồng không? Được chứ! Cháu vào chọn đi! Cô bé vào chọn 1 bông hồng rồi lại hỏi Jack: Chú có thể cho cháu đi thăm Mẹ cháu được không? Được, cháu lên xe đi! Cô bé chỉ “nhà của Mẹ” cho Jack khi xe đi ngang một nghĩa trang “Chú ơi, Mẹ cháu ở trong này, Chú vào với cháu chứ?” “Được!” Jack trả lời và bước theo cô bé. Đến trước một ngôi mộ còn mới cô bé dừng lại nói: “Đây là nhà của Mẹ. Nhưng cháu không bao giờ còn có thể gặp Mẹ được nữa mặc dù hôm nay là ngày Mother's Day. Năm ngoái ngày này thật vui, Mẹ cười, Mẹ nói... còn bây giờ Mẹ đã nằm im trong này rồi!” Nói xong cô bé nức nở khóc. Jack đứng lặng yên nhìn, như muốn chia sẻ nỗi đau với cô bé nhưng anh tự biết là mình bất lực! Mắt anh cũng đỏ như mắt cô bé tự lúc nào không hay! Trời đã xế chiều, Jack nhắc

cô bé trở về nhà. Và sau khi đưa cô bé về nhà, Jack trở lại tiệm hoa. Bỏ đi cái hóa đơn đã đặt hoa gởi về tặng Mẹ, anh chọn mua một bó hoa tươi toàn thứ hoa ly trắng mà mẹ anh rất thích rồi lái xe về thăm Mẹ. Lái xe đi trong đêm nhưng Jack cảm thấy lòng mình thật ấm!

A: Như vậy chúng mình đã kể những chuyện tương đối “lạ” về Mẹ. Những chuyện này e rằng kể cho các em Oanh Vũ nghe không hợp, mình kể một chuyện khác, hy vọng các em sẽ thích nghe hơn: Có một con nai kia đang nuôi con dại. Một hôm, khi hai mẹ con chơi đùa với nhau thì một người thợ săn đến bắn chết

con nai mẹ vì nó có bộ lông rất đẹp. Trước khi dây chết, nai mẹ vắt sữa của mình ra cỏ cho nai con uống. Câu chuyện này cho thấy con người luôn tự hào mình là con vật cao hơn loài thú nhưng ở đây người thợ săn rõ ràng là tham lam, ác độc. Về đạo đức thì thua xa, không thể so sánh với con nai mẹ hiền lành giàu tình mẫu tử kia được.

B: Đúng vậy, câu chuyện bạn A vừa kể nếu được thực hiện dưới hình thức một hoạt cảnh thì các em rất thích, và Đoàn mình có được một tiết mục “Con nai hiền và Người thợ săn độc ác” trong văn nghệ Vu Lan rồi!

C: Ý kiến của bạn B làm mình



có thêm một tiết mục hoạt cảnh nữa, đó là “con Cò mà đi ăn đêm.” Hoạt cảnh này cũng minh họa được tình mẫu tử thiêng liêng của Cò Mẹ.

A: Phải rồi! Hình ảnh này còn dễ thực hiện hơn “con nai hiền” và còn rất nên thơ, lại có người đi câu đêm và mấy câu đối thoại của hai “nhân vật”, Cò và người: Ông ơi Ông vớt tôi nao, tôi có lòng nào ông hãy xáo măng, có xáo thì xáo nước trong, đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

B: Con Cò này là một triết gia, coi bộ đối với người lớn cũng khó hiểu chứ đừng nói là các em Oanh Vũ.

C: Đúng! Đúng! hoạt cảnh này không phải để cho Oanh Vũ đâu mà để cho ngành Thanh đây!

A: Các bạn nghĩ sao nếu mình trình bày bài hát có bốn câu:

“Mẹ là Phật, là Phật hóa thân
Mẹ là hoa, hoa đẹp tuyệt trần
Mẹ là suối, suối nguồn vô tận
Suốt cuộc đời làm kẻ hiền dâng.”

B: Mấy bài hát tương tự như vậy thì để làm nhạc nền cho các hoạt cảnh là được rồi. Mình có đọc được câu chuyện về Mẹ có thể diễn thành vở kịch được.

C: Mình biết rồi, có phải sự tích đức Quán Thế Âm Bồ-tát trong phim Trung Hoa không?

A: Mình nghĩ không phải phim mà là truyện “Quan Âm Tóc rối” của nhà văn Huỳnh Trung Chánh thì phải?

B: Bạn nói đúng ý mình rồi!

C: Sao hai bạn đều biết hết mà mình không biết. Kể chuyện ấy cho mình nghe với, tóm tắt cũng được!

A: Bạn tự đọc thì hay hơn, ở đây chúng mình chỉ nói khái quát chứ đâu có thể nói hết được!

B: Đúng vậy! Đọc xong “Quan Âm tóc rối” chúng ta thấy được ý nghĩa “Ngàn mắt ngàn tay” của Bồ-tát Quán Thế Âm. Đối với chúng ta, bất cứ ai cứu vớt chúng ta ra khỏi đau khổ, chết chóc, cho chúng ta hưởng sự an lạc nội tâm, đem hy vọng đến giữa lúc tuyệt vọng, v.v... thì đó đều là hiện thân của đức Quán Thế Âm Bồ-tát, hay Mẹ hiền Quan Âm.

C: Mình hiểu rồi, vì lòng mẹ, tình yêu của Mẹ là tình yêu vô điều kiện, dù cho đứa con có hiểu hay bất hiểu, thành công hay thất bại, khôn ngoan hay dại dột, Mẹ đều yêu thương bình đẳng.

A: Còn nữa, Mẹ theo nghĩa

rộng đó, không cứ là người Mẹ sinh ra mình mà có thể là một người bạn, một người quen hay không quen nhưng có duyên cứu vớt mình thì họ đều hiện diện ngay khi mình cầu cứu. Tuy vậy có người thấy được, có người không thấy.

B: Đúng vậy, tác giả “Quan Âm tóc rối” bảo rằng muốn gặp được Bồ-tát Quán Thế Âm thì phải tập nhìn, phải học hạnh lắng nghe, lắng nghe tiếng kêu cứu của thế gian; tập hạnh từ bi cứu khổ cứu nạn thì không những chỉ 32 hóa thân của Bồ-tát Quán Âm mà cả vô lượng vô biên ứng hoá thân của ngài sẽ thị hiện rõ ràng trước mặt!

C: Thật là hay quá! Hèn gì biểu tượng của Bồ-tát là Mẹ và tình Mẹ được biểu hiện qua “bát cơm phiếu mẫu”, qua một con cá lớn đưa thuyền vào bờ hay qua một hình bóng đứng giữa biển cứu những thuyền nhân thoát khỏi giông bão hãi hùng và những đợt sóng thần dữ dội, v.v...

A: Phải rồi, Mẹ hiện Quán Âm thị hiện ở khắp mọi nơi, chỗ nào có cảm thì tất nhiên có ứng, bởi vậy mà trong nhân gian có câu:

Ao nào cũng có ánh trăng

Nhà nào cũng có Quan Âm

hiện tiền.

B: Mình nghĩ rằng “Quan Âm hiện tiền” trong mọi nhà chính là người Mẹ. Người Mẹ nào cũng yêu con cái hơn cả bản thân mình, hy sinh cho con cái ngay từ khi con mới lọt lòng (Bên ướn mẹ nằm bên ráo con lăn).

C: Thật là hay quá, mình cảm ơn các bạn đã khai triển đề tài này. Mình nhất định phải tu tập để được làm một cánh tay hay một con mắt của Mẹ Hiền Quán Âm có ngàn vạn hay triệu mắt triệu tay mới được!

A: Mình nghĩ rằng ai là người con Phật cũng có ước mong như bạn vậy cả. Chúng ta hãy cùng nhau cố gắng nha!

B: Đồng ý. Nhân mùa Vu Lan, chúng ta hãy cảm ơn những bà Mẹ cho chúng ta đã gặp mặt trong đời. Mặt khác hãy tu tập hạnh từ bi đem vui cứu khổ của đức Quán Thế Âm Bồ-tát để được trở thành một cánh tay, một con mắt trong vô lượng vô biên cánh tay và con mắt của tình thương của Mẹ.

C: Xin cảm ơn các bạn về buổi hội thảo ích lợi này, xin hẹn lần sau. Tạm biệt!

A và B: Tạm biệt! Tạm biệt!■

Chiều nay

có đứa con xa nhớ thầm

■ LÊ UYỂN VĂN



Không phải ngẫu nhiên tôi gọi Khánh Lam là “đứa con gái cưng của miền Tây Nam bộ”, trạng từ này tôi muốn âu yếm dành cho người con gái xa quê, xa lắm! Xa đến mức có một chiều, nỗi nhớ thầm của Khánh Lam đã bật thành thơ, bài thơ “Nẻo về Yêu Thương”:

*“Mưa bong bóng,
ngày con đi lấy chồng
Giọt lệ buồn rớt lại bên sông
Ô cửa sổ ngày xưa Mẹ ru con ngủ
Thuở nằm nôi,
cho đến lúc má hồng.*

*Gót phiêu bông,
con cô đơn, đếm bước
Cùng tháng năm, đi trên lệ ưu phiền
Con xa ngái bên nửa vòng trái đất
Tìm Mẹ già,
nào được phút bình yên?*

*Cánh chim biển,
đôi lúc chùng, chân mỏi
Mơ ngược dòng gió bạt trở về thăm
Tổ ấm xưa sà lòng Mẹ con nằm
Òa lên khóc,
trong vòng tay của Mẹ.*

*Giá cuộc sống,
và tuổi đời vẫn trẻ
Con nguyện về sống cạnh Mẹ thân yêu
Để chăm lo cho Mẹ lúc xế chiều
Xoa dầu nóng,
đem trái trời Mẹ lạnh.*

*Bao ước mơ,
con ước rất chân thành
Nhưng vẫn chỉ là ước mơ, Mẹ nhỉ?
Bởi cuộc đời không như là mộng mị
Tháng ngày trôi,
con bần bật phương này.*

*Trên đường về,
con nghe mắt cay cay
Bên kia xe dáng ai ngồi giống Mẹ
Đêm tĩnh lặng con mơ màng gọi khẽ
Chiêm bao về,
gặp Mẹ, thỏa nhớ mong!*

*Con sẽ vui,
nơi ấy Mẹ yên lòng
Nghe lời Mẹ, con giữ gìn hạnh phúc
Bởi con biết đó là điều Mẹ ước
Đời Mẹ nhọc nhằn,
mong con thành thoi hơn.*

*Con nguyện cầu,
xin đức Phật ban ơn
Cho Mẹ sống – khỏe – vui trăm tuổi
Và hành trình nẻo hoàng hôn lâu tới
Thêm thời gian,
cho đời Mẹ, Mẹ ơi!*

Thơ của Khánh Lam đó, cái chất Nam bộ đậm đặc trong Lam là thế đó, không hoa mỹ, không cầu kỳ, không khuôn sáo, rất hiếm hoi những phép tu từ. Thơ cứ tự nhiên, cứ giản dị tuôn trào như nỗi nhớ, như lời thì thầm, ti tê bên gối mẹ. Bài thơ mở ra như đôi cánh cửa, dắt tôi về với những hoài niệm, bắt đầu từ một ngày mưa – “mưa bong bóng” – cơn mưa từng thấp thoáng trong ca dao, cơn mưa dai dẳng ngoài trời hay cơn mưa cứ bứt rứt trong lòng đưa con gái lìa quê ly xứ. Thế rồi, mưa đọng thành “giọt lệ buồn rớt lại bên song”, điểm “rớt” đâu phải vô tình, khung cửa sổ ấy là nơi chứa chứa bao kỷ niệm từ thuở “nằm nôi, cho đến lúc má hồng”, nơi mẹ từng ru Lam ngủ, nơi Lam bao lần ngồi mộng mơ suốt thời thiếu nữ, nơi Lam ước ao được quay về để sà vào lòng mẹ rồi “òa lên khóc trong vòng tay của Mẹ”. Thế rồi, ước mơ được nuôi dưỡng lớn thành nỗi khát khao:

*“Con nguyện về sống cạnh Mẹ thân yêu
Để chăm lo cho Mẹ lúc xế chiều
Xoa dầu nóng,
đem trái trời Mẹ lạnh.”*

Đọc mấy câu thơ này, chẳng rõ có gì, tôi lại liên tưởng đến nỗi niềm của người con gái trong ca dao xưa, thầm lén “Chiều chiều ra đứng ngõ sau, trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”, tôi có cảm giác, khi viết nó, tâm hồn Khánh Lam đã rời xa thành phố cực kỳ hoa lệ, thực sự về với quê hương, về với ngôi nhà cũ có dáng mẹ ngồi trong bóng chiều chập choạng, vắng đâu đó tiếng Thạch Sùng chép miệng, tiếng mưa rơi, tiếng gió rít ở đầu hồi... và hình dung làn khói đốt đồng cay sè con mắt la đà dưới ánh hoàng hôn, làn hương bông bưởi, bông cau đầm đẫm ánh trăng chiều, làn gió chướng dạt dào, cởi mở, phây phẩy đưa trời lộng lên cao... và nhiều, nhiều nữa, cảnh sắc, con người, kỷ niệm cứ chệnh choáng ùa về.

Hình ảnh người Mẹ trong thơ Khánh Lam, trong trái tim Khánh Lam, hi sinh thầm lặng như bao người mẹ khác: “Tim Mẹ già, nào được phút bình yên?” “Đời Mẹ nhọc nhằn, mong con thành thời hơn” nhưng đó là người Mẹ của riêng Lam (Lam luôn viết hoa từ này như một niềm trân trọng đồng thời như một danh từ riêng), không có mái tóc nhuộm màu thời gian trắng xóa, không có đôi vai gầy trịu

nặng ưu tư, không có nước mắt, không có nếp nhăn... chỉ bằng bạc một nỗi lòng khắc khoải mà nỗi lòng đó, Lam hiểu hơn ai hết, nên Lam viết như một lời hứa, một lời cầu nguyện:

*“Con sẽ vui,
nơi ấy Mẹ yên lòng
Nghe lời Mẹ, con giữ gìn hạnh phúc
Bởi con biết đó là điều Mẹ ước
Đời Mẹ nhọc nhằn,
mong con thanh thoi hơn.”*

*“Con nguyện cầu,
xin đức Phật ban ơn
Cho Mẹ sống – khỏe – vui trăm tuổi
Và hành trình nẻo hoàng hôn lâu tới
Thêm thời gian
cho đời Mẹ, Mẹ ơi!”*

Lời nguyện cầu như thắp một bình minh cho hành trình đi về phía hoàng hôn của mẹ, có lẽ niềm lo lắng ẩn náu trong Lam là nỗi lo thường tình của những ai còn Mẹ, như Đỗ Trung Quân từng viết:

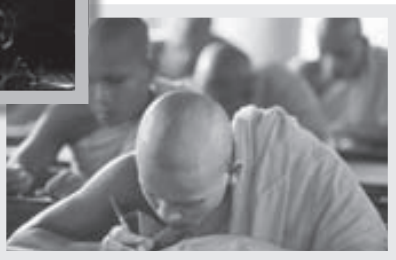
*“Anh đã bao lần dừng lại trên phố quen.
Ngả nón chào xe tang qua phố
Ai mất mẹ? sao lòng anh hoảng sợ
Ngày tháng kia... bao lâu nữa của mình.”*

Có lẽ trong cuộc đời, không phải ai cũng được đón nhận hạnh phúc như Khánh Lam, có một người mẹ để mà hướng về khi “cánh chùng, chân mỏi”, khi “phiêu bồng đếm bước cô đơn”, khi “mất cay cay”, khi “bắn bật phương trời” và cũng không phải ai cũng hạnh phúc như Mẹ của Lam, có đứa con biết trân trọng nâng niu tình thương của mẹ. Hạnh phúc ở đời đôi khi thật giản dị nhưng lại là sự tìm kiếm đến vô vọng của bao người!

Chưa bao giờ tôi được diễm phúc như Khánh Lam, khi đọc “Nẻo về Yêu thương”, tôi nghe có gì sôi lên trong mắt nên ghi lại những cảm nhận của mình. Tôi mong bài viết này như một bông hồng, ân cần cài lên áo Khánh Lam trong mùa “Vu lan Báo hiếu”...■



■ THÍCH NGUYỄN HIỆP



GIÁO DỤC PHẬT GIÁO QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI

(tiếp theo)

III. Giáo Dục Phật Giáo: Hiện Tại

Thế kỷ 20 là thế kỷ mà Phật giáo đã đối mặt với rất nhiều vấn đề và có sự biến chuyển lớn lao bởi sự tác động khách quan của những điều kiện lịch sử và xã hội. Sự va chạm mạnh mẽ với nền văn minh Tây phương đã có lúc khiến cho giới Phật giáo cảm thấy chao đảo bởi không ít người là Phật tử hoặc mang truyền thống Phật giáo đã hồ hởi đón nhận nền văn minh mới mẻ đối với họ và quay sang phủ nhận những giá trị văn hóa truyền thống. Cũng trong thế kỷ 20, Phật giáo, phần lớn Phật giáo Đại thừa, lại phải đối mặt với một hệ tư tưởng chống tôn giáo rộng khắp trên những đất nước mà ở đó mình hiện diện. Va đập, đối đầu, bị công kích, thậm chí bị tàn phá và thủ tiêu, thế kỷ 20 có thể nói là một thế kỷ đầy “bi kịch” đối với Phật giáo Đại thừa (gồm cả Mật giáo). Tuy nhiên trong thế kỷ 20, nơi này nơi kia vẫn mở ra những cơ hội đối với Phật giáo, ít nhất là ở Ấn Độ.



Như đã biết, Ấn Độ trở thành thuộc địa của Anh từ giữa thế kỷ 18. Sự cai trị và “khai hóa” của Anh đã đưa nhiều nhà khảo cổ, học giả... đến với mảnh đất này mà sự khảo sát và nghiên cứu của họ đã khai mở lại những giá trị đã bị lãng quên bấy lâu, và Phật giáo là một trong những giá trị đó. Với sự hình thành của Hội Pali Texts Society vào cuối thế kỷ 19 đi kèm theo nghiên cứu và dịch thuật, cùng với các công trình khảo cổ nổi tiếng của Alexander Cunningham, cũng như sự có mặt và góp sức của The Mahabodhi Society do Dharmapala thành lập ở Srilanka nhưng có trụ sở ngay sau đó ở Calcutta (thủ đô cũ của Ấn), đã là những cơ hội đầu tiên cho hình ảnh Phật giáo xuất hiện trở lại ở đất nước này. Những khám phá, nghiên cứu và góp công của những tổ chức này về sau có những tác động nhất định đến giới văn nghệ sĩ Ấn cũng như những nhà lãnh đạo của đất nước này, mà những phát biểu của họ đã có những ảnh hưởng tích cực đối với Phật giáo.

Nhưng sự hồi sinh chính thức của Phật giáo tại Ấn phải kể đến từ sau sự kiện B. R. Ambedkar quy y theo Phật giáo cùng với

hàng trăm ngàn người đi theo và ủng hộ ông. Sự kiện này đã trở thành một phong trào tôn giáo xã hội có ảnh hưởng mạnh mẽ, tác động sâu sắc vào tầng lớp giai cấp thấp, đưa đến những cuộc cải đạo tập thể đông đảo, làm nổi dậy hình ảnh Phật giáo đã bị chôn vùi trong nhiều thế kỷ. Phật giáo được hồi sinh với sự giải thích giáo lý theo B. R. Ambedkar đã khiến nhiều người gọi đó là Phật giáo Mới, hay Phật giáo Ambedkar!

Số người quy ngưỡng theo Phật giáo từ phong trào của B. R. Ambedkar, cộng với số lượng tín đồ ở các vùng giáp ranh với Tây Tạng và Miến Điện như Ladakh, Moziram và Sikkim... đưa số lượng tín đồ Phật giáo tại Ấn Độ hiện nay lên được con số 6.5 triệu người, chiếm 0.76 % dân số Ấn!

Phật giáo tại Ấn như vậy chính thức được hồi sinh vào giữa thế kỷ 20, và do vì vừa mới hồi sinh chỉ trong vòng vài thập kỷ nên cộng đồng tăng lữ ở đây rất còn “non trẻ”. Những người

1. Thom Wolf, “Buddhism in the 21st Century: Three Challenges”, trong *Buddhism and the Contemporary World*, edited by B. Mungekar & A. S. Rathore, New Delhi: Bookwell, 2007, tr. 41.

xuất gia phần lớn xuất thân từ tầng lớp giai cấp thấp nên trình độ học vấn khá hạn chế, trong khi đó những ngôi chùa của Ấn chưa đủ khả năng trở thành những tu viện có thể huấn luyện và đào tạo họ thành những tăng sĩ thông thạo trong lĩnh vực chuyên môn của họ, và giáo dục tự viện nói chung không có gì để nói. Chỉ trừ những tu viện theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng



ở Ladakh, Sikkim, Dharamsala và Nam Ấn, cũng như một vài trung tâm tu thiền theo truyền thống Vipassana mà có thể được coi như là những trung tâm giáo dục Phật giáo.

Từ giữa thế kỷ XX, Phật giáo cũng đã trở thành một môn học trong nhiều trường học, và trở thành phân khoa trong một số trường đại học khác ở Ấn Độ. Nhưng việc dạy Phật học tại các đại học không phải là giáo dục

Phật giáo, đó chỉ đơn thuần là giảng dạy văn hóa, lịch sử và triết học của một tôn giáo. Giáo dục Phật giáo phải là một nền giáo dục được dựa trên triết học giáo dục Phật giáo, tức là nền giáo dục đó phải hướng đến những mục đích mà Phật giáo nhằm đến (đã nói ở phần một). Giáo dục Phật giáo không chỉ có nghĩa là việc truyền trao kiến thức về văn học, lịch sử và triết học của Phật giáo đến một bộ phận người nào đó, mà còn đào tạo nên những con người ngoài việc có kiến thức Phật học, cần phải tu tập bản thân và cống hiến cho xã hội những giá trị sống của Phật giáo mà mình đã hấp thụ được...

Ở Trung Quốc, với Cách mạng Tân Hợi 1911, đưa đến sự cáo chung của vương triều nhà Thanh, kết thúc thời kỳ phong kiến hàng ngàn năm, dẫn đến những thay đổi xã hội lớn lao từ những thập niên đầu của thế kỷ 20. Sau cách mạng Tân Hợi, giới trí thức Trung Quốc hầu như hướng về văn minh Tây phương. Nhập nhằng giữa tinh thần khoa học và các giá trị văn hóa, họ quay sang coi nhẹ những giá trị truyền thống. Phật giáo Trung Quốc với sự đình trệ trong những

thế kỷ trước đó đã không tạo nên được một hình ảnh đẹp đẽ và không còn hấp dẫn đối với tầng lớp trí thức, và rồi trở thành đối tượng bị lên án bởi nhiều người.

Từ sau 1949, Phật giáo Trung Quốc lại phải đối mặt với một làn sóng chống tôn giáo mới. Tuy nhiên cao trào chống Phật giáo ở đây phải kể từ 1966-1976, trong cái gọi là Đại cách mạng văn hóa. Trong thời kỳ này, nhiều chùa chiền bị đập phá, tăng sĩ bị buộc hoàn tục, nhục thân xá lợi của các thiền sư bị đem đi thiêu đốt, đất đai bị chiếm dụng...² Nhưng tất cả những điều đó chưa phải là “pháp nạn” chính của Phật giáo Trung Quốc thời kỳ này, mà pháp nạn chính là từ sau đó các thế hệ học sinh bị giáo dục để nhìn tôn giáo, cụ thể là Phật giáo, bằng cặp mắt khinh bỉ, cần phải tẩy chay và xa lánh như một thứ bệnh hủi. Một thời kỳ thê thảm nhất của Phật giáo Trung Quốc mà bốn thời kỳ pháp nạn của Phật giáo trước đó ở xứ

này so ra không có gì đáng kể³. Có thể so sánh thời kỳ này với thế kỷ 13 của Phật giáo Ấn Độ, nếu nói nó nhẹ hơn là bởi tăng sĩ không bị sát hại, tuy thế họ lại bị ám hại theo một thể thức khác, cũng không kém phần tệ hại!

Trong khi hàng loạt tăng sĩ bị buộc phải hoàn tục, thì một số khác vẫn được giữ lại, rồi cùng



với những người mới được tuyển chọn đào tạo sung vào làm tăng, họ trở thành những người giám sát và đếm tiền ở những ngôi chùa bị biến thành những địa điểm du lịch hoành tráng, hay trở thành những con rối trong các vấn đề đối ngoại. Phật giáo hầu như không còn mấy ảnh hưởng

2. Ven Jing Yin, “Buddhism and Economic Reform in Mainland China”, trong *Chinese Religions in Contemporary Societies*, edited by James Miller, UK: Oxford, 2006, tr. 85

3. Bốn kỳ pháp nạn trước đó xảy ra dưới các triều vua: Thái Võ Đế (423 – 451); Võ Đế (560-578); Đường Võ Tông (840-846); và Châu Thế Tông (954-959).

và không có chút uy tín nào trong cộng đồng xã hội, nhất là đối với tầng lớp học thức!

Sau thời kỳ Đại cách mạng văn hóa, với sự tăng trưởng kinh tế ngoạn mục ngoài mức mong đợi, xã hội Trung Quốc đã hình thành nên một lớp người giàu có rất mực, nhưng cũng đã hình thành nên một sự chênh chênh lớn lao giữa tầng lớp giàu và tầng lớp nghèo, cũng hình thành nên nỗi “trống trải cô đơn” sâu đậm trong tầng lớp thị dân, sự mất niềm tin trong lớp trẻ, sự đói khổ và cảm thấy như bị bỏ rơi trong tầng lớp những người nghèo bởi bất lực không đuổi theo kịp sự phát triển của xã hội. Những nhà truyền đạo Tin Lành là những người đã “lắng nghe và thấu hiểu” rõ thực trạng của xã hội Trung Quốc. Với phương thức khéo léo và được sự trợ giúp của các tổ chức từ Mỹ và Anh, họ đã len lỏi có mặt kịp thời khắp nơi, an ủi và mang “tin lành” đến với quảng đại quần chúng. Với một kết quả thật ngoạn mục, theo thống kê của CCRC (Chinese Church Research Centre) có trụ sở tại Hồng Kông, con số tín đồ của Tin Lành hiện nay đã lên đến 80 triệu, cho dù nhà nước

Trung Quốc có thông báo rằng chỉ có 10 triệu tín đồ Tin Lành tại đây. Trong khi Thiên Chúa giáo La Mã có khoảng 12 triệu (thông báo của chính phủ TQ là 4 triệu)⁴. Vào các ngày chủ nhật, các nhà thờ Tin Lành được cho là có đông tín đồ đi lễ hơn so với các nhà thờ ở châu Âu hiện nay⁵.

Sau 1979, chính sách về tôn giáo của Trung Quốc thay đổi, các tôn giáo được hành hoạt tự do hơn, do đó các tự viện Phật giáo đã bắt đầu được mở cửa trở lại. Theo thông báo vào năm 2003 của Hội Phật giáo Trung Quốc (Hội này được thành lập vào năm 1953), có 13,000 tự viện đã được mở cửa vào thời điểm đó, và có 180,000 tăng sĩ trên toàn lãnh thổ. Trong số này hết 120,000 tăng ni thuộc Tây Tạng, 60,000 người còn lại phân bố rải rác ở các tỉnh Tứ Xuyên, Thanh Hải

4. Trong bài “Christianity in China: Sons of heaven” trên tạp chí *The Economist* ở Anh đã nêu con số tín đồ Ky-tô giáo từ 70-130 triệu.

5. Francis Ching-Wah Yip, “Protestant Christianity in Contemporary China”, trong *Religions in Contemporary Societies*, edited by James Miller, UK: Oxford, 2006, tr. 175. Trong bài này tác giả đưa ra số lượng tín đồ Tin Lành hiện nay là 30 triệu.

cùng một số tỉnh khác. Số lượng tăng sĩ theo Phật giáo Theravada là 8000 người, chủ yếu sống ở tỉnh Vân Nam. Hiện tại có 34 trường Phật học tại Trung Quốc, trong đó sáu trường thuộc về Tây Tạng. Tín đồ Phật giáo theo thống kê của chính phủ là 100 triệu, nhưng Eric O. Hanson trong cuốn “Religion and Politics in the International System Today” thì đưa ra con số 10 triệu cho cả ba tôn giáo truyền thống là Lão, Khổng và Phật (!?)⁶. Tổ chức RISR (Real International Statistics on Religion) thì cho rằng có từ 6 - 9% dân số Trung Quốc theo Phật giáo.

Mặc dù Phật giáo Trung Quốc đã thoát khỏi “nạn” Cách mạng văn hoá gần 30 năm và được xem là phát triển mạnh lại ở đây, nhất là tại các thị thành, tuy thế giáo dục Phật giáo tại đây vẫn chưa được phát triển. Tăng sĩ sau nhiều thập niên bị xã hội tẩy chay, không được tham dự vào các trường công, trong khi hệ thống giáo dục tự viện gần như bị xoá sổ, đã không có đủ

khả năng để phát triển giáo dục Phật giáo trở lại khi chính sách thay đổi. Và thay vì cố gắng phát triển văn hóa, hoằng pháp và giáo dục, nhiều tăng sĩ Trung Hoa đã hồ hởi chạy theo kinh tế thị trường, lo phát triển của cải vật chất để trở thành những phú táng thời đại.

Các trường Phật học dù hiện diện vẫn không đủ khả năng đào tạo nên những tăng sĩ có tâm huyết với tôn giáo của mình, không đủ khả năng đào tạo nên những con người nhạy bén bắt kịp thời cuộc; và các tăng sĩ vẫn không cất được tiếng nói có giá trị và hành động tích cực để cho xã hội nhìn mình khác đi. Dù có sự hiện diện của 34 trường Phật học, rất nhiều tu sĩ Trung Quốc hiện nay, nhất là nữ tu, vẫn chịu cảnh thất học, cả về nội điển lẫn ngoại điển!

Các tự viện quá chú trọng vào đầu tư và kinh doanh, từ mở công ty đến biến chùa thành khu du lịch, để rồi bị xem như là “những cỗ máy sản xuất tiền”⁷. Ngay như Thiếu Lâm tự, một cơ sở văn

6. Eric O. Hanson, *Religion and Politics in the International System Today*, UK: Cambridge University Press, 2006, tr. 165-176

7. Ven Jing Yin, “Buddhism and Economic Reform in Mainland China”, trong *Chinese Religions in Contemporary Societies*, edited by James Miller, UK: Oxford, 2006, tr. 86.

hóa nổi tiếng của Phật giáo giờ đây cũng đã trở thành một “trụ sở thương mại”. Các sư đã biến môn võ truyền thống thành một thứ “mãi võ” đem rao bán khắp nơi dưới cái mỹ danh giới thiệu văn hóa.

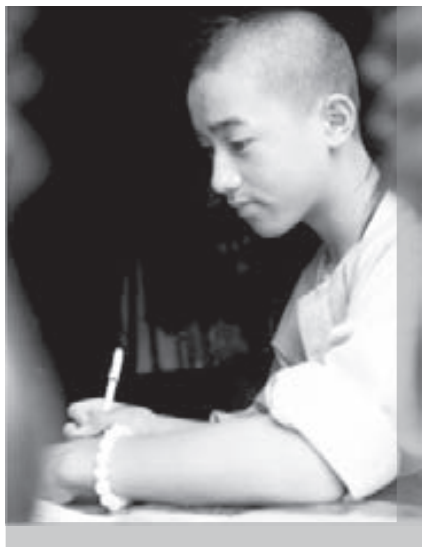
Hòa Thượng Chin Kung trong cuốn “Phật giáo là giáo dục” đã xếp Phật giáo thành bốn nhóm: 1. Phật giáo là một tôn giáo, và ngài đã đưa Phật giáo ở Đài Loan vào nhóm này; 2. Phật giáo học thuật mang tính hàn lâm, và Phật giáo Nhật Bản được ngài xếp vào đây; 3. Phật giáo bị biến thành một thứ nghi lễ dành cho ma chay; và 4. Phật giáo thuần túy là Phật giáo⁸. Trong bốn nhóm này, nếu phải xếp Phật giáo Trung Quốc hiện nay vào trong một nhóm, thì nó hẳn thuộc nhóm thứ ba. Và nếu phải phân thêm một nhóm khác nữa, thì đó phải là “Phật giáo du lịch”, và Phật giáo Trung Quốc hiện nay cũng được xếp vào nhóm này! Giáo dục Phật giáo ở Trung Hoa lục địa hiện là một thực trạng. Và khi giáo dục Phật giáo đã là như vậy thì khó mong Phật giáo phát triển tốt ở đây, dù



cho hiện nay ngày càng có nhiều người đến chùa lễ bái. Tuy nhiên, với sự giúp sức hiện nay của các tổ chức Phật giáo đến từ Đài Loan, hy vọng Phật giáo Trung Quốc sẽ thoát ra khỏi sự bế tắc này để phát triển trở lại.

Quay sang Nhật. Ngài Chin Kung xem Phật giáo Nhật nghiêng về học thuật và mang tính hàn lâm. Từ thời kỳ mới du nhập cho đến khi phát triển mạnh mẽ, Phật giáo Nhật luôn coi trọng việc giáo dục và sự đóng góp của giới Phật giáo cho lĩnh vực này phải nói là rất đáng kể. Trong quá khứ, giáo dục Phật giáo Nhật đã chi phối rất lớn đời sống xã hội, ảnh hưởng đến các môn nghệ thuật, và nhất là đã tạo

8. Hòa thượng Chin Kung, *Buddhism as an Education*, ấn bản điện tử của Buddhnet, tr. 7



nên được một “tâm thức Phật giáo” trong đời sống cộng đồng.

Vào thời Minh Trị, mặc dù Nhật Hoàng Minh Trị (Meiji) đã tách Thần đạo ra khỏi sự ảnh hưởng của Phật giáo và nâng Thần Đạo lên làm quốc giáo, thì với những ảnh hưởng vốn có, lại không phải đối đầu với những trào lưu chống tôn giáo nào, Phật giáo Nhật vẫn có những cơ hội để phát triển và truyền bá tư tưởng học thuật của mình ra thế giới bên ngoài, đặc biệt là phương Tây. Trong quá khứ, các chùa của Nhật thường có các trường học đi kèm theo, và hiện nay một số nơi vẫn còn giữ được truyền thống này.

Trong các nước theo Phật giáo Đại thừa thì Nhật là nơi có nền giáo dục Phật giáo phát triển nhất ở thời điểm hiện tại, tất nhiên là về mảng nghiên cứu học thuật. Các sách viết về Phật học được cho là rất phong phú và xếp đầy các nhà sách ở Tokyo. Có khá nhiều trường đại học Phật giáo ở Nhật, ngay cả trường đại học Phật giáo quốc tế. Tuy nhiên, các tăng sĩ Phật giáo và giới học giả Nhật quá chú trọng vào việc nghiên cứu và chú giải kinh điển mà ít chú trọng vào việc diễn giải giáo lý ấy thành những điều thực tiễn thích ứng với bối cảnh hiện đại⁹. Dù có nhiều phát triển trong lĩnh vực học thuật, Phật giáo Nhật cũng đang đối mặt với nhiều vấn đề của xã hội hiện đại, nhất là chủ nghĩa tiêu thụ mà nó đã len lỏi khắp mọi ngõ ngách xã hội. Và một bộ phận lớn tăng sĩ Nhật cũng quá thiên về dịch vụ tang ma, điều bị phê bình rất nhiều vì đã khiến cho Phật giáo trở thành một tôn giáo dành cho người chết.

Phật giáo Hàn Quốc gần đây

9. Stephen G. Covell, “Buddhism in Japan: The creation of traditions”, trong *Buddhism in World Cultures*, edited by Stephen C. Berkwitz, Carlsifornia: ABC-CLIO 2006, tr. 219 - 222.

được chú ý bởi những cuộc biểu tình chống chính phủ về vấn đề kỳ thị tôn giáo. Và vẫn có những ý kiến trái ngược nhau về hiện tình Phật giáo tại đất nước này.

Như đã nói ở trước, Phật giáo từng có những thời kỳ rất hưng thịnh ở Hàn Quốc, nhưng từ thế kỷ 14 đến đầu thế kỷ 20 Phật giáo bị suy yếu ở đây khi Nho giáo nắm quyền thống trị về tư tưởng và chính trị. Từ đầu thế kỷ 20, với sự thôn tính của Nhật Bản, Phật giáo được phát triển trở lại với sự góp sức của các tăng sĩ Nhật. Nhưng trong sự góp sức đó, những tăng sĩ Nhật (những người theo phái Tân tăng) cũng đã tạo nên một điều dẫn đến sự chống đối của một bộ phận Phật tử Hàn Quốc là cho phép các tăng sĩ ở đây được kết hôn¹⁰. Chính vấn đề này đã dẫn đến một sự chia rẽ sâu sắc và làm suy yếu đi Phật giáo Hàn, một điều đã khiến cho Tin Lành có nhiều ưu thế khi bành trướng thế lực ở đây vào những năm giữa cuối thế kỷ XX.

10. Pori Park, “Buddhism in Korea: Decolonization, Nationalism, and Modernization”, trong *Buddhism in World Cultures*, edited by Stephen C. Berkwitz, Carlifornia: ABC-CLIO 2006, tr. 195

Thường khi nói đến Phật giáo Hàn Quốc chúng ta chỉ nghĩ đến Phật giáo Nam Hàn. Bắc Hàn, một đất nước “bí ẩn”, khó có thể biết được tín đồ Phật giáo ở đây là bao nhiêu. Mọi con số đưa ra chỉ mang tính ước đoán, xê dịch từ 2 % cho đến 60 %. Nếu con số 2 % là chính xác, thì điều đó vẫn không khiến ta ngạc nhiên khi biết rằng phần lớn dân chúng Bắc Hàn hiện nay đều là “tín đồ” của ông Kim Chính Nhật (và trước đó là ông Kim Nhật Thành). Và nếu con số 60 % là có thực, thì không phải vì Phật giáo ở Bắc Hàn được khuyến khích phát triển, mà bởi vì nó không bị cạnh tranh và bị giành giật tín đồ gay gắt bởi Tin Lành như ở Nam Hàn.

Quay trở lại Phật giáo ở Nam Hàn. Với việc đổ bộ của các nghiệp đoàn của Mỹ từ sau chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), dân chúng của đất nước này đã choáng ngợp trước một nền văn minh mới được truyền vào. Lại không phân tách được đâu là văn minh vật chất nhờ tiến bộ khoa học kỹ thuật và đâu là những giá trị văn hóa thực sự, rất nhiều người Hàn đã quay sang với Tin Lành, bởi nhầm lẫn rằng tôn giáo này có thể giúp họ trở

nên văn minh và giàu có¹¹. Trong khi đó các tổ chức Tin Lành thì có những chiêu bài cải đạo rất “độc chiêu”. Họ lôi kéo những nhân vật có tên tuổi trong xã hội, rồi tổ chức những buổi rửa tội quy mô tại những hội trường và sân vận động lớn; trong buổi lễ họ cho những nhân vật đó phát biểu, đại loại rằng Tin Lành là tôn giáo văn minh, nên theo; còn Phật giáo là tôn giáo mê tín, làm nghèo xã hội và nên loại bỏ. Đó là chưa kể đến việc họ công khai viết những khẩu hiệu đả đảo và sỉ nhục Phật giáo lên các tường chùa. Bên cạnh việc trợ giúp vật chất và giáo dục, những sự kiện cải đạo như thế này đã lôi kéo rất đông dân chúng đi theo.

Nhưng Tin Lành phát triển mạnh ở đây từ giữa thế kỷ 20 đến

11. Max Weber, giáo sư người Đức, một trong 4 nhà xã hội học nổi tiếng nhất thời hiện đại, cho rằng tôn giáo có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, và ông dẫn chứng rằng sự ảnh hưởng của Tin Lành đối với Hoa Kỳ, Hà Lan, Anh, đã giúp cho các nước này có nền kinh tế phát triển. Quan niệm của ông đã ảnh hưởng đến không ít người châu Á, nhất là những nơi chịu ảnh hưởng Hoa Kỳ. Tuy nhiên, quan niệm đó đã được chứng minh là có nhiều hạn chế (trường hợp Nhật Bản, Singapore?). Xem phê bình của Richard F. Gombrich trong cuốn “*Theravāda Buddhism*”, tr. 11-15.

những năm cuối của thế kỷ này và sau đó thì chững lại. Sau một vài thập kỷ, có lẽ dân chúng đã đủ “độ lùi” để nhìn lại và cũng đã đủ giàu để không còn chạy theo bánh mì và gạo.

Phật giáo trong những thập niên bị Tin Lành lấn lướt cũng đã phải nhìn lại mình để rồi có những thay đổi và điều chỉnh thích hợp. Trong cái rủi vẫn có cái may! Phật giáo trong thời kỳ này đã có những cải cách nhất định. Các tăng sĩ đã trở nên đoàn kết hơn, cố gắng phát triển văn hóa, hoằng pháp và giáo dục. Từ những năm đầu của thế kỷ 21, Phật giáo Nam Hàn được cho là phát triển nhanh hơn Tin Lành. Nhiều trường Phật học đủ các cấp được mở ra, các lễ hội, như lễ Phật đản được tổ chức rất quy mô và rất có ảnh hưởng vào đời sống văn hoá. Các tăng sĩ ở đây cũng học theo cách làm của Phật giáo Theravada, tổ chức những khóa xuất gia ngắn hạn cho những người nhỏ tuổi.

Tuy nhiên, dù số lượng tín đồ Phật giáo Nam Hàn hiện nay đông hơn Tin Lành và Thiên Chúa giáo La Mã, thì cơ sở sinh hoạt tâm linh, cơ sở giáo dục và các nhóm truyền giáo lại không

nhiều bằng: Phật giáo có 846 ngôi chùa; Tin Lành có 63,275 nhà thờ; Thiên Chúa giáo La Mã có 1,152. Phật giáo có 69 hội đoàn; Tin lành có 162; Thiên Chúa giáo La Mã có 1. Phật giáo có 3 trường đại học; Tin Lành có 38; Thiên Chúa giáo La Mã có 9. Bên cạnh đó Tin Lành còn có thêm 9 cơ sở giáo dục sau đại học, trong khi Phật giáo không có được một cơ sở nào¹². Với giáo dục được đẩy mạnh và phát triển như vậy, Tin Lành rõ ràng có rất nhiều ưu thế để phát triển về sau.

Trong các nước theo Phật giáo Theravada thì Sri Lanka được xem là nơi có nền Phật học phát triển nhất, trong quá khứ cũng như hiện tại. Phật giáo với sự trợ giúp của chính phủ đã có những công trình nghiên cứu Phật học có giá trị. Tăng sĩ được đào tạo và huấn luyện kỹ về nhiều phương diện để có thể truyền bá Phật pháp cũng như đảm nhận những công tác xã hội, trong đó gồm cả dạy học cho người thế tục cũng như hướng dẫn đạo đức

cho họ. Nhiều tự viện trở thành nơi dạy học cho mọi thành phần xã hội và Phật giáo cũng được giảng dạy và thực hành trong các trường học. Dù có một thời gian là thuộc địa của Anh, một bộ phận dân chúng đã theo Anh giáo, thì Phật giáo hiện nay vẫn chiếm ưu thế và cũng được xem như là quốc giáo.

Ở Sri Lanka, những hoạt động xã hội của Phật giáo phát triển rất mạnh mẽ. Điều này có cơ sở từ thời nước này còn là thuộc địa của Anh khi những tổ chức Phật giáo được hình thành để chống lại sự cai trị của Anh và sự bành trướng đầy kỳ thị của Anh giáo, và những tổ chức này cũng đã hình thành nên Chủ nghĩa dân tộc Phật giáo về sau trong việc đấu tranh giành độc lập cho Sri Lanka. Hiện nay, những tổ chức Phật giáo ở đây có những đề án phát triển xã hội rất tích cực, mà tất cả đường hướng phát triển đều được dựa trên triết học xã hội và giáo dục của Phật giáo¹³.

Ở Miến Điện, Phật giáo về phương diện học thuật có thể

12. Jeong-Kyu Lee, *The Role of Religion in Korean Higher Education*, Journal of Religion & Education, Vol. 29, No. 1, University of Northern Iowa, tr. 58-59.

13. Stephen C. Berkwitz, "Buddhism in Sri Lanka: Practice, Protest, and Preservation" trong *Buddhism in World Cultures*, edited by Stephen C. Berkwitz, Carlifornia: ABC-CLIO, 2006, tr. 45-70

không được tiến bộ như Sri Lanka, nhưng về khía cạnh huấn luyện tâm linh thì ở đây rất phát triển (huấn luyện tâm linh cũng là một khía cạnh của giáo dục Phật giáo). Rất nhiều trung tâm tu thiền truyền thống được duy trì ở đây và dành cho mọi hạng người. Các tịnh xá ở Miến Điện cũng trở thành những trung tâm giáo dục cho dân chúng. Tăng sĩ đảm nhận vai trò giáo dục đạo đức cho xã hội, và họ cũng đảm trách những môn học khác ở các trường học công.

Trước khi người Anh cai trị, ngoài việc giảng dạy kinh-luật-luận, các tự viện ở đây còn giảng dạy một số môn học khác như thiên văn, y học, ngôn ngữ...; và các tự viện cũng đóng chức năng như là những trung tâm giáo dục chính dành cho công chúng. Dưới thời thuộc địa, chính phủ Anh yêu cầu các tự viện phải đưa các môn khoa học của phương Tây vào trong giáo dục, và điều này đã gặp phải sự phản kháng của giới tăng sĩ. Và vì có những bất đồng giữa chính quyền cai trị và giới Phật giáo đã dẫn đến việc hình thành nên những phong trào xã hội Phật giáo nêu cao chủ nghĩa dân tộc, đấu tranh giành

độc lập cho Miến Điện về sau.

Sau thời kỳ thuộc địa, chính quyền đã ủng hộ để phát triển giáo dục Phật giáo. Vào những năm cuối thế kỷ 20, chính phủ tại đây lại gia tăng vai trò của các tự viện trong việc giáo dục cơ bản cho mọi hạng người trong xã hội, đặc biệt cho thiểu số không phải là Phật tử¹⁴.

Thái Lan là nước may mắn thoát khỏi nạn thuộc địa. Và Phật giáo từ cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 đã có nhiều cải cách để phát triển tại đất nước này. Có những phong trào cải cách do chính nhà vua khởi xướng. Dân chúng Thái phần lớn đều là Phật tử, và Phật giáo được xem như là quốc giáo ở đây. Về phương diện học thuật, Phật giáo Thái có thể không phát triển được như Phật giáo Sri Lanka, tuy nhiên cơ hội để cho các tăng sĩ học tập và dẫn thân thì rất dễ dàng. Bên cạnh các chùa viện là nơi huấn luyện và giảng dạy kinh luật, cũng có các trường đại học Phật giáo có mặt. Các tăng sĩ Thái ngoài việc tu hành, vẫn có thể đảm trách

14. Juliane Schober, "Colonial Knowledge and Buddhist education in Burma", trong *Buddhism, power and political order*, edited by Ian Harris, New York: Routledge, 2007, tr. 66-67.

công việc giảng dạy tại các ngôi trường công của nhà nước, từ giảng dạy Phật học, đạo đức, cho đến văn chương, toán và những môn học khác. Họ cũng tham gia vào những hoạt động xã hội khác.

Trong quá khứ, các chùa viện ở Thái đóng chức năng của các cơ sở giáo dục và huấn luyện, cho cả tăng sĩ lẫn cư sĩ. Về sau, vì đặt mục tiêu phát triển kinh tế và đi theo nền giáo dục phương Tây, nhà nước Thái đã kiểm soát và quản lý giáo dục, tách giáo dục ra khỏi các chùa viện; và hiện nay các chùa viện không còn là cơ sở giáo dục cho đa số quần chúng. Nhưng chính phủ Thái đã không thành công trong việc này, không đem lại được cơ hội bình đẳng trong giáo dục cho mọi tầng lớp như trước đây giáo dục còn do Tăng già đảm trách.

Bên cạnh đó Phật giáo Thái cũng gặp phải những khó khăn trong việc phân bổ nhân sự. Khi các trường đại học đều nằm ở những thành phố lớn, tăng sĩ Thái từ các vùng quê đều tập trung về thành thị để học, và rồi không ai chịu trở lại miền quê để phục vụ sau khi học xong (hình như giống Việt Nam!). Dù được

giáo dục tốt về thế học, họ vẫn không đủ khả năng để hành đạo ở thị thành, trong khi họ có thể trở thành người lãnh đạo tinh thần ở các ngôi chùa quê và dân chúng đang mong đợi điều đó thì họ vẫn cứ ở lại thành thị, và các ngôi chùa làng ở Thái hiện nay vẫn thiếu tăng sĩ. Và đây là một trong những cái lỗi mà giáo dục Phật giáo ở đây phải chịu trách nhiệm. Điều này khiến những tăng sĩ có tâm huyết ở Thái hết sức lo ngại¹⁵.

Thay Kết Luận

Tôi đã đi hơi xa trong bài viết của mình nhưng rồi nhận thấy vẫn chưa đi đến nơi. Cuối cùng tôi vẫn không đề cập đến giáo dục Phật giáo ở Việt Nam. Giáo dục Phật giáo hiện nay ở Việt Nam như thế nào chắc nhiều người đã biết. Và nếu để trình bày về điều này cho đầy đủ hẳn phải cần đến một bài viết khác. Vì vậy tôi xin tạm dừng bài viết lại ngang đây, với hy vọng đã nói lên được một vài điểm sơ lược về giáo dục Phật giáo nói chung. ■

15. Phra Dhammapitaka (Prayudh Payutto), Buddhism and Education, www.buddhist-monk-notebook.info/2009/03/buddhism-and-education.html

Về phía

• HẠNH PHƯƠNG

Tôi đi về phía cuộc đời
Tuổi thơ lóng lánh mặt trời mặt trăng
Bước chân dung dề dung dăng
Có cha có mẹ đỡ nâng sớm chiều.

Tôi đi về phía mỹ miều
Hồn nhiên chấp cánh dập dìu ước mơ
Quê nhà đẹp tựa bài thơ
Bờ tre bụi chuối, đẹp tờ ca dao.

Tôi đi về phía ngọt ngào
Lời ru mẹ hát dạt dào triều âm
Nên không cát lờ bụi lằm
Bao nhiêu nước chảy mà chân dẫu mòn.

Tôi đi ngàn dặm nước non
Chuông chùa ngân ngời vương tròn diệu âm
Trăng soi vành vạnh chữ tâm
Quê hương ta đó ơi trầm ơi hương.

Tôi đi về phía thiên lương
Trái tim dào dạt yêu thương cuộc đời
Tâm hồn hóa biển khơi vơi
Vòng tay ôm cả đất trời bao la.

Mối hay chân tánh nguy nga
Từ vô thủy vốn đượm đà khói sương
Lung linh ánh diệu quang hường
Chân như diệu hữu mười phương đất trời.



PHẬT THUYẾT KINH BÀ-LA-MÔN MẮT CON

■ THÍCH TÂM NHÂN

DẪN NHẬP

“Từ bao đời kiếp, chúng ta đã đổ nước mắt vì người thân quá nhiều: hãy để mình và người thân đừng chìm ngập trong nước mắt ấy nữa.” - đức Phật đã dạy như vậy. Vì dòng nước mắt ấy luôn chứa tình yêu luyến ái, chảy ra vị mặn của bi thương, khổ đau, lắm lúc nó còn nhận chìm cả thân, tâm chúng ta vào sông sâu mê muội và ngông cuồng. Do đó mà bậc Giác Ngộ bằng tình yêu của đại bi và nhận thức của đại trí, giúp mọi người nhận chân đường sau sự sống mong manh của thế gian: đâu là khổ, đâu là vui, qua bản kinh “Bà-la-môn mắt con, thương nhớ không nguôi”.

Nguyên tác “Phật thuyết Bà-la-môn tử mạng chung ái niệm bất li kinh” (佛說婆羅門子命終愛念不離經), do ngài An Thế Cao người nước An Tức (một vương quốc xưa, nằm ở đất Ba Tư [nay là Iran]) dịch thời Hậu Hán, tạng Đại Chánh quyển 1, số hiệu 91, trang 915a7. Bản kinh này tương đương với kinh Ái sanh (愛生經 - 216) trong Trung A-hàm quyển 60, Tam tạng Tăng-già-đề-bà dịch thời Đông Tấn, tạng Đại Chánh 1, số hiệu 26, trang 800c21.

TOÁT YẾU NỘI DUNG KINH

Một thời đức Phật trú ở rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có một người Bà-la-môn có đứa con vừa mất, lòng ông cứ thương nhớ không nguôi. Ông bỏ ăn, bỏ uống... chỉ đến gò mả khóc lóc và nhớ lúc ẵm con trên tay.

Sau đó, ông đi lang thang khắp nơi, mới đến chỗ Phật, ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

- Này Bà-la-môn! Tại sao các căn của ông không ổn định?

- Thưa Cù-đàm! Làm sao căn ý của tôi ổn định được. Tôi có một đứa con đã chết, thương nhớ mãi, không thể ăn uống... ở nhà khóc lóc và nhớ lúc bồng ẵm nó.

Đức Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, đúng vậy! Này Bà-la-môn, khi ái phát sanh chắc chắn sẽ ưu sầu, khổ não, không vui.

Người Bà-la-môn ba lần hỏi: “Tại sao khi ái sanh lại ưu sầu, khổ não, không vui. Khi ái sanh sẽ được hoan hỷ, thương nhớ chứ?” Nhưng đức Thế Tôn cũng ba lần trả lời như trước.

Người Bà-la-môn nghe Thế Tôn nói như vậy, không vui, cho là sai, không bằng lòng bỏ đi. Lúc này bên ngoài công tinh xá Ki-

hoàn, có những người đang vui chơi, ông trông thấy liền nghĩ: “Người thông minh thế gian cho đây là hơn hết. Ta hãy đem những điều luận bàn với Sa-môn Cù-đàm nói cho họ nghe.” Ông mới kể lại cho họ, họ đều nói, khi ái sanh làm gì có ưu sầu, khổ đau; khi ái sanh sẽ được hoan hỷ, thương nhớ.

Người Bà-la-môn thấy những người vui chơi nói giống ý mình, ông bỏ đi. Những lời luận bàn này dần dà truyền đến cung vua. Vua Ba-tư-nặc nghe được rằng: “Sa-môn Cù-đàm nói, lúc ái sanh thì ưu sầu, khổ não, không vui.” Vua Ba-tư-nặc kể lại với phu nhân Mạt-lị. Phu nhân Mạt-lị tán đồng lời đức Thế Tôn nói là đúng. Vua Ba-tư-nặc không chấp nhận, cho rằng phu nhân là đệ tử của Thế Tôn nên nói theo. Phu nhân Mạt-lị thưa:

- Nếu đại vương không tin lời của thần thiếp, thì sai sứ giả đến hỏi Thế Tôn xem.

Vua Ba-tư-nặc liền sai Bà-la-môn Na-lê-ương-già đến chỗ Thế Tôn gởi lời thăm hỏi và thưa, có phải Thế Tôn nói những lời, “khi ái sanh thì chắc chắn có ưu sầu, khổ não, không vui” chăng? Na-lê-ương-già vâng lệnh, cấp tốc đến chỗ Thế Tôn chuyển lời thăm hỏi sức khỏe Thế Tôn và bạch lại

những lời nhà vua hỏi.

Đức Thế Tôn bảo:

- Này Na-lê-ương-già! Ta hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết của ông mà trả lời. Nếu có người mẹ mạng chung, người con tâm ý cuồng loạn... đi đâu cũng nói: “Ta không thấy mẹ! Ta không thấy mẹ”... cũng như thế, cha, anh, chị, em hay vợ mạng chung, người kia tâm ý cuồng loạn... đi đến đâu cũng nói: “Ta không thấy cha ta, vợ ta...!” Vậy, khi ái đã sanh chắc chắn có ưu sầu, khổ não, không vui. Này Na-lê-ương-già! Xưa có một người phụ nữ về thăm gia đình, thân thuộc muốn cưỡng bức cô ta (cải giá) với người khác. Người phụ nữ này tức tốc chạy về nhà chồng, nói với chồng: “Anh biết không, thân thuộc của em muốn bắt em đem cho người khác. Anh phải tính sao ngay bây giờ đi.” Người chồng liền cầm con dao bén, nắm tay vợ kéo vào trong nhà, nói: “Phải cùng đi với nhau! Phải cùng đi với nhau!” Nói xong anh đâm vợ chết rồi tự sát luôn. Này Na-lê-ương-già! Nên biết, do ái sanh mới có ưu sầu, khổ não, không vui.

Bà-la-môn Na-lê-ương-già ghi nhớ lời Thế Tôn dạy, trở về tàu lại vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc đem chuyện ấy nói với phu nhân

Mạt-lị. Phu nhân Mạt-lị muốn chứng minh thêm với nhà vua, bà hỏi vua Ba-tư-nặc:

- Đại vương có yêu thương đại tướng Tỳ-lưu-la¹ không?

- Ta thương đại tướng Tỳ-lưu-la.

- Đại vương có yêu thương đại tướng Hiền Thủ, con voi lớn Nhất-bôn-đa-lợi,² nàng Bà-di-đề,³ phu nhân Bà-sa sát-đế-lệ,⁴ và nhân dân Ca-thi, Câu-tát-la không?

- Ta yêu thương mọi người và nhân dân hai nước này cung cấp năm thứ dục lạc cho ta nên ta cũng yêu thương họ.

- Nếu tất cả bị bại hoại, bị biến đổi, nhà vua có ưu sầu, khổ não, không vui không?

- Ta sẽ ưu sầu, khổ não, không vui.

Phu nhân Mạt-lị lại hỏi:

- Đại vương có yêu thương thần

1. Tỳ-lưu-la 鞞留羅: Pāli. Vi dūḍabha, con trai vua Ba-tư-nặc (Pasenadi).

2. Voi lớn Nhất-bôn-đa-lợi 一奔陀利: Pāli. Ekapundarīka (Nhất bạch liên hoa), hai bên hông con voi này có những đốm trắng hình hoa sen trắng.

3. Nàng Bà-di-đề 婆夷提: Pāli. Vajīrī-kumāri, công chúa, con gái độc nhất của Ba-tư-nặc và Mạt-lị, sau được gả cho vua A-xà-thế.

4. Phu nhân Bà-sa sát-đế-lệ 婆沙剌諦隸: Pāli. Vāsabha (khattiyā), một nữ tì dòng họ Thích, được gả làm con gái của Ma-ha-nam, và gả cho vua Ba-tư-nặc, về sau sinh Tỳ-lưu-lì.

thiếp không?

- Ta rất yêu thương nàng.

- Đại vương! Nếu thần thiếp bị bại hoại, bị biến đổi, đại vương có ưu sầu, khổ não, không vui không?

- Ta rất ưu sầu, khổ não, không vui.

- Nay Đại vương! Do vậy nên biết, nếu ái sanh thì có ưu sầu, khổ não, không vui.

- Nay Mạt-lị! Vậy kể từ hôm nay, Sa-môn Cù-đàm là thầy của ta, ta là đệ tử của Ngài. Nay ta qui y Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Mong đức Thế Tôn nhận ta làm Ưu-bà-tắc (người nam cận sự). Ngay từ bây giờ ta bắt đầu không sát sanh nữa, và sẽ qui y Phật.

Nói xong, từ xa vua Ba-tư-nặc nghe đức Thế Tôn dạy, hoan hỷ vui mừng.

LỜI KẾT

Tâm thức luyện ái của chúng sanh bị khổ đau trước cảnh người thân mình ra đi, hay tình cốt nhục mãi chia lìa, được kinh điển minh chứng rất nhiều. Trong các truyện tích Pháp Cú dẫn: Có một phú ông vì con chết mà tình thần suy sụp, đến chỗ hỏa táng con khóc mãi... Đức Phật đến khuyên bảo: Có sinh thì có chết, mọi sinh vật đều như

vậy... Đừng nghĩ lầm chỉ có mình chết con. Đau thương và sợ hãi toàn do lưu luyến mà ra (Pháp Cú 212). Lại kể, bà Tỳ-xá-khur rất khó chịu đựng đau đớn khi đưa cháu gái không may qua đời. Bà tìm đến Phật, Phật dạy, mỗi ngày chỉ nước Xá-vệ này mà đã có không ít người chết?... Nếu họ là con cháu bà, không lẽ bà khóc suốt ngày suốt đêm... Phải biết chính lưu luyến tạo ra đau thương và sợ hãi (Pc 213). Phật cũng dạy chàng Kumara đau khổ khi vợ chết, “đau thương do dục vọng dẫn ra, dục vọng thành khát vọng dẫn ra đau thương với kinh hãi.” (Pc 215).

Vậy người Bà-la-môn mất con, thương nhớ, khóc lóc..., hay vua Ba-tư-nặc yêu thương phu nhân Mạt-lị, yêu thương thần dân của mình cũng do ái phát sanh, ái phát sanh sẽ có ưu sầu, khổ não, không vui.

“Ái” là một trong 12 nhân duyên, ái là tham luyến chấp trước tất cả sự vật. Ái tức là yêu. Ái còn hàm nghĩa: thân ái, dục lạc, ái dục và khát ái. Ái là nói đến tình yêu có quan hệ thân tộc huyết thống với mình; thân ái là nói về tình bạn. Còn yêu thương một đối tượng đặc biệt nào đó là dục lạc; tình yêu chỉ kiến lập trong quan hệ về tính là ái dục, và yêu say đắm

ai đến nỗi si tình là khát ái. Những nghĩa đó đều thuộc tình yêu của con người, mà bản chất là từ yêu thương mình (tự ái) mới đi đến tình ái, rồi biến thái qua khát ái. Khát ái lại là bản thể ái tình của con người, do thứ ái tình này mà phát sinh ra khổ não, từ khổ não sinh đau đớn (bi thương).

Trong văn kinh, từ cảnh người Bà-la-môn mất con, đến cảnh những người vui chơi trước cổng tinh xá Kỳ-hoàn, rồi Phật khai thị cho Na-lê-ương-già nghe để chuyển lời đến vua Ba-tư-nặc, sau đó phu nhân Mạt-lị giải thích thêm, đều cho chúng ta thấy rằng tất cả là vô thường, mọi thứ đều thay đổi, hữu hình thì hữu hoại, luyến ái hay bám víu vào sẽ khổ, mà nỗi khổ khi mình phải rời bỏ cảnh mà mình ưa thích, hay xa lìa người mà mình thương yêu là nỗi khổ của sự biệt li (ái biệt li khổ). Sự đau khổ này là một hiện thực, đức Phật không dạy chúng ta chối bỏ, hay trốn chạy mà nên khôn ngoan nhận diện bản chất của thế gian, và đức Phật cũng không dạy chúng ta phải vô cảm trước cảnh đau thương, lãnh đạm với người thân mình qua đời, đừng quan tâm chăm sóc bất cứ ai, quay lưng với những niềm vui thế gian... mà đức Phật dạy mọi người phải chấp

nhận sự thật, có sanh thì có tử, có hợp thì có tan, bình thân đối mặt với thống khổ, không nên kim nén, loại bỏ đau đớn dần bằng chánh niệm. Và tình yêu thương phải được vun trồng bằng lòng bi mẫn và trí tuệ; nếu yêu thương mà thiếu trí là thương hão thương quàng, dễ bị mù quáng, dẫn đến vị kỷ, chấp ngã, như anh chàng kia giết vợ, rồi tự sát, cho là làm như vậy sẽ được mãi bên nhau chẳng? Xử trí một cách cuồng si như thế trên thế gian này không phải là ít.

Mọi thứ đều thay đổi, luyến ái càng khổ đau, sầu muộn, bất an... mãi mãi không chế con người; ngay cả quyền lực cái thế, giàu sang tột đỉnh, dục lạc đầy đủ như vua Ba-tư-nặc vẫn cảm thấy bất lực trước nó. Duy chỉ có con đường chí thiện hướng đến đời sống tâm linh, nương tựa vào ba ngôi báu, đặt niềm tin vào trí tuệ Phật (qui y Phật), hiểu được giáo pháp, thấy rõ bản chất khổ đau (qui y Pháp) và tìm thấy sức mạnh của mình trong đời sống thuần nhất, hòa hợp của Tỳ-kheo Tăng (qui y Tăng), đó mới chính là con đường hạnh phúc cuối cùng mà vua Ba-tư-nặc, cũng như bao chúng sanh khác đang qui ngưỡng quay về. ■

KIM CANG TỨ TƯỚNG

hay NƠI TÂM KHÔNG MỞ BÀY CÔI DIỆU HỮU

■ THÍCH THANH HÒA



Phật Giáo nói đến cái Không không phải để thu mình trong tư thái tiêu cực mà chính là để mở ra chân trời hoạt dụng của cái Diệu Hữu, để Bồ-tát đi lại trong sáu nẻo luân hồi thực hiện sự nghiệp độ sinh. Trung Luận nói: *“Nhất thiết pháp không”*, lại nói: *“Dĩ hữu không nghĩa cố, nhất thiết pháp đắc thành.”* Nhất thiết pháp không là hết thấy các pháp vốn không có tự tánh. Chính bởi các pháp vốn không có tự tánh nên mới có sự chuyển y, mới có Niết-bàn - *nhất thiết pháp đắc thành*.

Kinh Kim Cang như lưỡi tầm sét của thần Indra giáng xuống quan niệm hữu ngã, đập vỡ thể giới ngã ái, ngã dục, hiển bày thể giới phi hữu, vô trụ. Thể giới được nhìn dưới nhận thức vô ngã là quan điểm chủ đạo của Kinh Kim Cang. Vô ngã luận hay tâm không là nơi Bồ-tát trụ tâm, là

điểm để từ đó Bồ-tát phóng chiếu thành con đường vạn hạnh. Thực hành vạn hạnh với tâm vô trụ là diễn bày côi Diệu Hữu qua con đường Bồ-tát hàng phục tâm. Nhưng vì, ngã chấp là kiến chấp cố hữu nhất của chúng sinh, đặc biệt đối với người Ấn Độ, quan niệm về tự ngã được phân chiết một cách hết sức sâu xa, cho nên Kinh Kim Cang đưa ra 4 khái niệm về tự ngã (sau này các Luận sư gọi là *tứ tướng*) và phủ định chúng một cách triệt để. Triệt phá ngã chấp cũng là để hiển bày không - tự - tánh đó.

Kinh vẫn nói: *“Bồ-tát thì phải sửa chữa tâm mình bằng tuệ giác này: Bao nhiêu chúng sinh hoặc sinh bằng trứng, hoặc sinh bằng thai, sinh bằng ẩm thấp, sinh bằng biến hóa, hoặc có hình sắc hoặc không hình sắc, hoặc có tư tướng, hoặc không tư tướng, có*

không tư tưởng, ta làm hết thấy đều được nhập vào Niết-bàn hoàn toàn mà giải thoát cả. Làm cho vô lượng vô số chúng sinh Niết-bàn như vậy, mà thật không thấy có chúng sinh nào được Niết-bàn cả. Tại sao như vậy? Trưởng lão Thiện Hiện, vì nếu Bồ-tát mà vẫn còn có ý tưởng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả thì Bồ-tát ấy không phải Bồ-tát.” (Kinh Kim Cương, HT Trí Quang dịch).

Nghĩa là, Bồ-tát hóa đạo giữa cuộc đời, muốn bước chân đến những cảnh giới siêu thoát, phải diệt trừ bất kỳ ý tưởng chấp thủ nào về một chủ thể (ngã). Ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng; tứ tướng này chỉ là 4 cách gọi khác nhau về ý tưởng (quan niệm) một chủ thể đang ẩn nấp dưới cái thân tứ đại thô phù của chúng ta.

Tuy nhiên, trước khi đi vào tìm hiểu *tứ tướng* đúng theo tinh thần của Kinh Kim Cang, chúng ta cũng cần lưu ý đến một hướng giải thích khác rất thịnh hành về *tứ tướng*. Đó là, dưới ảnh hưởng Trung Quốc tính, *tứ tướng* của Kinh Kim Cang được giải thích theo chiều hướng Đạo đức luận. Hướng giải thích này rất phổ biến đến nỗi Vô ngã luận của tứ tướng

đường như bị lãng quên. Theo hướng Đạo đức luận, tứ tướng đại khái được giải thích như sau: Người mê ý có tiền tài, học vấn, dòng họ, coi thường hết thấy mọi người; đó gọi là ngã tướng. Tuy thực hành nhân-nghĩa-lễ-trí-tín, nhưng ý cao tự phụ, đó gọi là nhân tướng. Việc tốt quy về mình, việc xấu đẩy cho người, đó gọi là chúng sinh tướng. Đối cảnh phân biệt yêu ghét, đó là thọ giả tướng. Như vậy gọi là tứ tướng của hạng phàm phu. Người tu hành cũng có 4 tướng. Tâm giữ chặt năng - sở, coi thường chúng sinh, gọi là ngã tướng. Ý mình là người giữ giới, coi thường kẻ phá giới, đó là nhân tướng. Chán ghét cái khổ trong 3 đường, nguyện sinh các cõi trời, đó là chúng sinh tướng. Lòng muốn sống lâu nên siêng tu phước nghiệp, chấp trước không bỏ, đó là thọ giả tướng. (Kim Cang Kinh Giải Nghĩa, Tục tạng 24, p519c).

Xét kỹ, hướng giải thích đó đã đi quá xa khi đối chiếu lại từ nguyên từ Phạn bản. Kinh Kim Cang không phải là bản kinh hướng đến vấn đề luân lý hay đạo đức mà nó hướng đến con đường giải thoát, hướng đến những người sống u tịch trong

thế giới A-lan-nhã (vô tránh) mà đại diện là ngài Tu-bồ-đề. Khái niệm ngã Kinh Kim Cang nói đến không phải là cái ngã tâm lý mà là cái ngã mang tính triết học. Nó thường trở thành đối tượng suy ngẫm của những hành giả tịch cư. *Tướng* (相) trong *tứ tướng* không phải là hình dáng, tướng trạng mà nó được chuyển dịch từ chữ *saṃjñā* trong Phạn ngữ với ý nghĩa là *khái niệm, ý tướng*. Các ngài Huyền Tráng, Chân Đế, Nghĩa Tịnh, Cáp Đa đều dùng chữ tướng (想) để dịch chữ này. *Tứ tướng* / *tướng* cần phải được hiểu từ Phạn bản dưới góc độ vô ngã luận.

Ý tướng về ngã (我相: ngã tướng / tướng), Phạn ngữ là *ātmasaṃjñā*, là ý tướng / khái niệm về một thật ngã (ātman) tiềm ẩn dưới cái thân thô phù (sthūla śarīra). Đặc biệt trong thời kỳ Sâm lâm thư và Áo nghĩa thư, Ātman được xem như sinh khí (prāṇa) và tồn tại không chỉ trong con người mà còn trong bất kỳ dạng sự sống nào. Vì thế, ātman được đồng nhất với Brahman, nó là cái ngã tiên nghiệm. Ātman trôi lăn trong luân hồi và chỉ đạt được sự giải thoát tối hậu (mokṣa) một khi nó nhận ra nó

chính là nó, là Brahman, từ vô thi đến nay: *tat tvam asi – người là cái đó!*

Thọ giả tướng / tướng (壽者相), Phạn ngữ là *jīvasaṃjñā*, là ý tướng / khái niệm về một linh hồn tồn tại nơi mỗi chúng ta. Jīva, Hán thường dịch là *mạng căn*, nghĩa đen là sự sống, cho nên ở đây nó được dịch là *thọ giả*. Đây là một khái niệm trừu tượng và phức tạp khác về cái tôi đang chế ngự trong mỗi chúng sinh. Jīva khác với ātman ở chỗ nó là cái ngã thật nghiệm, nó tạo nghiệp thiện ác, tạo thành nguyên nhân dẫn đến sự thăng trầm của chúng sinh trong luân hồi. Ātman là tiên nghiệm, là kẻ đứng nhìn quá trình jīva tạo nghiệp. Trong văn học Veda, ātman và jīva được ví như hai con chim gắn bó với nhau cùng sống trên một cây đầy trái, một con không ăn trái mà chỉ đứng nhìn con chim còn lại thưởng thức hương vị của trái trên cây. Con ăn trái đó chính là jīva.

Theo Kỳ-na giáo (Jainism), vạn vật được tạo thành từ hai yếu tố linh hồn (jīva) và phi linh hồn (ajīva). Linh hồn (jīva) vốn là toàn tri và hỷ lạc, nhưng do tiếp xúc với yếu tố phi linh hồn và tác

động của nghiệp nên nó phải chịu sự trôi buộc trong luân hồi.

Chúng sinh tướng / tướng (衆生相) là chuyển dịch từ *sattvasamjñā* trong Phạn ngữ. *Sattva* có các nghĩa như: *hữu, hữu thể, tồn tại, sinh vật, linh hồn*. Trong Hán tạng nó thường được dịch là: *nhân, chúng sinh* (các ngài như: Cưu-ma-la-thập, Chân Đế, Nghĩa Tịnh), *hữu tình* (ngài Huyền Tráng). *Sattva* phái sinh từ động từ *√as* (là, tồn tại), nó gồm có *sat* và tiếp vĩ ngữ *tva* biểu thị tính chất trừu tượng, vì thế nó có nghĩa là sự tồn tại có tính trừu tượng.

Trong triết học Ấn Độ, *sattva* là một trong 3 đức (guṇa) – 3 yếu tính của Tự tính (Prakṛti): *sattva* – *tamas* – *rajas*, theo thứ tự chỉ cho: thuần khiết – năng động – ám độn, hoặc: hỷ – ưu – ám. Rộng hơn nữa, *sattva* chỉ cho tính hiện hữu chân thật, minh triết, xán lạn, hoan hỷ.

Trong Phật giáo, *sattva* chỉ cho chúng sinh, hữu tình. Đó là hình ảnh một hiện thể / tồn tại tuyệt đối bất biến trong suốt 3 thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Chính từ ý nghĩa này, *sattva* hàm chỉ một chủ thể luân hồi không ngừng trong lục đạo.

Tổng hợp những phân tích trên, *chúng sinh tướng* là ý tưởng / khái niệm về một chủ thể bất biến trong sinh tử luân hồi. Đó chính là hiện thể đang là, là cái ngã mang tính bản năng nơi mỗi sinh thể.

Nhân tướng / tướng (人相), Phạn ngữ là *pudgalasamjñā*, là ý tưởng / khái niệm về một thực thể được gọi là *pudgala*. *Pudgala* có các nghĩa như: thân thể, vật chất, ngã, linh hồn, cá nhân...; Hán phiên âm là bồ-đặc-già-la, và dịch nghĩa là: nhân, sĩ phu, hữu tình, chúng sinh, ngã... Các Luận như *Duy thức thuật ký*, *Huyền ứng âm nghĩa*, định nghĩa: *bồ-đặc-già-la, sắc thủ thủ dã*; nghĩa là: *Bồ-đặc-già-la là thường (nhiều lần) đi lại trong các nẻo luân hồi*.

Đối với Kỳ Na giáo (Jainism), *pudgala* là nhân tố vật chất trong hệ thống đa nguyên tương đối thực tại luận, là một trong 6 thật thể (*dravya*) cấu tạo nên thế giới.

Trong Phật giáo, *pudgala* là một khái niệm hữu ngã luận của phái Độc Tử Bộ. Độc Tử Bộ quan niệm chúng sinh luân hồi, đời sau kế tiếp đời trước, cái duy trì sự kế thừa đó chính là *pudgala*, là một chủ thể luân hồi. *Pudgala* này,

ở một khía cạnh nào đó, tương đương với khái niệm ātman trong Ấn giáo, chỉ có điều ātman được cho là bất tử, còn pudgala chỉ là cái ngã tạm thời, nó không bất tử như ātman, bởi vì pudgala chỉ tồn tại trong khi chúng sinh chịu luân hồi, khi giải thoát thì nó không còn nữa (Oxford Dictionary of World Religions, tr. 774). Xét đến điểm này, ta thấy pudgala có mối liên hệ gần với khái niệm A-lại-da thức của phái Duy Thức. Luận Thành Duy Thức nói về thức A-lại-da như sau: “*Hằng chuyển như bặc lưu, A-la-hán vị xả*” (Đại chính 31, tr. 0007c). Nghĩa là ở địa vị phàm phu, thức A-lại-da hằng chuyển liên tục như một dòng thác từ đời này qua đời khác, cho đến khi hành giả chứng được Thánh quả A-la-hán thì nó mới mất. Lại nữa, pudgala được cho là “*phi tức phi ly uẩn ngã*”, nghĩa là không phải uẩn, cũng không phải lìa uẩn mà có pudgala. Thức A-lại-da thì được định nghĩa là “*hằng chuyển*”, nghĩa là không phải tồn tại, cũng không phải không tồn tại. Chính vì vậy, cho nên trong cuốn *Tiểu thừa Phật giáo tư tưởng luận*, Kimura Taiken có nhận định: “*Nếu đem nó đối chiếu với thuyết A-lại-da*

thức sau này, ta có thể nói Bồ-đặc-già-la là tư tưởng tiên phong của thuyết A-lại-da thức”.

Nói tóm lại, *nhân tướng* có nghĩa là quan niệm chấp trước vào một chủ thể luân hồi, như ngài Tăng Triệu nói: “*thủy chung bất cải vị chi nhân. Cố ngoại đạo dĩ nhân danh thần, vị thủy chung bất biến*” [Trước sau không thay đổi được gọi là nhân. Cho nên ngoại đạo gọi nhân là thần, ý nói trước sau không biến đổi] (Tăng Triệu, Chú Duy Ma Cật Kinh).

Như vậy, *tứ tướng*, dù mỗi khái niệm có chỗ khác nhau, nhưng chúng đều muốn quy chiếu về một thực thể bất biến làm chủ thể đời sống của chúng sanh, thực thể đó chúng ta tạm gọi là *Ngã*. Kinh Kim Cang chỉ dẫn ra 4 tên gọi để phân biệt khái niệm ngã, ngoài ra, một số kinh điển khác còn nêu ra nhiều tên gọi khác hơn nữa. Như Kinh Lăng Già đưa ra 6 tên gọi khác về ngã là: ātman, sattva, jīva, poṣa, puruṣa, và pudgala (Nanjio, Laṅkāvatārasūtram, 63) mà bản Anh ngữ của Suzuki dịch là: ego (ngã), being (chúng sinh), vital principle (thọ giả), nourisher (dưỡng dục giả), supreme spirit (thần ngã), và personal soul (tiểu

ngã / trượng phu)¹. Thậm chí trong Đại Phẩm Bát-nhã, có đến 16 biệt danh khác của ngã¹.

Như Kinh nói, hành giả không được khởi lên 4 tư tưởng chấp thủ này, nếu khởi lên 4 tư tưởng chấp thủ này thì vị ấy không phải là Bồ-tát phát thú Đại thừa. Bởi vì Bồ-tát mà còn dùng con mắt hữu ngã, nhị nguyên để hành đạo thì đạo ấy không phải là đạo rốt ráo vượt ra ngoài sự đối đãi. Về ý nghĩa chấp trước vào một chủ thể được gọi là ngã này, Kinh Lăng Già cũng nói: “*Đại Huệ! Lại có chúng sinh cầu chứng Niết-bàn, tự nói đã biết ngã, nhân, chúng sinh, dưỡng giả, thủ giả, cho đây là Niết-bàn... Đại Huệ! Những kẻ ấy không giải thoát, vì chưa thể thấy pháp vô ngã vậy*” (Đại chính 16, tr. 597a).

Kinh Kim Cang quý ở chỗ vô tâm, *ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm (không nên khởi lên tâm trụ*

*trước vào bất cứ đâu)*². Không những không khởi lên 4 tướng trên mà Bồ-tát còn cần phải không khởi lên bất kỳ tâm phân biệt nhị nguyên nào. Nếu khởi tâm phân biệt là Bồ-tát đang đứng trên quan điểm hữu ngã, là chướng ngại cái nhìn “hết thấy pháp vốn không” của thực tại. Bồ-tát không chấp trước vào ý niệm ngã, thể chứng tâm không, lìa bỏ tâm trụ trước, nhìn thế giới không phải là thế giới, thế nên thế giới mới thật là thế giới; độ thoát vô lượng chúng sinh, mà không thấy có chúng sanh nào được độ thoát. Đó cũng chính là Diệu Hữu được tác thành từ nghĩa Không, một đạo lý làm nền tảng cho con đường Bồ-tát hạnh.■

2. TT. Tuệ Sỹ chú thích trong dịch phẩm Luận Thành Duy Thức: Đại phẩm bát-nhã 2 (La-thập, T8n223, tr.230c11), 16 biệt danh của ngã: chúng sinh, thọ giả, mạng giả, sinh giả, dưỡng dục giả, chúng số nhân, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả. Danh sách theo Huyền Trang, Đại bát-nhã 406 (T7n220, tr.29a29): hữu tình, mạng giả, sinh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ-đặc-già-la, ý sinh, nho đồng, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả. Danh sách theo Mahāvīyutpatti ccviii. tīrthakātma-paryāyāḥ (danh mục về tự ngã của ngoại đạo): ātma, sattva, jīva, jantu, poṣa, puruṣa, pudgala, manuja, mānava, kāraka, krāpaka, vedaka, jānaka, paśyaka, utthāpaka, samutthāpaka. Cf. Du-già 83 (tr.764b12).

1. Trong bản dịch Đại Thừa Nhập Lăng Già Kinh, ngài Thật Xoa Nan Đà dịch chỉ có 5 tên: ngã, nhân, chúng sanh, dưỡng giả và thủ giả (我, 人, 眾生, 養者, 取者); còn bản dịch Nhập Lăng Già Kinh, ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch là: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, tác giả, thụ giả và trượng phu (我, 人, 眾生, 壽命, 作者, 受者, 丈夫).



Uống ngụm Mặt Trời

■ NGUYỄN DUY NHIÊN

Một tu sĩ ở thế kỷ thứ sáu, Abba Dorotheus, có viết như sau: “*Bất cứ khi bạn làm một việc gì, cho dù nó có quan trọng hay gấp rút đến đâu, tôi cũng không muốn bạn phải gây gổ hay bực mình. Bởi bạn biết không, mọi việc ta làm, dầu cho quan trọng đến đâu, cũng chỉ là một-phần-tám của vấn đề mà thôi. Còn giữ cho mình được an tĩnh là bảy-phần-tám của vấn đề còn lại, và cho dù bạn có thất bại đi chăng nữa! Thế cho nên, khi làm một việc gì ta hãy cố gắng làm cho thành công trọn vẹn, đó là một-phần-tám của vấn đề, và vẫn phải giữ cho tất cả có được sự an tĩnh và niềm vui, đây mới lại là bảy-phần-tám còn lại của vấn đề. Nhưng nếu ta làm*

mọi cách để thành đạt công việc của mình, mà không cần gì đến sự an lạc của mình, và những người chung quanh, tức là ta đã hy sinh bảy-phần-tám để đổi lấy một-phần-tám rồi vậy. Chẳng đáng đâu!”

Bạn nghĩ sao về lời khuyên ấy của ông Dorotheus? Trong thời buổi khó khăn này, trong khi chúng ta ai cũng đang phải cạnh tranh để bước tới, hành xử như theo lời ông nói thì có vẻ không thực tế và xa vời quá bạn nhỉ! Nhưng tôi nghĩ ý ông chỉ muốn nhắc nhở ta rằng, chúng ta đâu cần phải hy sinh sự tĩnh lặng của mình cho sự thành đạt. Chúng ta vẫn có thể thực tập có niềm vui trong mỗi việc mình làm. Là những người bận rộn, nhưng

chúng ta cũng vẫn là một người có hạnh phúc.

Tôi nghĩ cuộc đời này có lẽ cần đến sự an tĩnh và cái nhìn sáng tỏ của chúng ta, hơn là vào những thành đạt của mình.

Uống Ngụm Mặt Trời

Tia nắng mặt trời là một năng lượng. Tuy bên ngoài có vẻ như nó không làm gì hết, nhưng nhờ nó mà chiếc lá được xanh, một đóa hoa nở trong sương sớm. Và bạn biết không, hạnh phúc của ta cũng là một năng lượng. Tuy nó không có một hình tướng nào, nhưng có khả năng làm tươi mát thân ta, chữa lành những thương tích sâu kín trong tâm, và làm cuộc sống chung quanh mình được trong sáng hơn.

Tôi không biết ông Malcolm Wells có thực hành thiền quán bao giờ chưa, nhưng những lời sau đây ông viết giống như một thiền sư: *“Năm ngoái, đầu đó trên những chiếc lá của một cây mía, một phần của ánh nắng đã chấm dứt cuộc hành trình tám phút của chúng từ mặt trời tới trái đất. Bằng một cách nào đó, cây mía đã biến ánh nắng mặt trời thành chất đường ngọt ngào. Và rồi thì bằng một cách nào đó, chất đường ấy hòa tan trong ly*

trà của tôi. Buổi sáng hôm nay tôi nhắm nháp một chút ánh nắng mặt trời của năm ngoái. Bây giờ đây nó đang nuôi dưỡng những bắp thịt già yếu trong tôi. Ngoài kia trời đã tối, tôi sửa soạn leo lên chiếc xe đạp của mình để ra về. Những bắp thịt mặt trời kia sẽ trở thành sức mạnh của máy đạp, dây xích kéo, bánh xe lăn, máy phát điện kêu, dây ‘tung-sten’ nóng lên, và cuối cùng – từ bóng đèn trên chiếc xe đạp của tôi – ánh sáng lại phát ra.”

Ánh sáng phát ra từ một chiếc đèn xe đạp ngày hôm nay là nhờ ở năng lượng từ những tia sáng mặt trời của một vài năm về trước. Và hạnh phúc, sự an lạc của ta cũng lan rộng và có những ảnh hưởng sâu xa hơn ta tưởng. Thời gian có trôi qua, nhưng một lời nói của ta, một cử chỉ của mình với người chung quanh sẽ



còn tồn tại mãi. Bạn biết không, trong kinh viết, chỉ là sự có mặt của một người có tuệ giác và hạnh phúc thôi, cũng đã làm cho cuộc đời này tươi mát hơn, cỏ cây xanh hơn, dòng suối được trong hơn rồi.

Có được mấy Huệ Năng?

Mà muốn có hạnh phúc chúng ta cần nương tựa vào một sự thực tập. Trong thiền tập, chúng tôi được hướng dẫn những phương cách như là biết chú ý đến hơi thở nhẹ của mình, thấy được những cảm thọ nào đang có mặt trong thân, tập bước những bước chân có ý thức... Trong cuộc sống bận rộn ta nên có những lúc dừng lại, để ý thức được những gì đang có mặt trong ta. Hơi thở có ý thức sẽ đem thân và tâm của ta trở về thành một mối, cho dù ta đang làm bất cứ một chuyện gì, nó sẽ giúp ta tìm lại cho mình một sự an tĩnh và cái nhìn trong sáng.

Có bạn bảo tôi rằng tu là ở tại tâm, chứ đâu cần gì đến hình tướng bề ngoài, chúng ta đâu cần gì phải nương tựa vào một phương tiện nào! Tôi thì nghĩ khác, chúng ta bao giờ cũng cần một sự thực tập. Vấn đề chỉ là đừng để mình bị vướng mắc hoặc cố chấp vào phương tiện ấy

mà thôi, phải không bạn?

Chắc bạn cũng nhớ câu chuyện về ngài Huệ Năng. Tổ thiền tông thứ năm của Trung Hoa là ngài Hoảng Nhẫn, một hôm biết đến lúc cần phải tìm người kế thừa, Ngài bảo các học trò mỗi người hãy viết một bài kệ kiến giải trình bày về sự chứng đắc của mình. Một vị đệ tử lớn của Ngài tên là Thần Tú, trình lên bài kệ của mình như sau:

Thân thị Bồ đề thọ. Tâm như minh cảnh đài. Thời thời cần phát thức. Vật sử nhạ trần ai.
Thân là cội Bồ đề, tâm như đài gương sáng, luôn luôn siêng lau chùi, chớ để dính bụi bặm.

Có một người đệ tử khác là ngài Huệ Năng, đọc được bài kệ ấy, ông viết kệ kiến giải của mình lên cạnh bên:

Bồ đề bản vô thọ. Minh cảnh diệc phi đài. Bản lai vô nhất vật. Hà xứ nhạ trần ai?
Bồ đề vốn không cội, gương sáng cũng chẳng đài, xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi bặm?

Và theo như Thiền sử, Tổ Hoảng Nhẫn đã trao truyền y bát lại cho ngài Huệ Năng kế vị mình làm Tổ thứ sáu của Thiền tông Trung Hoa. Bài kệ của ngài Huệ Năng đã trình bày được cốt

tử của sự tu tập.

Nhưng trong cuộc đời này thì có được mấy Huệ Năng bạn nhỉ? Nếu mỗi sáng thức dậy ta vẫn còn thấy những lo âu trước mắt và bóng dáng của muôn phiền ngày hôm qua, thì hãy nhớ lau chùi và gìn giữ tấm gương của mình cho trong bạn nhé. Nhiều khi trên con đường thực tập chúng ta cần phải hành theo bài kệ kiến giải của ngài Thần Tú hơn, để rồi một ngày nào đó ta sẽ mỉm cười và *thật sự* hiểu được rằng *Bổn lai vô nhất vật, Hà xứ nhạ trần ai?* Một cái nhìn xa rộng, nhưng với những bước chân nhỏ, ta sẽ đi được rất xa...

Có thấy thương không

Có một lần trời vào thu, tôi đi dạo trong một khu rừng nhỏ giữa ngàn sắc lá muôn màu thật đẹp. Trời hôm ấy lồng gió, màu sắc tung bay khắp không gian, lá tràn ngập trên không trung, trên áo, trên vai, trên mỗi bước chân tôi. Giữa khung cảnh ấy tôi ước gì mình được là một họa sĩ, một nhà thơ hay một nhiếp ảnh gia có tài, để có thể ghi giữ lại được hình ảnh ấy mãi mãi. Nhưng trong một bước chân tôi chợt ý thức rằng, tất cả không gian sắc màu, vẻ đẹp nhiệm màu của

thiên nhiên ấy, cũng chỉ là một phần của chính tôi thôi! Nó đang có mặt trong tôi. Đâu có gì khác bên ngoài mà ta cần phải nắm bắt!

Như buổi sáng nay tôi thấy con đường nhỏ tôi đi có tôi trong ấy. Con đường có nơi đây là nhờ ở sự có mặt của tôi, hay nhờ nó mà tôi có thể có mặt nơi này? Chúng tôi hiện hữu trong nhau. Sáng nay những áng mây trắng bông bênh trôi chở đầy nắng ấm. Cuối những ngày mưa nước dâng cao làm mặt hồ phẳng như gương. Con thác nhỏ nước đầy tràn xuống dòng suối trong đỏ bọt trắng xóa chảy qua những viên đá sỏi dưới lòng suối reo vang trôi xa vào khu rừng phía bên kia.

Cái năng lượng của những tia nắng mặt trời mấy năm trước vẫn còn có mặt trong hôm nay, đó không phải chỉ là văn thơ mà là một sự thật! Hạnh phúc cũng vậy không bao giờ có thể có mặt riêng. Những bước chân thông dong của bạn cũng là hạnh phúc của nhiều người.

Sáng nay bạn hãy rót một tách trà thơm và thưởng thức đi. Trong vị của ánh mặt trời năm xưa ấy bạn có thấy thương không...■

Niềm thương dâng Mẹ • THẾ HUYỀN

Đôi quang gánh mẹ đi về mưa bụi
Lạnh vai gầy tóc mặn giọt mồ hôi
Suốt đời người là huyền thoại lẻ loi
Quáy gánh nghèo, dậm trường quen đơn độc.

Con ra đi buổi tuổi xanh nét ngọc
Nguyện theo đường Thánh giá chẳng sờn tâm
Mẹ thấp cao vẫn vai nặng thăng trầm
Màu nắng gió sạm chai, mờ trong mắt.

Lần đầu ấy, hình như chiều lất phất
Con về thăm qua khoảng chợ quê
Mẹ nhận ra, mắt đã ướt võ vè
“Con của mẹ, chà ơi, mau lớn quá”.

Khóc thật rồi, mẹ ơi, con biết lắm
Đốc đời con buồn, tuổi mẹ xa dần
Sao kiếp người trôi mãi tựa phù vân
Con không dám nghĩ xa xôi thêm nữa.

Ngồi bên mẹ con không cần bếp lửa
Chén cơm chiều thương sông nước quê hương
Bát nước chiều thấm thía nợ phong sương
Con hít mãi chéo áo gầy mẹ mặc.



Đêm nằm nghe quê mình vỗ sóng
Mẹ nằm bên và chẳng nói câu nào
Không nhận ra, nhưng chừng như mẹ khóc
Hèn gì quê mình, biển cứ lao xao.

Con lại đi, hình chiều như lất phất
Sóng ru hời, mắt mẹ ướt mắt con
Mắt mẹ ơi, xin hãy bớt mối mòn
Cho sóng biển không làm con hoảng sợ.

Tiến chân đi, con thấy mình mắc nợ
Chén nước, bát cơm, hơi thở mẹ gầy...
Ngang lũy tre làng, con dừng lại chấp tay:
"A Di Đà Phật! Mẹ về đi, sắp tối...!"

Chặng đường nào, con miệt mài bước tới
Mẹ quê nghèo vẫn huyền thoại lẻ loi
Bước chân run, nhưng tim đập rạo ngời
Khi con nhỏ vững trên đường gian khó.

Con sẽ về, và ôm choàng bóng gió
Cho mùa đông thôi rất lạnh vai gầy
Con sẽ về nắm gầy guộc bàn tay:
"Cảm ơn mẹ_Ân mười phương ghi tạc!"

Về thăm BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG



Bồ-đề Đạo tràng là nơi kỷ niệm sự thành đạo, chứng đắc quả vị Giác ngộ siêu việt của Bồ-tát Tất-đạt-đa. Ở nơi ấy Ngài đã trở thành đấng Chí tôn, bậc thầy của cả trời người với tôn hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Bồ-đề Đạo tràng còn được gọi là tháp Đại giác hay Đại tháp. Bồ-đề Đạo tràng là tên người Việt thường dùng, tên đầy đủ và nguyên gốc của nó là Mahābodhi Mahāvihāra (tạm dịch - Đại Tháp Đại Giác).

Thật là một điểm phúc lớn đối

với tôi khi được đến chiêm bái thánh tích thiêng liêng này. Vừa đến phía ngoài cổng của khuôn viên Đại tháp, thoáng nghe tiếng tụng kinh và những điệu nhạc đệm cho lời kinh Pāli phát ra từ các loa phóng thanh đã thấy trong lòng trào dâng một cảm xúc khó tả. Một bầu không khí thiêng liêng, màu nhiệm và uy nghiêm lan tỏa khắp khuôn viên Bồ-đề Đạo tràng. Mặc dầu tôi đã kính cẩn chấp tay xá chào ngôi Đại Tháp khi vừa đổi diện để bắt đầu tiến đến những bậc cấp dẫn

vào Đại Tháp, nhưng khi bước chân đến những bậc cấp dẫn vào khu Đại Tháp, có một sức mạnh vô hình đã tác động vào tâm thức của tôi, tác động vào từng bước chân của tôi. Vừa đặt chân chạm vào bậc cấp đầu tiên, bỗng đôi chân tôi chùn lại, bước chậm rãi từng bước một. Mỗi bước chân đặt xuống bậc cấp là như có một luồng điện từ phía dưới truyền lên thân thể tôi, làm cho toàn thân tôi rung động lạ thường. Một sức mạnh tâm linh tại nơi giác ngộ của đức Thế Tôn đã tác động vào thân và tâm tôi. Lúc ấy tôi cảm thấy mình nhỏ bé vô cùng, yếu ớt vô cùng trước sức mạnh tâm linh ấy. Nó đã làm cho những bước chân của tôi trở nên vô cùng nhẹ nhàng, thanh thoát, như là không muốn tạo ra một sự tổn thương, xáo động nào đến mặt phẳng của các bậc cấp, và cũng là để trọn vẹn nhận diện, đón nhận những gì đang diễn ra trong thân tâm của mình. Thật là kỳ lạ, mặc dù chịu sự tác động của sức mạnh tâm linh và sự uy nghiêm của ngôi Đại Tháp như vậy mà lòng tôi vẫn thấy an lành, cảm giác sợ sệt không hề hiện hữu trong tâm tôi. Sự uy nghiêm và sức mạnh vô hình ấy không làm cho tôi

khiếp sợ. Ngược lại, nó còn làm cho tâm tôi trở nên an bình và thành kính hơn.

Cũng thật là đặc biệt, không biết ai đã đặt tên cho bốn địa điểm quan trọng trong cuộc đời của đức Phật (vườn Lâm-tỳ-ni, nơi Thái tử Tất-đạt-đa ra đời; Bồ-đề Đạo tràng, nơi Phật thành đạo; Vườn Nai (Lộc Uyển), nơi Phật chuyển vận bánh xe pháp lần đầu tiên; và thành Câu-thi-na, nơi đức Phật nhập vô dư niết-bàn) là Tứ động tâm. Chữ ‘động tâm’ ở đây vừa là tính từ mang nghĩa quan trọng, trọng điểm, nó vừa là động từ chỉ sự rung động, sự biến động ở trong thân tâm của người đến viếng thăm, đến chiêm bái. Ai đã một lần đặt chân đến một trong bốn địa điểm trên thì chắc chắn sẽ cảm nhận được thế nào là “động tâm”, sẽ thấu hiểu được sự thiêng liêng, mầu nhiệm và uy nghiêm của nơi thánh địa. Chính đức Thế Tôn đã từng dạy rằng, nếu ai có duyên đến chiêm bái những thánh tích của đức Phật thì người đó sẽ có được nhiều phước đức. Tại sao đức Phật lại dạy điều này? Tại vì, khi chúng ta đến chiêm bái các thánh tích thì niềm tin của chúng ta đối với Tam bảo, đối với chân

lý càng thêm lớn mạnh, càng thêm vững chắc. Niềm tin là mẹ sinh ra các công đức. Khi chúng ta đến thăm các thánh tích, được tận mắt nhìn thấy các dấu tích, các di vật của lịch sử để lại, chúng ta vững tin rằng đức Phật là một nhân vật lịch sử, là một con người có thật, bằng xương bằng thịt như chúng ta chứ không phải là một nhân vật huyền thoại, hư cấu. Ngài là một con người bình thường, đã ưu tư, trăn trở vì nỗi khổ của bản thân và của tha nhân, và đã quyết chí đi tìm chân lý và đã chứng đạo. Giáo lý của Ngài dạy đã được thực hành và truyền trao từ thế hệ này đến thế hệ khác trong suốt hơn 25 thế kỷ qua. Đã có không biết bao nhiêu người tìm thấy được ý nghĩa của cuộc sống, tìm thấy được hạnh phúc nhờ vào giáo lý của Ngài. Hơn nữa, khi đến chiêm bái các thánh tích, sức mạnh tâm linh tích tụ ở các thánh địa đó cũng tác động không nhỏ đến tâm thức của chúng ta. Chính những điều này sẽ làm cho tâm hướng thiện, hướng thượng trong chúng ta càng thêm lớn mạnh, nó khơi dậy tiềm năng giác ngộ trong chúng ta, tưới tẩm và nuôi dưỡng cho hạt giống từ bi, trí tuệ trong

tâm của chúng ta càng thêm lớn mạnh. Sự thật là đã có không ít người, từ châu Á cũng như châu Âu, sau một chuyến hành hương chiêm bái các thánh tích của Phật giáo, đã tạo ra một sự chuyển đổi vô cùng lớn lao trong đời sống của họ. Có thể nói là họ đã thay da đổi thịt, trở nên một người hoàn toàn mới, một người rất thánh thiện.

Ngoài sự chí thành chí kính của tất cả khách hành hương khi đến Bồ-đề Đạo tràng, có một điều rất đặc biệt là tất cả mọi người đều rất thân thiện, cởi mở và dễ dàng tiếp chuyện với nhau nếu có thể vượt qua được rào cản của ngôn ngữ giao tiếp. Dù là những người không cùng màu da, dân tộc; không cùng văn hóa, thậm chí là không cùng tín ngưỡng, tôn giáo (không phải tất cả những người đến Bồ-đề Đạo tràng đều là Phật tử, có những người theo đạo Hindu, theo đạo Sikh, theo đạo Tin Lành...) họ đều nhìn nhau với ánh mắt và nụ cười hiền lành, dễ thương. Có lẽ là chính sức mạnh tâm linh tại nơi giác ngộ của đức Thế Tôn và bản chất của một nền giáo lý thuần hậu, nhân từ và hòa ái của đạo Phật đã góp phần tạo nên sự

thân thiện, cởi mở đó.

Đến với Bồ-đề Đạo tràng, hình ảnh đầu tiên hiện ra trước mắt chúng ta là một tòa tháp uy nghiêm, hùng vĩ được tạo dựng giữa một vùng đất có mặt bằng thấp hơn so với xung quanh. Vì thế mà những bậc cấp dẫn vào tháp là bậc cấp theo chiều đi xuống chứ không phải đi lên như bình thường chúng ta thường gặp. Không biết đây chỉ là bố cục ngẫu nhiên mà nhà thiết kế đã tạo ra hay là có dụng ý ở trong đó? Theo cảm nhận của cá nhân, bố cục này như có ý muốn thể hiện hành trình giác ngộ của đức Phật, xuất thân là một hoàng tử có địa vị cao sang, và đã già từ tất cả những thứ cao sang ấy để sống đời khát sĩ, vô gia cư, không tài sản và từ trong đời sống vô gia cư ấy mà Ngài đã trở thành bậc Đại Giác, bậc thầy của cả trời người. Theo những cứ liệu của lịch sử thì Bồ-đề Đạo tràng đã được vua A-dục khởi công xây dựng vào thế kỷ thứ III trước CN. Sau 10 năm lên ngôi Hoàng đế, vua đã đến chiêm bái thánh tích Bồ-đề Đạo tràng, và 10 năm sau đó vua đã cho kiến tạo khu thánh tích này. Khởi đầu vua cho xây Kim Cang tòa ở dưới gốc cây

Bồ-đề và một trụ đá để đánh dấu nơi thành đạo của đức Phật. Sau đó vua cho tạo dựng một ngôi tháp. Theo những di tích còn sót lại cùng những lời ghi ở trên đó thì khoảng 150 cho đến 300 năm sau khi vua A-dục kiến tạo Bồ-đề Đạo tràng (tức vào khoảng thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ I trước CN) đã có 3 mệnh phụ Phu nhân góp công tôn tạo và bảo trì khu thánh tích. Theo tác giả William, trong số họ có một người là phu nhân của một lãnh chúa có tên là Kurangi¹. Những vị nữ tín chủ này đã xây dựng những rào chắn bao quanh Kim Cang tòa và trụ đá để bảo vệ chúng. Họ còn cho xây những điểm mốc đánh dấu những bước đi màu nhiệm của đức Phật (jewel-walk posts) trong suốt 7 ngày của tuần thứ 3 sau khi Ngài chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong khoảng thời gian đó, đức Phật đã thiền hành tới và lui tại một khoảng trống gần cây Bồ-đề, vừa là để tưởng niệm công ơn của cây đã che chở cho Ngài, vừa là để trải nghiệm những điều màu nhiệm, uyên thâm của trạng thái giác ngộ. Những điểm mốc

1. William, *Mahabodhi temple*, from www.stupa.org.nz website.

mà họ xây lên là nhằm để đánh dấu những dấu chân màu nhiệm của đức Phật, trên mỗi điểm ấy có gắn hình hoa sen bằng đá.

Tiến vào bên trong ngôi Đại Tháp, khách hành hương sẽ được chiêm ngưỡng một tôn tượng vô cùng đặc biệt của đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni. Bức tượng này được điêu khắc thật là hoàn mỹ. Đây là bức tượng đức Thế Tôn đang ngồi trong tư thế kiết già, cao hơn 2 mét, với nét mặt điềm tĩnh và hiền hòa, tươi đẹp. Bức tượng này được tạc từ một tảng đá đen. Màu vàng của bức tượng như trong hiện tại là do bức tượng đã được sơn lại bởi những tín đồ hành hương. Theo nhiều nguồn sử liệu ghi chép thì bức tượng này được tạo dựng vào khoảng thế kỷ thứ II sau CN, lúc mà Phật giáo Đại thừa (Mahayana) phát triển nhanh và nghi thức thờ phụng tôn tượng bắt đầu nảy sinh và phát triển trong truyền thống Phật giáo Đại thừa.

Cây Bồ-đề thiêng liêng tại Bồ-đề Đạo tràng là một trong những di tích không kém phần quan trọng. Tuy đây không phải là cây Bồ-đề nguyên thủy, nhưng là một cây con được bắt nguồn từ cây Bồ-đề gốc, nó vẫn có một

sức mạnh tâm linh vĩ đại và có sức ảnh hưởng lớn đối với tín đồ hành hương. Chính tại dưới gốc cây Bồ-đề này mà đức Phật đã chứng quả vị Giác ngộ Tối thượng, và cũng chính dưới gốc cây này, sau khi chứng đạo, đức Phật đã dành một tuần lễ đầu tiên để thiền quán và an hưởng niềm hỷ lạc vô biên của sự giác ngộ. Đến bên gốc cây Bồ-đề, chí thành đánh lễ, tưởng niệm và ngồi tĩnh tọa dưới bóng mát của tán cây, chúng ta sẽ nhanh chóng cảm nhận được một niềm tịnh lạc lạ thường dấy khởi trong tâm. Trong tập *Chuyện Tiên Thân* cho biết rằng, Kim Cang tòa dưới



gốc cây Bồ-đề này được xem là trọng điểm của trái đất, là điểm duy nhất được hình thành trên lớp địa tầng nguyên ủy vào thời kỳ hoàng kim của trái đất ở trong vũ trụ, chỉ có tại nơi này ở trên trái đất bậc tu hành mới chứng đạt được quả vị Vô thượng Bồ-đề.

Số phận của cây Bồ-đề này cũng lắm thăng trầm. Vào thời vua A-dục, bởi vì vua quá sùng tín, quá yêu quý cây Bồ-đề, dành nhiều thời gian cho nó, quan tâm đến nó còn hơn cả đối với hoàng hậu của vua, hoàng hậu Tissarakkhā, vì thế mà vị hoàng hậu này đã sinh tâm ghen ghét đối với cây Bồ-đề và đã thuê một người phụ nữ giỏi về chú thuật dùng bùa chú để giết chết cây Bồ-đề. Sau đó không lâu thì cây Bồ-đề bị khô héo đi. Việc cây Bồ-đề bị khô héo dần đã làm cho vua A-dục vô cùng buồn khổ, và tuyệt vọng. Trước tâm trạng buồn và tuyệt vọng của vua, hoàng hậu Tissarakkhā đã tâm với vua rằng, nếu cây Bồ-đề chết đi thì hoàng hậu sẽ đem niềm an vui đến cho đức vua. Nhưng vua A-dục đã đáp lại rằng, cây Bồ-đề không phải là một người phụ nữ, nó là một cây xanh mà tại nơi

đó đức Phật đã đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi nghe vua giải thích như vậy thì hoàng hậu đã nhận thấy được lỗi lầm của mình, liền bí mật triệu mời người phù thủy ấy đến để tìm cách cứu sống cây Bồ-đề. Họ đã cho người đào đất ở xung quanh gốc cây lên và dùng hàng nghìn bình sữa để tưới cho gốc cây mỗi ngày. Sau đó không lâu thì cây đã hồi sinh, xanh tươi như cũ.²

Vào năm 600 sau CN, cây Bồ-đề một lần nữa bị hủy diệt bởi vua Sesanka, một tín đồ sùng tín của thần Shiva. Đến năm 620, vua Purnavarma đã cho trồng lại một cây Bồ-đề con. Dưới thời của vua Purnavarma, cứ đến dịp tổ chức lễ hội Vaisakha hàng năm là có hàng nghìn người từ khắp nơi trên đất nước Ấn Độ tụ hội về dưới gốc cây Bồ-đề thiêng liêng để làm lễ. Họ dùng nước hoa, sữa thơm để tưới cho cây, và họ còn dâng hoa và nhạc để cúng dường cây Bồ-đề³.

2. Anuradha Seneviratna, *King Asoka and Buddhism, historical and literary studies*, Buddhist Publish Society, Kandy, Sri Lanka, 1994.

3. Bodhi tree, from <http://www.angelfire.com>, provided by the Dharma and Root Institute for Wisdom Culture.

Tuy nhiên, trải qua thời gian lâu dài, cùng những tác động của thiên nhiên và của con người, vào năm 1862, theo những dòng ghi chép của một nhà Khảo cổ học người Anh, Cunningham, thì cây Bồ-đề lúc ấy đã lâm vào trình trạng xuống cấp nghiêm trọng, chỉ còn một phần của thân cây ngã về phía Tây là còn xanh lá, còn những phần khác thì lá đã úa tàn và thân thì bị mục nát. Sau đó vài chục năm, một con bảo đã làm cho cây Bồ-đề gãy đổ. Cũng may là người ta đã thu lượm được nhiều hạt giống của nó và đã ươm giống, và nhờ đó mà mầm non của cây mẹ đã được sinh trưởng tại vị trí cũ. Cây Bồ-đề trong hiện tại là cây thuộc thế hệ thứ tư của cây Bồ-đề nguyên thủy và nó đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với tín đồ Phật tử trên khắp thế giới, là hình ảnh nhắc nhở chúng ta nhớ về sự chứng ngộ siêu việt của đức Phật, là biểu tượng của niềm an lạc vô biên, của một tiềm năng siêu tuyệt đang ẩn tàng trong tất cả chúng ta.

Bên cạnh đó, tại khu thánh tích này còn có những điểm cũng đáng đề cho khách hành hương lưu tâm và chiêm bái. Một là

ngôi tháp nhỏ có tên là Anime-sha Lochana tọa lạc về phía Tây Bắc của ngôi Đại tháp. Nó đánh dấu vị trí mà khi xưa đức Phật đã đứng nhìn về phía cây Bồ-đề không chớp mắt trong suốt 7 ngày của tuần lễ thứ hai. Hai là một ngôi đền nhỏ không có mái che nằm ở phía Đông Bắc của ngôi Đại tháp, nó được gọi là đền Ratanaghara. Tại đây, đức Phật đã trải qua 7 ngày của tuần thứ tư để quán chiếu về lý Duyên sinh của vạn pháp. Và chính trong lúc thiền quán về lý Duyên sinh này, từ trong châu thân của đức Phật đã tỏa ra những tia sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng, da cam và một màu thứ sáu được kết hợp bởi 5 màu trên. Sáu màu sắc này chính là nguồn cảm hứng để sáng tạo nên lá cờ Phật giáo đang được lưu hành tại các quốc gia có tín đồ Phật giáo trên khắp thế giới. Ba là cây Ajapāla Nigrodha (nay chỉ còn lại một tấm biển ghi dấu tích, còn cây ấy thì không còn nữa) nằm phía trước mặt của ngôi Đại tháp, ngay trên lối đi vào từ cổng phía Đông. Đức Phật đã thiền định suốt tuần thứ năm ở dưới gốc cây này. Bốn là hồ Muchalinda, nằm về phía Nam của ngôi Đại tháp. Đức Phật

đã thiền tọa suốt tuần thứ sáu bên cạnh cái hồ này. Trong lúc đức Phật đang tọa thiền thì bỗng mưa bão, sấm sét nổi lên vang trời. Thấy đức Phật ngồi dưới mưa bão như thế, có một con rắn chúa trong hồ tên là Muchalinda đã rời nơi trú ngụ, dùng thân mình quấn lấy cơ thể đức Phật nhiều vòng và dùng phần trên của thân che trùm lên đầu của Phật để che chở cho đức Thế Tôn tránh được sự tổn hại của gió táp mưa sa. Vì thế mà hồ này được gọi tên là hồ Muchalinda. Trên lối đi dẫn vào hồ Muchalinda còn có một trụ đá của vua A-dục. Trụ đá này đã bị gãy mất phần đầu, nhưng toàn thân thì vẫn còn nguyên vẹn. Năm là cây Rajāyatana, nó cũng chịu chung số phận như cây Ajapāla Nigrodha, nay chỉ còn lại một tấm biển ghi lại dấu tích mà thôi, tấm biển này nằm phía đông nam của ngôi Đại tháp. Dưới gốc cây này đức Phật đã tọa thiền suốt tuần thứ bảy sau khi Ngài chứng đạo Vô thượng.

Hiện nay, trong khuôn viên của Bồ-đề Đạo tràng còn có một công viên được gọi là Meditation park. Trong công viên có nhiều cây xanh, cây cảnh, những thảm cỏ xanh, những mái đình, những

cái thất nhỏ rất thích hợp cho việc hành thiền và hòa mình với thiên nhiên, cây cỏ.

Khu thánh tích Bồ-đề Đạo tràng đã trải qua không biết bao nhiêu thăng trầm, không biết bao nhiêu lần suy tàn, đổ nát, rồi được khôi phục trở lại kể từ ngày được vua A-dục tạo dựng cho đến ngày nay. Thời gian đầu chỉ có Kim Cang tòa dưới cây Bồ-đề, những trụ đá của vua A-dục và những điểm mốc đánh dấu những nơi đức Phật đã trải qua trong thời gian đầu sau khi chứng đạo và những rào chắn xung quanh. Theo những ghi chép của ngài Pháp Hiển về Bồ-đề Đạo tràng lúc ngài đến đó chiêm bái (vào khoảng năm 400 sau CN), lúc đó có nhiều tượng Phật được tôn thờ trong các mái đình không có tường xung quanh, có nhiều công trình kỷ niệm đánh dấu những nơi đức Phật đã đặt chân đến, và có một số tu viện với nhiều vị tu sĩ tu hành cần mật. Trong truyện ký của ngài Huyền Trang ở phần viết về Bồ-đề Đạo tràng lúc ngài đến chiêm bái (vào khoảng năm 635 sau CN), ngài đã miêu tả khá cụ thể về tháp Đại giác. Những miêu tả ấy về tháp Đại giác khá tương tự như ngôi

tháp mà chúng ta đang thấy ở Bồ-đề Đạo tràng ngày hôm nay. Ngài Huyền Trang đã miêu tả rằng, về phía đông của cây Bồ-đề, có một tòa tháp cao khoảng 160-170 feet (khoảng 50-55 mét), được xây bằng gạch xanh, bốn mặt của tòa tháp được gắn những hình trang trí rất là tinh xảo... Đến thế kỷ thứ XII, Bồ-đề Đạo tràng đã không được tu sửa và rơi vào tình trạng bị bỏ rơi hoàn toàn. Nhưng thời gian tiếp sau đó, khu thánh tích đã trải qua nhiều lần phục hồi, nâng cấp và sửa chữa bởi các vị vua sùng đạo, các tín chủ và các nhà hảo tâm ở trong nước Ấn Độ cũng như ở nước ngoài. Vào năm 1874, khu thánh tích đã được bắt đầu một quá trình nâng cấp toàn bộ được tiến hành bởi phái đoàn của vua Miến Điện, Mindon-Min, với sự chấp thuận của chính quyền Ấn Độ. Lần nâng cấp này đã tạo nên diện mạo của Bồ-đề Đạo tràng như chúng ta thấy trong hiện tại.

Vào năm 1953, chính quyền Ấn Độ đã chính thức thành lập Ban quản lý khu thánh tích Bồ-đề Đạo tràng gọi là Bodhgaya Temple Management Committee. Nhiệm vụ chính của Ban quản lý này là giữ gìn và tu sửa

khu thánh tích, mở mang và cải thiện khu đất của thánh tích, bảo vệ lợi ích và sự an toàn cho khách hành hương, và cuối cùng là thực hiện những nghi lễ thờ phụng thích hợp tại Bồ-đề Đạo tràng.

Bồ-đề Đạo tràng ngày nay đã được toàn thế giới biết đến. Vào ngày 27 tháng 6 năm 2002, Ủy ban văn hóa, khoa học và giáo dục của Liên hợp quốc (UNESCO) đã công nhận Bồ-đề Đạo tràng là một di sản của thế giới. Hàng năm, có hàng nghìn người trên khắp thế giới, bao gồm cả Phật tử lẫn những người không phải là Phật tử, tìm về khu thánh tích thiêng liêng này để chiêm bái. Và hiện có không biết bao nhiêu người đang ngày đêm mong ước có một lần đặt chân đến Bồ-đề Đạo tràng để được phủ phục trước ngôi tháp Đại giác, để được đánh lễ tôn tượng của đức Thế Tôn đang thờ phụng trong tháp, và để được chiêm ngưỡng cây Bồ-đề thiêng liêng, được ngồi tĩnh tọa dưới bóng cây thiêng và cảm nhận những cảm xúc lạ thường mà thanh thoát trào dâng trong lòng.

Nếu ai có điều kiện thì nên một lần đến chiêm bái thánh tích

Bồ-đề Đạo tràng. Khi đến chiêm bái khu thánh tích, khách hành hương nên dành thời gian cho nó, không nên vội vàng, không nên để mình bị chi phối bởi bất kỳ một lý do nào khác. Hãy đến đó để thấy, để tự mình cảm nhận, tự mình trải nghiệm những diễn biến tâm lý diễn ra trong tâm của mình. Nếu có thời gian thì khách hành hương nên đến chiêm bái vào các thời điểm khác nhau trong ngày. Vì vào mỗi thời điểm khác nhau ấy, chúng ta sẽ có những cảm nhận khác nhau. Cảm nhận vào lúc sáng sớm nó khác với lúc hoàng hôn, và cũng khác với lúc màn đêm buông xuống bao trùm lấy cảnh vật, toàn cảnh khu thánh tích Bồ-đề Đạo tràng hiện lên mờ ảo dưới ánh đèn điện. Nếu có nhiều thời gian hơn nữa thì khách hành hương nên đến viếng thăm các ngôi chùa của các quốc gia khác nhau trên thế giới, chùa của Trung Hoa, Nhật Bản, Thái Lan, Miến Điện, Tây Tạng, Việt Nam, Bhutan, Sri Lanka... Mỗi chùa có một sắc thái riêng, có một lối trang trí và cách thờ phụng riêng, nhưng tất cả đều mang đậm bản sắc dân tộc của quốc gia đó và đều trang nghiêm, thanh tịnh. Hãy đi thăm

một vòng cho biết, để mở rộng tầm mắt, để khám phá những nét văn hóa, tín ngưỡng rất riêng của từng dân tộc. Thánh tích Bồ-đề Đạo tràng thiêng liêng đang còn đó, những ngôi chùa đặc sắc ấy vẫn đang hiện hữu nơi kia. Tất cả đang chờ đợi bạn, đang chờ đón những đứa con tinh thần trở về với tổ ấm thiêng liêng. Cầu chúc cho tất cả mọi người có đủ duyên lành để đến chiêm bái khu thánh tích Bồ-đề Đạo tràng thiêng liêng.■

Tài liệu tham khảo:

- Anuradha Seneviratna, *King Asoka and Buddhism, historical and literary studies*, Buddhist Publish Society, Kandy, Sri Lanka, 1994.
- *Bodhi tree*, from <http://www.angelfire.com>, provided by the Dharma and Root Institute for Wisdom Culture.
- Macmillan Encyclopedia of Buddhism, 2003 Ed., Vol. 1, 'Bodhi Gayā' written by Leela Aditi Wood.
- Macmillan Encyclopedia of Buddhism, 2003 Ed., Vol. 2, 'MahāBodhi Temple' written by Leela Aditi Wood.
- *Mahabodhi Mahavihara, a world heritage site*, published by Bodhi-gaya Temple Management Committee, 2nd ed., 2005.
- William, *Mahabodhi temple*, on www.stupa.org.nz website

Quê hương và lòng Mẹ

Tiếng mưa đêm dài lê thê buồn bã
 Thấm vào lòng nghe rời rã con tim
 Độ thâm thu lòng thi sĩ im lìm
 Lặng đứng nhìn gió thu hiu hắt thổi
 Tai lắng nghe cây lá sầu trăn trối!
 Giọt mưa đêm gieo bao nỗi thẳng trầm
 Cuộc đời là khúc nhạc vô ngâm
 Giận mình cứ thương thầm chi gió thoảng!
 Tôi đứng đó khung trời như than oán
 Ánh sao đêm chớp nhoáng lạnh tâm hồn
 Vàng nguyệt sầu soi sáng một cô thôn
 Tim nhịp đập gọi hồn dang chưa xót
 Nhớ làm sao tiếng chim gầy cất hót
 Trên đồng xanh trái muối dưa cà
 Nỗi hoài quê khắc khoải tận lòng ta
 Hình bóng mẹ chiều tà trên đồng ruộng
 Củ sắn lùi, ... bát canh rau muống
 Đĩa dưa cà nồng mặn tình quê
 Ôi sông Bồ ngàn năm muôn thuở!
 Bên lở, bên bồi, bên nhớ, bên thương...
 Nhớ những lần dạo bước đôi nương
 Bên mẹ cha có lường đầu kỷ niệm
 Lẽ vô thường muôn sự dần tan biến
 Dòng sông xưa đưa tiễn bước thẳng trầm.

• VIÊN NGỌC

Chuyển xe đời khóc cuộc tình nín câm.
 Đưa phụ mẫu tình thâm qua biên giới.
 Thời gian ơi, thời gian trôi vời vợi.
 Xa cách quê hương đã mấy thu rồi!
 Nhìn cuộc đời bạc lạnh tựa mây trời.
 Đua danh lợi trong dầu sôi lửa bỏng.
 Giữa đêm buồn độ cuối thu chiếc bóng.
 Tôi chạnh lòng hồi tiếc những ngày xưa.
 Rồi một ngày mưa tôi
 trở về chốn cũ.
 Nhìn xóm làng lam lũ ... nén lòng đau.
 Mái tóc mẹ giờ đây lẫn mấy màu?!
 Pha sương trắng lạnh đời miền quê ngoại.
 Tôi nhìn Mẹ khung trời xưa thắm lại.
 Nếp da nhăn nhăn nại những tháng ngày.
 Dòng lệ sầu thương tủi với đắng cay.
 Không bên mẹ để tháng ngày phụng dưỡng.
 Lặng phút giây niềm xót xa vui sướng.
 Tuổi ấu thơ tóc mẹ hãy còn xanh.
 Con sưởi ấm giữa lòng thành chan chứa.
 Mẹ hiền ơi hãy thương con lần nữa!
 Chân cứng đá mềm cất bước con đi.
 Biết xa con mẹ đầm ướt bờ mi.
 Thẻ vạn kiếp con khắc ghi tình mẹ! ...



Rằm tháng bảy: trong phim

BAO GIỜ CHO ĐẾN THÁNG MƯỜI

■ MINH THANH



Khía cạnh tâm linh trong một tác phẩm đỉnh cao của điện ảnh Việt Nam giữa thập niên 80 thế kỷ XX

Qua một bài viết đăng trên tập san *Pháp Luân* số ra gần đây, chúng tôi đã có dịp giới thiệu phim truyện *Mê Thảo-Thời vang bóng* của đạo diễn Việt Linh như một bộ phim chứa đựng yếu tố tâm linh với tư tưởng Phật giáo ẩn hiện phía sau. Nhưng thực ra, không phải đến *Mê Thảo - Thời vang bóng* (sản xuất năm 2002), điện ảnh Việt Nam (không kể bộ phận điện ảnh ở miền Nam trước năm 1975) mới có những dấu ấn tâm linh và Phật giáo trên các tác phẩm của mình. Ngay từ giữa thập niên 80 thế kỷ trước, trong hoàn

cảnh đặc biệt vào những năm đất nước chưa đổi mới, khi mà tâm linh còn là lãnh vực cấm kỵ của văn học nghệ thuật, đã có một bộ phim, mà một trong những yếu tố tạo thành sự thành công đến mức đặc biệt của nó là yếu tố tâm linh. Ngày rằm tháng bảy, ngày đại xá vong nhân của Phật giáo và cũng là ngày dành cho những người đã khuất theo truyền thống văn hóa dân tộc, đã hiện lên trong phim *Bao giờ cho đến tháng mười* trong hoàn cảnh đáng lưu ý đó.

Đề cập đến vấn đề tâm linh trong một bộ phim truyện vào thời gian đó là *một vấn đề lớn*. Đạo diễn phim, ông Đặng Nhật Minh đã viết như sau trong *Hồi ký điện ảnh* của mình: “Khi bộ phim hoàn thành, giám đốc Hải Ninh yêu cầu

cắt bỏ trường đoạn chợ âm dương (tức trường đoạn đến rằm tháng bảy, chú thích của MT) với lý do mê tín dị đoan. Đây là trường đoạn tâm đắc nhất của tôi trong bộ phim này..." (trang 91). Trong đoạn sau của hồi ký dẫn trên, ông viết tiếp: "... đúng như cụ Nguyễn Du viết: 'Thác là thể xác, còn là tinh anh' [nguyên văn câu trích của tác giả Đặng Nhật Minh]. Đó là một đặc điểm tâm lý rất Việt Nam. Nhưng giám đốc Hải Ninh không quan tâm đến điều đó. Ông chỉ sợ cấp trên phê bình bộ phim mang màu sắc duy tâm huyền bí, tuyên truyền cho mê tín dị đoan.

Trước áp lực của ông, tôi đành nhân nhượng cắt bớt trường đoạn này, điều làm tôi đau xót vô cùng. Ông thường có một lập luận thoát nghe rất có lý: bộ phim làm ra không phải của cá nhân một ai. Nó là tài sản chung, là cơm áo gạo tiền của Hãng. Nếu có gì trục trặc, trên không cho ra thì hàng trăm cán bộ công nhân viên của Hãng chết chứ không chỉ mình đạo diễn. Bởi vậy người giám đốc mới là người có trách nhiệm chính đối với bộ phim. Tôi không thể chấp nhận cái lập luận kiểu đó và cương quyết không chịu cắt bỏ thêm một cảnh nào nữa trong trường đoạn chợ âm dương.

Không còn cách nào dồn ép tôi được, giám đốc Hải Ninh bèn mời các cấp trên xuống xem trước cho an toàn. Có lẽ chưa có phim nào của Việt Nam lại phải duyệt đi duyệt lại nhiều tầng nhiều nấc như bộ phim này. Cứ mỗi nấc duyệt lại nảy sinh thêm những rắc rối mới" (trang 93).

Và đạo diễn Đặng Nhật Minh tổng kết: "Tổng cộng tất cả là 13 lần duyệt".

Trường đoạn chợ âm dương (tức đêm rằm tháng bảy) ra sao mà phức tạp đến vậy? Đó là trường đoạn tập trung yếu tố tâm linh của phim, là điều mà chúng ta đang tìm hiểu. Mặc dù yếu tố tâm linh được thể hiện ở nhiều đoạn trong suốt cả bộ phim, nhưng tất cả những đoạn phim có yếu tố tâm linh khác đều đóng vai trò đề cao trường đoạn chợ âm dương đêm rằm tháng bảy, để từ đó cùng toát lên chất tâm linh của tác phẩm điện ảnh hết sức thành công này.

|| **Vài nét về phim truyện *Bao giờ cho đến tháng mười***

Bao giờ cho đến tháng mười là một phim truyện đen trắng do Hãng Phim truyện Việt Nam sản xuất vào năm 1985. Tác giả kịch bản Đặng Nhật Minh cũng là đạo

diễn phim.

Đạo diễn Đặng Nhật Minh là một trong những tên tuổi lớn của nền điện ảnh Việt Nam, ông là con trai của một nhà khoa học danh tiếng trong giới y học: Giáo sư Đặng Văn Ngữ. Trước khi làm phim *Bao giờ cho đến tháng mười*, ông đã có phim *Thị xã trong tầm tay* đoạt giải Bông Sen Vàng Liên hoan phim Việt Nam 1983, cũng do ông viết kịch bản và đạo diễn. Phim *Bao giờ cho đến tháng mười* do diễn viên Lê Vân đóng vai chính (Duyên, vợ của người chiến sĩ tử trận). Có thể coi đây là một trong những tác phẩm điện ảnh thành công nhất của Việt Nam: Giải Bông Sen Vàng liên hoan phim Việt Nam lần thứ VII, 1985, các giải cá nhân cho đạo diễn, diễn viên nữ, diễn viên nam và thiết kế mỹ thuật tại liên hoan phim nói trên, giải đặc biệt của ban giám khảo Liên hoan phim quốc tế Hawaii, Mỹ, 1985. Đạo diễn Đặng Nhật Minh trong quyển *Hồi ký điện ảnh* đã cho biết: “Không những thế nó còn nhận được mỗi thiện cảm rất lớn của khán giả nước ngoài. Có lẽ đây là bộ phim Việt Nam đầu tiên đến được với công chúng ngoài biên giới sau năm 1975. Tôi được Đại sứ quán Pháp cấp học bổng sang

tu nghiệp tại Pháp trong một năm. Một tháng sau khi tôi tới Paris, Bộ ngoại giao Pháp đã long trọng tổ chức chiếu ra mắt bộ phim này tại rạp chiếu bóng Cosmos trên đại lộ Rue de Reines ở trung tâm thành phố. Điều này làm Đại sứ quán ta tại Paris rất ngạc nhiên vì trước tới nay chưa thấy họ làm như vậy bao giờ. Giấy mời tôi xem phim được in rất trang trọng. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp Roland Dumas và Bộ trưởng Bộ Văn hoá Pháp Jack Lang cùng đứng tên trên giấy mời. Khách mời là ngoại giao đoàn ở Paris, giới văn nghệ sĩ, điện ảnh Pháp, đại diện Việt kiều. Có thể nói buổi chiếu đã thành công mỹ mãn. Nhà văn kiêm nữ ký giả Pháp Madeleine Riffaut sau khi xem xong nước mắt giàn giụa ôm hôn tôi hồi lâu”.

Cốt truyện phim *Bao giờ cho đến tháng mười* được chính đạo diễn Đặng Nhật Minh tóm tắt như sau trong *Hồi ký điện ảnh*: “Mở đầu phim là cảnh chị Duyên về làng sau khi vào Nam thăm chồng về. Nhưng chồng chị đã không còn nữa. Anh đã hi sinh trong một trận chiến đấu ở biên giới Tây Nam. Vì nổi đau quá bất ngờ, vì đường xa mệt nhọc nên khi qua đò chị đã bị ngất đi, rơi xuống sông. May có Khang, một giáo viên đi cùng đò

đã nhảy xuống sông vớt được chị. Khang cũng vớt lên được tờ giấy báo tử của chồng Duyên nên anh trở thành người đầu tiên biết tin này. Nhưng Duyên lại muốn giấu kín tin dữ đó, chị không muốn bố chồng đang già yếu phải đau buồn. Chị đã nhờ Khang viết những lá thư giả để làm an lòng những người trong gia đình chồng, một tình tiết có thật trong đời sống mà tôi được nghe. Mỗi quan hệ thâm kín của hai người bắt đầu từ đó. Cảm động trước sự hi sinh chịu đựng và nỗi mất mát của Duyên, Khang đã đem lòng yêu mến cô, muốn được thay thế người đã mất, lo toan cho hạnh phúc cho cô và đưa con lên bảy tuổi. Anh viết thư bộc lộ những tình cảm đó với Duyên. Không may bức thư lọt vào tay bà chị dâu và câu chuyện vỡ lở khắp làng. Khang mang tiếng là người yêu phụ nữ có chồng là bộ đội đang chiến đấu ở xa. Anh bị điều đi dạy ở nơi khác. Còn Duyên vẫn âm thầm chịu đựng nỗi đau cho đến ngày ông bố chồng sắp hấp hối bắt cô phải đánh điện xin cho chồng về. Thấy Duyên chần chừ, đưa con trai lên bảy đã tự ý lên bưu điện huyện để đánh điện cho bố. Giữa đường nó xin đi nhờ một xe commanca chở bộ đội. Những người lính trên xe biết rõ sự tình

bèn đánh xe quay về làng. Khi họ về đến làng, đứng bên giường của bố chồng Duyên thì cũng vừa lúc cụ trút hơi thở cuối cùng sau khi tin rằng con trai mình đã về. Mọi người trong làng mới biết rằng chồng Duyên đã hi sinh, họ không còn hiểu lầm Khang nữa, nhưng anh đã đi rồi. Bây giờ Duyên lại mong tin anh, mong anh trở lại... Ngày khai giảng, cô đưa con đến trường và hỏi thăm tin anh”

Hiện nay, phim vẫn còn được phát hành chính thức dưới dạng đĩa DVD.

|| Trường đoạn đêm rằm tháng bảy họp chợ âm dương

Trường đoạn đêm rằm tháng bảy đã được chuẩn bị từ đoạn mở đầu phim. Đến ngôi miếu cổ Duyên nói với người yêu khi đó chưa cưới và còn ở làng, chưa đi bộ đội:

“Bà em kể trước kia cứ ngày rằm tháng bảy ở cạnh miếu này người ta họp chợ. Những người sống và những người chết được gặp nhau”¹.

Đến sau khi chồng tử trận, lạc

1. Đặng Nhật Minh: *Bao giờ cho đến tháng mười* – Tuyển tập kịch bản điện ảnh. Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, 2002 – trang 70.

đến ngôi miếu trong đêm rằm tháng bảy, Duyên gặp lại chồng giữa “một khu chợ đông đúc hiện ra trong đêm”, sau hình ảnh “những ngọn đèn trôi trên sông dạt vào bãi đá dưới cây muồng già”².

Tiến sĩ điện ảnh học Ngô Phương Lan trong công trình *Tính hiện đại và tính dân tộc trong điện ảnh Việt Nam* đã bình luận như sau về trường đoạn này: “Trong phim, chị Duyên còn gặp lại người chồng của mình cùng với bao người đã khuất tại chợ Âm phủ trong đêm rằm tháng bảy. Hầu hết họ là những người lính trẻ như chồng Duyên và cũng ra đi vĩnh viễn vì Tổ quốc suốt chiều dài lịch sử dân tộc, trong đó có cả vị Thành hoàng làng. Trên nền đêm tối, ta như thấy một tấm thảm phủ đầy những đốm lửa nền cháy chập chờn đến vô tận trong khuôn hình sâu hun hút đầy ẩn tượng. Duyên trong chiếc áo sơ mi trắng giản dị cùng đi với người chồng trong bộ quân phục mới, họ muốn nắm tay nhau nhưng không thể chạm vào nhau vì một người còn trong cõi thực, người kia đã ở cõi mộng. Người xem như được dặt vào thế giới tâm linh của người Việt Nam, nơi nỗi đau mất mát là nỗi đau chung, tình yêu lứa đôi và

tình cảm gia đình hòa vào tình yêu Đất nước”³.

Tuy nhiên, tiến sĩ Ngô Phương Lan đã chưa chú ý đến một phát ngôn của nhân vật anh bộ đội, chồng Duyên, một phát ngôn của người đã khuất và mang dáng dấp triết lý Bát-nhã của Phật giáo: “Cái còn lại mãi mãi là cái không nhìn thấy được”⁴. Lời thoại này là điểm nhấn mạnh của trường đoạn đêm rằm tháng bảy.

Ngày từ năm 1985, khi xem phim *Bao giờ cho đến tháng mười* trình chiếu lần đầu tiên tại TP.HCM, chúng tôi đã rợn người với câu nói âm vang ấy của nhân vật anh bộ đội chồng Duyên. Trong khung cảnh nửa thực nửa hư khói sương ảo ảnh của đêm rằm tháng bảy, lời thoại “Cái còn lại mãi mãi là cái không nhìn thấy được” vang lên rõ từng chữ một như câu kinh trầm trầm tan vào trong khoảnh khắc sống chết, còn mất, sắc không linh thiêng...

Thời gian thiêng liêng của tâm linh đó không chấm dứt một cách đột ngột. Duyên về nhà, thấy bố chồng ngồi im lặng trước bàn thờ

3. Ngô Phương Lan: *Tính hiện đại và tính dân tộc trong điện ảnh Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin & Viện Văn hoá Thông tin Hà Nội, 2005 trang 138.

4. Đặng Nhật Minh: *Sdd*, trang 101.

2. Đặng Nhật Minh: *Sdd*, trang 101

gia đình trong không gian tranh tối tranh sáng huyền hoặc, ông cụ nói với con dâu “Hôm nay là ngày rằm tháng bảy. Bỏ quên dặn con thắp hương”.

Tiến sĩ Ngô Phương Lan coi cảnh Duyên tiến đến bàn thờ thắp hương theo lời ông cụ “là một trong những cảnh quay đêm thành công của điện ảnh Việt Nam, không chỉ ở tạo hình mà còn hiệu quả tạo biểu tượng của nó” (chúng ta chú ý đến từ “hiệu quả tạo biểu tượng”)⁵. Trong khói hương mờ mờ đêm khuya rằm tháng bảy, trên khuôn mặt thành tín của Duyên dường như vẫn còn vang vọng câu nói thấm nhuần triết lý sắc không: “Cái còn lại mãi mãi là cái không nhìn thấy được”⁶.

Nếu không còn trường đoạn đêm rằm tháng bảy, *Bao giờ cho*

đến tháng mười sẽ không thể để lại ấn tượng sâu đậm và những cảm xúc mãnh liệt như đã thấy. Những vấn đề lớn mang ý nghĩa triết học mà bộ phim đề cập như còn/mất, hạnh phúc/ khổ đau, gặp gỡ/ chia lìa, hình sắc/ hư vô... cũng sẽ không còn gì. Khó có thể hình dung phim *Bao giờ cho đến tháng mười* như hôm nay mà không có trường đoạn chợ âm dương đêm rằm tháng bảy.

Truyền thống từ bi đối với vong nhân trong lễ Vu Lan của Phật giáo đã đi vào lòng dân tộc Việt Nam một cách tuyệt đẹp bằng giai thoại chợ âm dương đêm rằm tháng bảy trong dân gian, và từ đó, được cách điệu thành trường đoạn chợ âm dương cảm động trong phim *Bao giờ cho đến tháng mười*. Ở đây, không còn ranh giới giữa Phật giáo, tâm thức dân tộc và những cảm xúc thiêng liêng muôn thuở của con người.■



5. Ngô Phương Lan: Sdd, trang 138 –139.

6. Giữa kịch bản văn học và phim *Bao giờ cho đến tháng mười* có một điểm khác. Trong kịch bản văn học, ông cụ bỏ chồng của Duyên nói: “Chờ hết tuần hương này đã...” (ông đã thắp hương). Trong phim, đạo diễn để Duyên thắp hương và im lặng hồi lâu trước bàn thờ sau khi ông cụ nhắc “Hôm nay là ngày rằm tháng bảy”. Rõ ràng đạo diễn đã nhấn mạnh một cách tài tình ý nghĩa của việc thắp hương đêm rằm tháng bảy như là một “biểu tượng” (chữ dùng của TS Ngô Phương Lan) bằng việc sửa đổi lại kịch bản mà chính ông là tác giả.



GIA TÀI LỚN NHẤT CỦA BẠC SINH THÀNH

■ BS. THÁI HUY PHONG

Mức sinh giảm nhanh trong khi tuổi thọ ngày càng tăng, một hiện tượng mới mẻ, đó là già hóa dân số và trong tương lai không xa về kỷ nguyên của người cao tuổi. Chính vì lý do đó, nhân mùa Vu Lan này tôi xin có vài dòng trò chuyện với bậc sinh thành về hai vấn đề có liên quan đến việc chăm sóc sức khỏe và vai trò quan trọng của đăng sinh thành trong xã hội.

Một là, vấn đề chăm sóc người cao tuổi:

Khái niệm chăm sóc đăng sinh thành bao gồm cả việc phụng dưỡng ông bà, cha mẹ.

Sự thay đổi cơ cấu dân số trong hơn hai thập kỷ qua phản

ánh sự chuyển hướng từ cơ cấu dân số trẻ sang cơ cấu dân số già. Theo dự báo, người cao tuổi từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng từ 6,3 triệu người năm 2007 lên 6,9 triệu người năm 2010. Những quốc gia càng có mức giảm sinh thì sự già hóa dân số diễn ra với tốc độ càng nhanh. Ở nước ta, tuổi thọ trung bình khá cao: từ 66 tuổi năm 1989 lên 68 tuổi năm 1999 và 71 tuổi năm 2002 (Pháp lệnh Dân số, NXB Lao động).

Việc chăm sóc người cao tuổi trở nên hết sức cần thiết. Bởi vì, không phải ai sống lâu cũng đều sống khỏe, có chăm sóc sức khỏe tốt thì mới phát huy vai trò của người cao tuổi tốt. Đức Phật

Thích Ca nói: Tài sản lớn nhất của đời người đó là sức khỏe và trí tuệ. Nói đến sức khỏe có 3 cái mốc: Mốc thứ nhất là *ăn uống cân bằng*, mốc thứ hai là *vận động có ô-xy*, và mốc thứ ba là *trạng thái tâm lý*.

Vấn đề ăn uống cân bằng, trước hết nói về uống. Ở các hội nghị quốc tế về dinh dưỡng, đã định ra 6 loại thức uống bảo vệ sức khỏe. Đó là:

1. Trà xanh
2. Rượu vang đỏ
3. Sữa đậu nành
4. Sữa chua
5. Canh xương
6. Canh nấm

Về chuyện ăn, mọi người đều biết “*Kim tự tháp châu Á*”: Loài cốc, loài đậu, loài rau. Các loài cốc, trước hết là ngô (Mais), người ta gọi đó là *cây vàng*, bởi vì nó chứa nhiều noãn lân chi, á du toan, cốc vật thuần... chống xơ vữa động mạch. Kế tiếp là kiều mạch (Oats), bởi vì kiều mạch có tác dụng làm 3 hạ: hạ huyết áp, hạ mỡ máu, hạ đường máu. Còn các loại khoai như khoai lang, khoai từ, khoai tây chúng có 3 *hấp thu*: hấp thu nước, làm trơn đường ruột; hấp thu mỡ và đường, giúp ta không mắc bệnh

đái tháo đường; và hấp thu độc tố, giúp ta không mắc chứng viêm dạ dày. Cuối cùng là kê (Millet), theo Đông y nó có thể trừ thấp, kiện tỳ, trấn tĩnh, an miên. Và các loại rau, trước hết là cà rốt, đó là rau dưỡng mắt, bảo vệ niêm mạc, một loại rau làm đẹp người, dưỡng tóc, dưỡng da. Bí đỏ, khổ qua làm sinh sản Insulin, ít bị đái tháo đường. Cà chua, người Nhật gọi là UMAMI, ăn nó ít mắc bệnh ung thư. Tỏi, Mộc nhĩ đen, một dược liệu tốt trong phòng chống ung thư và mỡ máu cao. Cuối cùng là phấn hoa (Pollen), Võ Tắc Thiên, Từ Hi thái hậu, đều ăn phấn hoa, Tổng thống Reagan cũng ăn phấn hoa, bởi vì phấn hoa là tinh tử của thực vật, nó thai nghén sự sống.

Về việc vận động có ô-xy nhất thiết đừng tập luyện lúc sáng sớm, mà nên tập vào chiều tối. Ăn xong 45 phút sau hãy vận động. Mà bậc cao niên vận động thì nên đi bách bộ là được rồi. Trong sách *Hoàng đế nội kinh* nói “*không có mặt trời thì không tập luyện*”.

Để có được trạng thái tâm lý tốt, nên ngủ trưa 30 phút sau bữa ăn trưa. Tôi 22giờ30 đi ngủ, trước khi đi ngủ nên tắm nước

nóng 40-50 độ, như vậy chất lượng giấc ngủ sẽ rất cao.

Nền tảng sức khỏe là cân bằng tâm lý. Chỉ cần giữ vững tâm lý cân bằng, coi như chúng ta đã nắm vững chìa khóa sức khỏe trên tay. Bậc cha mẹ khỏe mạnh có điểm chung là có tấm lòng rộng mở, tính hòa nhã, không có cá tính hẹp hòi, độc ác, nhỏ nhen, dễ dàng tiếp thu giáo lý nhà Phật.

Thực hiện được những điều nói trên, có thể nói chúng ta đã sáng tạo sức khỏe, tận hưởng sức khỏe, trân trọng sức khỏe.

Hai là, vấn đề phát huy vai trò đấng sinh thành:

Một câu hỏi đặt ra là: sống lâu để làm gì? Nếu không sống vui, sống khỏe và sống có ích? Cho nên vai trò của đấng sinh thành trong tuổi đời còn khỏe, sự cần thiết phải duy trì và nâng cấp.

Phát huy vai trò của đấng sinh thành phát huy trong phát huy tài năng, trí tuệ và phẩm chất tốt đẹp để tham gia các hoạt động: Giáo dục truyền thống đạo pháp, truyền thụ kiến thức văn hóa, xã hội, khoa học và công nghệ, kỹ năng nghề nghiệp cho thế hệ trẻ; và hòa giải các tranh chấp, mâu thuẫn tại cộng đồng dân cư; đóng

góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật; tư vấn chuyên môn kỹ thuật; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; và tham gia các hoạt động xã hội khác.

Ở đây, cũng xin tham gia vai trò của đấng sinh thành trong gia đình. Bởi vì đó là vai trò hàng đầu làm cha làm mẹ giáo dục con cái. Ai cũng nhận thấy vấn đề giáo dục con cái trong gia đình là quan trọng. Hạnh phúc của cha mẹ khi trở về già, của con cái khi chúng lớn lên, sự cường thịnh của đất nước, sức mạnh của dân tộc phần lớn đều tùy thuộc vấn đề này. Vì vậy, nhà giáo dục gia đình không còn ai khác hơn là cha mẹ. Ngoài nhiệm vụ lo cho con cái về mặt thể chất, cha mẹ còn giúp cho con lớn lên về mặt tâm hồn. Vai trò đó được thể hiện rất rõ nhất là điều chỉnh hành vi



của các thành viên làm trái đạo lý con người, kiên trì thực hiện chuẩn mực “*quy mô gia đình ít con*” mà bước đi cụ thể từ cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, làm cho các thành viên trong gia đình đồng thuận nhằm bảo đảm sức khỏe, tiết kiệm được chi phí tiêu dùng, nuôi con cháu học hành đầy đủ, hưởng thụ văn hóa nghệ thuật góp phần xây dựng gia đình văn hóa, ấm no hạnh phúc, tốt đời đẹp đạo.

KẾT LUẬN

Theo nguyên lý sinh học, tuổi thọ của động vật có vú gấp 5,6 lần so với giai đoạn sinh trưởng của chúng. Nếu giai đoạn sinh trưởng của con người được tính từ thời điểm mọc chiếc răng sau cùng (từ 20-25 tuổi), thì tuổi thọ ngắn nhất phải là 100, dài nhất là 150, nên tuổi thọ bình quân được công nhận phải là 120. Trong suốt quá trình 120 năm đó, nếu chúng ta có thể giữ gìn sức khỏe, đạt tới tiêu chuẩn trước 70 tuổi không có bệnh tật, 80, 90 tuổi vẫn khỏe mạnh, thì sống tới 100 tuổi sẽ chẳng còn là ước mơ hão huyền, vì đó là qui luật sinh học bình thường. Như vậy, lẽ ra con người có thể sống tới 120 tuổi,

nhưng trên thực tế, con người đã mắc bệnh, tàn tật rồi tử vong trước thời gian đó.

Cuối cùng xin tổng kết vấn đề chăm sóc và phát huy vai trò của đấng sinh thành như sau:

1. Phải xem vấn đề giữ gìn sức khỏe là vấn đề trọng tâm ngay từ khi còn trẻ.

2. Nên dễ dãi một chút, nhìn thoáng một chút, xử sự nhẹ nhàng đối với chuyện nhỏ. Hãy sống rộng lượng, cao thượng vừa tốt cho người cũng vừa tốt cho mình.

3. Tìm niềm vui trong việc giúp đỡ người khác, biết trân trọng những gì mình có, tận hưởng niềm vui trong cuộc sống.

Tóm lại, bác sĩ tốt nhất là chính mình, liều thuốc tốt nhất là thời gian, tâm trí tốt nhất là yên lành, thể dục tốt nhất là đi bộ. Hãy quên đi quá khứ, không quá chú ý hiện tại, hưởng thụ hết ngày hôm nay, hướng vọng về ngày mai tươi đẹp.

Ngoài ra, yếu tố môi trường tự nhiên, môi trường văn hóa lành mạnh cũng không kém phần quan trọng. Bởi vì nó tác động trực tiếp đến cuộc sống đời thường của chúng ta.■

CHÙM TRUYỆN NGẮN NGẮN VỀ MẸ

■ MANG VIÊN LONG

MÁ GỌI

Tôi chỉ được sống bên mẹ vồn vện có tám năm. Ở tuổi này, tôi chỉ biết Mẹ qua tiếng gọi mà thôi. Bên trong tiếng “Mẹ” ấy, tôi không có chút suy cảm gì nữa.

Năm tôi lên bảy tuổi, bà đau nặng, nằm liệt giường. Bà bị bệnh lao phổi. Thời ấy – 1950, trong vùng kháng chiến, làm gì có được một viên thuốc kháng sinh? Bà nằm yên trong một gian nhà cách biệt ba anh em tôi - vì người ta sợ lây bệnh cho chúng tôi nữa!

Nằm một chỗ trong căn buồng tối, bệnh tình ngày càng nặng, không có chút hy vọng kéo dài thêm cuộc sống, nên bà thường nhờ người giúp việc gọi tôi đến bên bà. Bà chỉ nhìn tôi. Hỏi tôi đôi câu bâng quơ. Rồi bà nói: “Thôi, con đi chơi đi...”. Sau lời nói ấy, tôi hình như thấy được nét mặt vui tươi, rạng rỡ của bà!

Một hôm, đang mãi mê chơi vự – bà giúp việc đến kéo tay tôi:

- “Tý ơi! Tý... Má gọi kìa...”.

Dĩ nhiên là tôi thích chơi hơn là trở về. Cuộc thi chơi vự đang hấp dẫn tôi. Tôi chần chừ mãi, không chịu bỏ cuộc chơi.

Bà giúp việc phải quay lại gọi lần nữa, tôi mới chịu chia tay lũ bạn.

Tôi chạy một mạch về nhà, nhưng đứng ló thụt ở cửa buồng.

Bà nhận ra tôi – lên tiếng:

- Lại đây với má...

Tôi vẫn đứng yên. Bóng tối và hơi lạnh của căn buồng luôn đóng kín cửa sổ, làm tôi sờ sợ. Nghĩ đến dáng mẹ gầy khô, tóc rụng chỉ còn lưa thưa ngả bạc; tôi lại cảm thấy lo lo...

- Lại đây con! Tiếng bà lại vang lên.

Tôi bước nhẹ nhẹ, rụt rè.

- Con cũng sợ má sao?

Tôi giật mình: “Không, con đâu có sợ!” - Tôi đã nói dối lòng mình để bà yên tâm.

Hơn năm chục năm qua, tôi chỉ mong đợi một lần “Má gọi” mà không bao giờ có được! Mọi việc đều đi qua cuộc đời ta chỉ một lần...(1991)

CHIẾC ÁO DÀI CỦA MẸ

Cho đến khi học hết năm cuối của bậc Trung học Đệ nhất cấp, tôi chỉ còn giữ được một chiếc áo dài của Mẹ mà thôi.

Đó là chiếc áo dài bằng ni màu xanh đậm – còn mới; có lẽ là bà đã chỉ mặc đôi ba lần thời còn trẻ.

Tôi đã giữ kỹ trong rương khá lâu, coi đó là hình ảnh, là di vật quý báu còn lại của Mẹ bên đời mình!

Năm ấy, tôi đang cần một chiếc áo để mặc ngày Tết, nhưng không có tiền mua vải. Tôi đã mang chiếc áo dài đến năn nỉ bác thợ may trong xóm, sửa lại cho tôi chiếc áo sơ mi ngắn tay.

Và tôi đã mặc “chiếc áo đặc biệt” đó cho đến lúc chật ních – rồi đem cho một đứa cháu gọi bằng cậu.

Bây giờ, trong tay tôi không

có một kỷ vật gì của Mẹ. Một chiếc lược sừng trâu chẳng hạn. Hay một chiếc gương soi tròn nhỏ mà Mẹ vẫn thường dùng... Tôi không còn chút gì của Mẹ cả!

Tôi rất đổi ân hận, nhưng mọi việc đã lỡ như thế rồi. Đã hơn 50 năm trôi qua, tôi biết tìm lại ở đâu?

Bù lại, trong tâm trí tôi, trong tận cùng niềm suy cảm – chiếc áo dài bằng ni màu xanh thẫm và chiếc áo sơ mi thuở ấy, luôn an ủi tôi – rằng tôi đã được mặc chiếc áo dài cũ của Mẹ. Chiếc áo mà Mẹ tôi đã mặc thời xuân trẻ, đã thắm đượm hơi hướm và bàn tay Mẹ giặt giũ nâng niu...

Âm áp và hạnh phúc thay!

(1985)

GIÁC MƠ MÀU NHIỆM

Khoa học giải thích “giác mơ” là hoạt động ẩn tàng của tiềm thức – nó thường xuất hiện bất ngờ trong giấc ngủ, nhất là khi có sự kích thích thích hợp của đời sống hiện tại. Tuy vậy, giấc mơ còn phản ánh phần nào dòng chảy của tâm linh, của sự nhiệm mầu chưa có sự giải thích nào thỏa đáng.

Trong suốt thời gian hơn năm

mười năm sau ngày Mẹ tôi mất, tôi được ba lần nằm mơ thấy bà trong lúc tâm trí tôi hoàn toàn không hề nghĩ tới.

Năm tôi được 16 tuổi – nghĩa là khoảng 8 năm sau ngày bà mất – tôi bị bệnh sốt rét nằm liệt giường trong căn buồng tối. Không có một ai chăm sóc cho tôi cả, dầu tôi đang sống với người anh cả! Con sốt kéo dài, tôi mê man nằm bất động, không hay biết gì nữa. Trong một giấc mơ ngắn vào buổi trưa – tôi thấy Mẹ tôi về, cho tôi một trái cam tươi. Tôi sung sướng ăn hết quả cam bà cho, trong lúc bà nhìn tôi, mỉm cười hiền lành. Tôi hân hoan tột cùng. Bà đã ra khỏi giấc mơ thật chóng vánh. Tôi thức giấc. Mở to đôi mắt, nhưng căn buồng tối om. Tôi cảm thấy người tôi bỗng khỏe hẳn, nhẹ nhàng; đúng lúc cô y tá mang chiếc đèn dầu vào – chích cho tôi một mũi Quinine Max sau gần một tuần không có một viên thuốc. Tôi đã được khỏi bệnh hẳn sau đó hai ba hôm...

Lần thứ hai, năm tôi hai mươi tám tuổi: đang dạy học, tôi bị đẩy vào quân trường. Phải sống xa đời sống êm ả bên đám học trò; để sống gần với súng đạn, sự thù hằn, chết chóc – tôi vô

cùng bàng hoàng, không tìm ra lối thoát. Không biết ngày mai của đời mình sẽ ra sao? Một đêm nằm ngủ ở bãi tập trong cơn mưa rả rích từ chiều – tôi đã được thấy Mẹ tôi về. Bà nhìn tôi giây lâu – không nói năng gì, chỉ mỉm cười... Bà thoáng đến, rồi thoáng đi – nhưng đã để lại cho tôi nhiều nỗi an vui, và may mắn sau đó: tôi đã được trả lại với học trò, trường học - ngay sau ngày ra trường!

Lần thứ ba - giống như các đồng nghiệp có cùng cảnh ngộ, tôi lên đường học tập ở trại 53. Đời sống kham khổ. Lao động cật lực. Tương lai quả thật là mù mịt. Trong hoàn cảnh ngặt nghèo ấy, Mẹ tôi đã đến... Bà đứng bên một đầu võng, khẽ đưa võng cho tôi, đôi mắt nhìn tôi đầy thương cảm. Trông bà có vẻ buồn buồn! Tôi hân hoan gọi “Mẹ” - nhưng bà đã ra khỏi giấc mơ của tôi rồi! Chưa bao giờ tôi có được phút giây hạnh phúc tột cùng như thế. Chỉ thoáng qua thôi nhưng giấc mơ đã cho tôi niềm an lạc, những gặp gỡ hiền lành, để sớm được trở về với gia đình!

Ba lần Mẹ tôi đã đến với tôi, trong ba bước ngoặt quan trọng trong đời. Đường như bà luôn

dôi theo từng năm tháng của đời sống tôi, để có mặt kịp thời. Để an ủi. Để cứu vớt tôi. Cho tôi niềm tin yêu để tiếp tục đi hết quãng đời mình.

- Mẹ ơi! Mẹ thiêng liêng và mầu nhiệm lắm – tình thương yêu của Mẹ thật vô bờ! (1981)

TUỔI GIÀ NHỚ MẸ

Người bạn già đặt tách nước trà xuống bàn, nhìn tôi giây lâu, rồi nói: “Tôi nói thật lòng, chú đừng trách tôi nha?”

Anh cứ tự nhiên - xưa nay, tôi chẳng dám buồn trách ai...

Với giọng nói quả quyết - có lẽ ông ta đã có nhiều dịp suy nghĩ - Ông lại nhìn thẳng vào mặt tôi: “Đời người có hai cái bất hạnh lớn: Một là tuổi nhỏ bị mồ côi cha mẹ sớm; hai là tuổi già không còn người bạn đời bên cạnh!”

Ông tiếp:

- Tôi đã “lãnh” một cái - cha mẹ mất sớm - nhưng “được” một cái là đến tuổi 80 - vợ chồng còn bên nhau hôm sớm an ủi, giúp đỡ... Người xưa có nói “trẻ cậy cha/ già cậy con” - nhưng bây giờ thì... hình như chẳng còn được như xưa nữa rồi!

Tôi cười: “Anh còn được một - Còn tôi thì ‘lãnh đủ’ cả hai!”

Đó, chính vì lẽ đó nên tôi sợ chú trách tôi...

Nói thật điều bất hạnh của ai trước mặt họ quả là nên dè dặt thật - nhưng với riêng tôi - tôi biết rõ duyên nghiệp của mình từ rất lâu rồi - trước sau gì - đời người làm sao tránh khỏi hai cái bất hạnh lớn ấy?

Sau một ngụm trà - một phút yên lặng - tôi hỏi: “Anh có thường nghĩ nhớ về cha mẹ mình không?” - “Tuổi càng cao, tôi nhớ đến cha mẹ càng nhiều! Có lẽ, đó là nguồn an ủi duy nhất còn lại cho đời người sau bao nhớ nhung khác đã trôi qua?”

Tôi nhìn anh: “Khi nhớ Mẹ - anh thường làm gì?”

- Tôi khóc - anh đáp gọn.

Anh hỏi tôi: “Còn chú làm gì?”

- Tôi ân hận - tôi đáp, tôi không khóc được như anh - tôi luôn ân hận vì đã chưa làm được một điều gì nhỏ nhoi để báo đền ơn nghĩa sinh thành cho cha mẹ tôi cả!

Ông gật gù: “Đời người – đúng là chớ nên để một sự ân hận nào nằm sâu trong tâm hồn mình - bởi vì chính đó mới là điều bất hạnh khủng khiếp nhất!” (2003)■



Nhân số trên trái đất là bao nhiêu tỷ tỷ người, tôi không theo dõi thống kê nên không biết. Nhưng theo tinh thần thi ca từ ngàn xưa đến nay thì nhân loại phải nhiều lắm. Loài người lại sợ sống cô đơn nên mỗi người tự coi mình như chỉ là nửa mảnh (mảnh gì, tùy quan niệm), luôn miệt mài đi tìm nửa mảnh kia để chia sẻ vui buồn suốt quãng đường đời dang dặc. Làm sao trong hàng tỷ tỷ mảnh rời, có thể tìm đúng nửa mảnh kia của mình mới có thể Hai trở thành Một? Chẳng dễ đâu! Nên hợp rồi tan là một thực thể của kiếp nhân sinh.

*“... Thiên hạ mang mang ai người tri kỷ
Về đây cùng ta cạn một hồ trường...”*

Chàng thi sỹ lê gót tìm bạn chắc đã tả tôi tuyệt vọng mới đến với men rượu giải khuây, nhưng có biết đâu chính những cơn say lại là tấm gương soi tỏ nhất nỗi cô đơn cùng cực. Cạn ly đầy, lại rót đầy ly cạn mà thiên hạ mang mang, biết ai tri kỷ?

*“... Hồ trường! Hồ trường! Ta biết rót về đâu?
Rót về Đông phương,
Nước biển Đông chảy xiết sinh cuồng loạn.
Rót về Tây phương,
Mưa phương Tây từng trận chứa chan.
Rót về Bắc phương,
Ngon Bắc phong vì vút cát chạy đá giương.
Rót về Nam phương,
Trời Nam ngàn dặm thăm,
Có người quá chén như điên cuồng...”*

Tác giả bài thơ này từng được giới văn nghệ sỹ và người thưởng ngoạn đương thời, cùng hậu thế coi là “*Thi sỹ của một bài thơ*”; nghĩa là một người làm thơ rất nổi tiếng chỉ ở một bài thơ.

Không biết danh xưng này đúng hay sai. Riêng cá nhân tôi, tôi không biết đến bài thơ thứ hai nào của Nguyễn Bá Trạc, ngoài bài Hồ Trường này. Khác với Lý Bạch, say khướt rồi bước ra khỏi thuyền, tưởng bóng trăng là người tri kỷ nên đã ôm trăng mà chìm sâu đáy nước; Nguyễn Bá Trạc có vẻ tỉnh táo hơn, kiên nhẫn hơn khi thành khẩn nâng ly mời khắp bốn phương, nhưng cuối cùng thì hai thi nhân cũng phải trực diện cùng một nỗi cô đơn sâu thẳm của kiếp nhân sinh mà thua cuộc:

“... *Nào ai tỉnh? Nào ai say?*
Chỉ ta ta biết, lòng ta ta hay
Nam nhi sự nghiệp ư hồ thi
Hà tất cùng sầu đối cỏ cây!”

Nửa mảnh này không tìm được đúng nửa mảnh kia nên đành chịu cô đơn thì cũng tạm hiểu được. Nhưng sao lại có cảnh hai mảnh rời của nhau, tìm được nhau rồi mà lại ly tan? như một thi sỹ nào đó than rằng:

“*Người đi, một nửa hồn tôi mất,*
Một nửa hồn tôi bỗng đại khờ!”

Trời ơi, trong thiên hạ mang mang, hai nửa hồn tìm được nhau thì phải trở thành một linh hồn bất diệt chứ, sao nửa hồn kia lại đi, để nửa hồn này đại khờ? Mà nửa hồn kia đi đâu? Đã là nửa mảnh của hồn này rồi, bỏ đi để tìm nửa mảnh của hồn khác à!?

Có lẽ rắc rối ở đây là nhân thể cứ chập chờn quần quanh những bước mộng du trong suốt giấc mộng dài trăm năm khi đi tìm tri kỷ.

Bước chân không thật nên lạc bước.

Tầm lòng không thật nên lạc nhau.

Có tìm lại chốn xưa thì thêm cũ đã rêu xanh nhòa vết!

Lại một thi sỹ tan nát tâm can thế này:

“*Nhắm mắt, cho tôi tìm một thoáng hương xưa,*
Cho tôi về đường cũ nên thơ,
Cho tôi gặp người xưa ước mơ.”

*Nhưng chỉ là giấc mơ thôi,
Nghe tình đang chết trong tôi,
Cho lòng tiếc nuối xót thương suốt đời!
Nhắm mắt, ôi sao nửa hồn bỗng thương đau,
Ôi sao ngàn trùng mãi xa nhau,
Hay ta còn hẹn nhau kiếp nào?... ”*

Đây là những tiếng khóc ân hận của nhà thơ Thanh Tâm Tuyền đã được người viết nhạc Phạm Đình Chương chấp đôi cánh âm thanh cho tiếng khóc này bay bổng suốt nhiều thập niên qua, bay từ thành thị tới thôn quê, bay suốt quê hương, bay sang xứ lạ.

Những cuộc hành trình đi tìm tri kỷ quả là gian nan và thường nghen ngào tiếng khóc hơn là rộn rã tiếng cười, bởi ta dễ bị ảo tưởng lắm! Có mấy ai đã thực sự tự tin ở nửa mảnh hồn ngỡ là tìm được, khi tự thân mỗi tâm hồn đã là một ốc đảo cô đơn.

Có khoảng thời gian tôi yêu hoa tới mức xoay sở để làm chủ một tiệm hoa. Ở môi trường này, tôi được thường xuyên thấy những tấm lòng mẫn ái hướng về nhau. Một bông hồng để thay lời xin lỗi, một giỏ lan chúc tụng niềm vui, và ngay cả những vòng hoa tang chia buồn cũng là tình người đẹp đẽ. Có lần, một cô gái trẻ bước vào khi tôi sắp đóng cửa tiệm. Cô mừng rỡ:

- May quá, em đến trễ chút nữa là hỏng rồi!

- Em cần gì?

- Dạ, cô cắm cho em hai lọ hoa hồng giống nhau và chọn cho em hai tấm thiệp cũng giống nhau.

Tôi hơi lạ, nhưng cũng làm theo khách đặt hàng. Tôi cắm hoa, cô lui cui, nắn nót viết. Hoa cắm xong, cô nghiêng đầu ngắm nghía, khen đẹp, rồi gơ hai tấm thiệp, vừa khoe tôi, vừa đọc: “*Ngày Mẹ có Con. Ngày Con có Mẹ*”. Cô giải thích thêm:

- Hôm nay là sinh nhật em, nhưng cũng là ngày vui lớn của Mẹ vì ngày này Mẹ đã có em.

Cô gấn hai tấm thiệp vào hai lọ hoa, trả tiền xong, vui vẻ quay đi. Còn tôi, đứng lặng đến quên cả việc khóa cửa! Tôi đứng sau quầy, giữa đồng hoa lá cắt tỉa còn ngổn ngang. Tôi nghĩ đến “*Ngày Mẹ có Tôi. Ngày Tôi có Mẹ*”. Trời ơi, thật là đơn giản. Ngày sinh nhật của

mỗi đứa con phải là ngày sinh nhật của mỗi bà mẹ vì ngày đó con chào đời bằng Hình Hài, Mẹ chào đời bằng Hạnh Phúc. Mỗi đứa con ra đời, mẹ có một giấy khai sinh mang tên Hạnh Phúc. Hình hài của con và hạnh phúc của mẹ trộn lẫn nhau, Hai là Một, không gì tách rời được vì chẳng phải Mẹ Con chỉ quện chặt Tình Yêu vô hình mà hữu hình thì, trong tế bào con có tế bào mẹ, trong xương da con có xương da mẹ, trong huyết quản con có huyết quản mẹ. Con hòa lẫn mẹ suốt chín tháng mười ngày, làm sao con chẳng là chính mẹ?

Ấy thế mà, trong hơn nửa đời người, phút tình cờ nhất, một cô gái trẻ đã cho tôi cái nhìn hoàn toàn mới mẻ về Ngày Sinh Nhật như thế. Tôi dám chắc, chẳng riêng gì mình mà thiên hạ mang mang ngoài kia, những bữa tiệc sinh nhật cứ nối tiếp nhau, nhưng mấy ai nghĩ rằng, đó cũng là Ngày Sinh Nhật Của Mẹ. Có thể, những người mẹ cũng được mời đến dự, nhưng vẫn chỉ là người dự, là khách chứ không phải là Ngày Chúng Ta Có Nhau, không phải là chung-sinh, là co-arising, là nương vào nhau mà có mặt.

Mẹ và Con không thể chối bỏ nhau, không tìm ai thay thế nhau được, kể cả sự chết. Dù mẹ đã khuất núi, nhưng trong hình hài con vẫn có máu huyết mẹ luân lưu, nên, ở một nghĩa nào của Tri Kỷ, mẹ và con là những nửa mảnh linh hồn thủy chung nhất, thủy chung hơn tất cả những lời thề non hẹn biển, vàng đá trăm năm, mà chỉ một cơn gió u mê thoáng qua cũng đủ cuốn bay mất tích!

Tội nghiệp thi sỹ Vũ Hoàng Chương, tác giả hai câu thơ đầy đau thương, được chép lại nhiều nhất trên những trang lưu bút ngày xanh, lại thường bị thực tế phũ phàng đọc khác đi. Câu thơ nguyên thủy thế này:

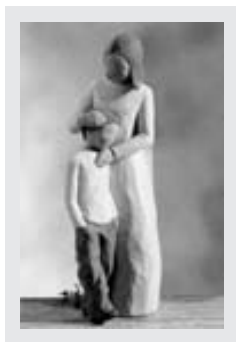
*“Em ơi, lửa tắt bình khô rượu,
Đời vắng em rồi, say với ai!”*

Thực tế, nhân thế lại rất mau quên nên câu thơ tuyệt đẹp trên thường được đọc lại một cách cay đắng và không thơ chút nào là:

*“Em ơi, lửa tắt bình khô rượu,
Đời vắng em rồi, say với... người khác!!!”*

Cám ơn Mẹ, Ngày Chúng Ta Có Nhau.■

Mẹ là Bồ-tát của con



■ VÔ LƯU THỦY

Mẹ là một vị Bồ-tát luôn tồn tại không những trong cuộc sống hiện tại của con, mà còn là trong những giấc mơ đẹp trong suốt quãng đời hiện hữu của con nữa. Mẹ chính là một vị Bồ-tát với tấm lòng thương yêu trải dài bất tận, với nụ cười vô cùng thánh thiện đã dìu dắt con trong suốt kiếp người: “Mẹ là Bồ-tát hóa thân cho con niềm vui và hạnh phúc.”

Từ thuở con mới cất tiếng khóc chào đời cũng chính là lúc mẹ bắt đầu ươm những hạt giống tình thương cho con. Lúc còn thơ ấu, còn chập chững từng bước đi, con chưa nhận thức được tình thương là gì? Lúc ấy, Mẹ hóa thân là vị Bồ-tát dạy con tình thương bằng cách biết chia sẻ cho các bạn những gì mình đang có, không được nuôi dưỡng tâm ích kỷ, hẹp hòi. Sau này lớn lên, con mới cảm nhận được đó là những sợi dây nối kết tình người. Mẹ đã vì con, vì cuộc sống hạnh phúc trong tương lai gieo mầm cho con những hạt giống tình thương từ thuở ấy. Bởi hạnh phúc có được hôm nay phải luôn gắn liền trong từng sát na sinh diệt, phải được đắp xây trên nền tảng của thương yêu đầy trí tuệ.

Trải qua cuộc sống với bao nhiêu khó khăn khổ nhọc, với bao nhiêu biến chuyển của cuộc đời, mẹ là Bồ-tát vẫn luôn dạy và cho con chân tình trong cuộc sống, phải sống thật và chân thành, phải biết thương yêu và giúp đỡ. Chân tình này của mẹ, của Bồ-tát đã chấp cánh cho con vút bay trên bầu trời bao la rộng lớn:

*Mẹ tôi đó dù gian nan túng thiếu,
Vẫn nụ cười tươi như nhánh hoàng lan,
Trái tim người tàng trữ một kho tàng
Đầy thương mến hy sinh và độ lượng.*

(Sưu tầm)

Dầu thế nhân có làm cho mẹ khổ, làm cho mẹ thất vọng hay e chề, nhưng khi đối diện với con, mẹ cố nuốt vào những cay đắng ấy, khi đối diện với con, mẹ vẫn hết mực thương yêu và chiều chuộng:

*Tấm lòng mẹ, hơn đất trời lồng lộng
Che chở cho con trước mọi sóng gió cuộc đời.*

(Mặc Giang)

Rồi theo năm tháng, con khôn lớn. Con nhận ra được lẽ huyền hóa của cuộc đời, cuộc sống thế gian chỉ là tạm bợ, con muốn chọn cho mình một hướng đi thánh thiện, mẹ chính là Bồ-tát hóa thân đã giúp cho con chọn hướng đi đúng đắn. Dầu rằng trong lòng mẹ âm thầm giấu kín nỗi đau khi phải xa con, nhưng vì hạnh nguyện Bồ-tát là chấp nhận thiệt thòi, chấp nhận hi sinh nên mẹ của con nhận lời hoan hỷ cho con xuất gia, dầu cho chịu sự cô đơn thiếu bóng con qua bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông.

*Tình thương của mẹ triền miên
Cho con khôn lớn căn duyên tròn đầy.*

(Sưu tầm)

Cảm ơn mẹ, cảm ơn Bồ-tát của con đã cho con một niềm tin và sức sống mãnh liệt vào Tam bảo.

*Đêm đêm khấn nguyện Phật trời
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.*

(sưu tầm) ■

Ước mơ về Mẹ

Tháng năm dài con xa cách mẹ yêu
Nên không biết gió thổi lạnh buổi chiều
Thấm hồn con bằng đăm chiêu hơi ấm
Từng phút tâm con thấy hình mẹ đậm
Che chở con qua khổ nạn mê lầm
Ơn dưỡng dục Mẹ ơi! con chưa thấm
Công sinh thành nhìn thấy tự biển khơi
Tình của mẹ sao mà bao la thế?
Ôm lòng con như mây phủ kín trời.
Gốc tùng xưa ngơ ngát đứng chơi vơi
Trước bão tố đường đời con đi tới
Những đêm dài mơ ước khắp nơi nơi
Bốn phương trời con biết đâu tìm mẹ?
Ở non cao hay ở tận cơn sâu?
Đi tìm mãi biết khi nào gặp mẹ?
Sưởi ấm lòng lạnh giá suốt đêm thâu
Vu lan đến nỗi lòng con nung nấu
Lạnh mùa thu lạnh tím cả nương dâu.
Tình thấm thiết Mẹ ơi! Con đã biết
Giờ còn đâu người mẹ phút ban đầu
Trong lối cũ con ngậm ngùi thương nhớ!
Sóng cù lao vang vọng nẻo mong chờ.

• NÈO XA



■ ĐỒNG ANH

N IỆM ÂN CHA MẸ

Dù chỉ là một cơn mưa, mưa thật mỏng vào một chiều cuối hạ, phát nhẹ qua khung cửa sổ của hiên phòng, như những giọt sương sớm vương mình trên những chiếc lá non eò uột, nhưng cũng đã đủ xua tan đi sự ngột ngạt của những ngày dài nóng rít, và dường như ai ai cũng thở ra nhẹ nhõm!

Mọi vật trở nên xanh tươi, rạng rỡ... Hàng cây phờ phạc bên kia trường, hôm qua tưởng chừng không gượng nổi, mà hôm nay vươn mình đứng dậy, cười nói xôn xao với gió chiều lồng lộng!

Ôi, sự sống thật mâu nhiệm biết bao khi muôn vật giao thoa chan

hòa kỳ diệu! Phải chăng tất cả đã, đang sống nương tựa vào nhau và sẽ niệm ân nhau mãi mãi. Đó là niềm hưng phấn, là nguồn sống, là sự khích lệ lớn lao của nhân sinh, vũ trụ, vạn hữu.

Muôn vật luôn vậy và kiếp người cũng thế. Sự tồn tại, thịnh suy, được mất, khóc cười... của chúng ta, của muôn loài, muôn sự, muôn vật trong cuộc đời này luôn nương tựa vào nhau. Nhưng rồi có những lúc chỉ vì sự đổi thay chuyển biến, ta tưởng chừng mất đi tất cả niềm tin đối với nhau. Ta cảm thấy lẻ loi, cô đơn cùng cực trong những nỗi đau thâm lặng, hay vật vã kêu thương, oán trách



nhau, để rồi hành hạ lẫn nhau không cùng tận! Những lúc ấy ta cần nhớ nghĩ đến nhau thật nhiều, để mà thương yêu nhau, niệm ân nhau...

Và rồi nắng lên, trời xanh, mây trắng, gió thanh, chim hót líu lo như chào đón bình minh đang hiện hữu.

Ôi ban mai tinh khôi làm sao ấy! Những giọt sương lấp lánh trên đám cỏ non xanh ngát. Bức tranh thiên nhiên đẹp vô ngần. Sự sống sinh động hài hòa quanh ta, làm cho ta cũng mỉm cười, hòa nhịp, và nghe trong lắng lạ thường... Ta lại niệm ân nhau với tất cả lòng biết ơn sâu sắc! Ta niệm ân Tam bảo, ân Trời - Đất, ân Tổ quốc, ân Ông Bà, Cha Mẹ, những bậc Thầy tâm linh chọn chánh, niệm ân Thầy bạn, ân người thân kẻ oán, và niệm ân với tất cả muôn loài trong quá khứ, hiện tại và vị lai... Chắc hẳn, không phải ai cũng tán đồng với ta một cách dễ dàng như thế. Ta niệm ân Tam bảo vì chính Ba ngôi báu này đã khai mở tâm trí cho ta để ta biết đâu lành đâu dữ, đâu chánh đâu tà... để trở nên người nhân hậu và hữu dụng đối với tự thân, gia đình, xã hội và tổ quốc. Ta niệm ân nhân loại trên trái đất này đã chở che, đùm bọc cho ta từ khi ta được thai nghén

cho đến khi chào đời.

Và ta niệm ân cha mẹ đã nuôi ta khôn lớn bằng tình thương vô bờ bến, như ca dao đã ví:

“Công Cha như núi Thái sơn

Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra.”

Và trong tiết trời tháng bảy này, tôi xin kể ra đây một vài kỉ niệm nhỏ của tôi, như một sự niệm ân đối với cha mẹ của mình khi mùa Vu lan Báo hiếu trở về.

Có một lần, tôi bị một mụn nhọt thật lớn ở trên bàn chân phải. Mụn sưng đỏ ối. Mẹ tôi xít xoa ôm tôi vào lòng và an ủi khi tôi đau nhức rên la. Cha tôi đứng ngồi không yên. Ông tìm đủ loại thuốc lá cây và hạt liên tử, rồi nhai và đắp lên để làm mưng mủ.

Nhưng ngày qua ngày mà cái mụn nhọt quái ác kia vẫn không biến mất. Thế rồi tết đến, vì náo nức mà tôi quên đi cái mụn nhọt. Khi cha mẹ tôi chăm chút nồi bánh tết với ánh lửa bập bùng thì chúng tôi chỉ quần quýt mãi với quần áo mới, và đôi lúc cãi cọ nhau về những món đồ chơi!

Nhưng rồi đến sáng mùng một, khi các anh em chúng tôi ai cũng đi thăm bà con, cô bác để được chúc lành và được lì xì, thì tôi không thể bước được nửa bước. Tôi cố nén mà nước mắt cứ tuôn

dài. Cuối cùng đưa em trai kế tôi (Quyên) đã “phát tâm Bồ-tát” tình nguyện cống tôi đến thăm nhà Bác. Và trưa hôm ấy, cha tôi thương quá nên đã quyết định hút mủ cho cái chân của tôi.

Tôi vẫn còn nhớ khá rõ là cha đã dùng miệng của mình để hút hết mủ nơi cái mụn nhọt ấy. Còn mẹ ôm tôi để tôi bớt hoảng sợ. Mẹ bảo, “Có mẹ ngồi bên con đây, không sao cả.” Tôi thấy đau, nhưng chỉ trong phút chốc là có thể vui cười lú lo, và chỉ biết nói “Con cảm ơn cha. Con cảm ơn mẹ”, rồi cả nhấc chạy ra sân ngay. Ở đó, anh em chúng tôi đang chờ dẫn tôi đi chơi tết và ăn bánh mứt. Tôi quên cả, miệng cha ngậm đầy máu mủ tanh hôi mà không hề ái ngại, chỉ thấy tôi hết khô, được vui là bớt đi phiền muộn.

Ôi “Tình cha ấm áp như vàng Thái dương”.

Sau này, tôi đọc được câu chuyện về vua A-xà-thế, tôi không cảm được nước mắt khi câu chuyện quá thương tâm. A-xà-thế đã giam cha mình vào ngục tối, bỏ đói cho đến chết. Khi cha ông gần chết thì ông nghe mẹ mình (Hoàng hậu Vi-đề-hi) kể lại: khi còn nhỏ, ngón tay A-xà-thế mọc mụn nhọt, thường đau nhứt và khóc la. Để con bớt đau, vua Tần-bà-sa-la nhiều lần

ngậm mụn nhọt trong miệng, và rồi khi mụn nhọt vỡ, ông đã hút cả máu mủ vào trong. Nghe xong, A-xà-thế ân hận, gào khóc, chạy vào ngục để cứu cha, nhưng đã quá muộn! Câu chuyện ở đây đầy nước mắt và thương tâm. Người cha hết mực thương con, đã hy sinh tất cả vì con; ngược lại, người con lại nhẫn tâm bất hiếu đối với cha mẹ của mình.

Hai câu chuyện này nói lên ân cha nghĩa mẹ không bờ bến. Dù hai người cha khác thời đại, khác chủng tộc, quốc gia, nhưng tình thương và đức hy sinh đối với con cái không khác biệt. Như nước ở đại dương, chỗ nào cũng thuần một vị mặn; và máu, máu nào cũng đỏ như nhau. Hẳn trong chúng ta ai cũng ngậm ngùi về hai câu chuyện tình cha ở trên. Và tôi thương khóc cho cả vua Tần-bà-sa-la và thái tử A-xà-thế. Điều đã khiến chúng ta suy niệm thật nhiều.

Về tình thương của mẹ tôi cũng không sao kể xiết. Tôi chỉ kể ra một vài kỉ niệm nhỏ. Tôi nhớ có lần về thăm nhà, rồi tôi bị ốm nặng, sốt rất cao, tưởng chừng không qua khỏi. Lần ấy ở tại Cam Ranh. Sau khi thoát chết tôi phải nằm bệnh gần hơn một tuần, chỉ uống toàn nước cháo mặn và phải ướp đá khắp người. Cha mẹ tôi

quay quắt như đứt từng khúc ruột khi thấy tôi xanh xao vàng vổ và không ăn uống được gì.

Ban đêm tôi nằm thoi thóp, không chợp mắt ngủ được. Mẹ tôi thức thâu đêm với tôi. Còn cha tôi vì bệnh vừa mới dứt nên mẹ tôi không để cha tôi trực đêm. Thế rồi một đêm, mẹ tôi vì kiệt sức nên ngủ thiếp đi. Tôi thấy thương mẹ và khóc nức lên. Mẹ tôi choàng tỉnh, hốt hoảng lo sợ, ôm chầm lấy tôi, vỗ về, tưởng rằng tôi có mệnh hệ gì, “Mẹ đây, mẹ đây mà. Con thấy trong người thế nào?” Mẹ tôi thẳng thốt gọi cha tôi, làm cả nhà lo lắng không yên. Và thế là từ lúc ấy cho đến ngày tôi bình phục, mẹ luôn sát cạnh bên tôi.

Ôi, “Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình...”

Một lần khác tôi về thăm quê. Sáng sớm hôm ấy, mẹ tôi dậy thật sớm để lo mọi việc trong ngày. Trời mưa tầm tã, mưa ở miền Trung. Nơi gia đình tôi ở là Quảng Ngãi. Mưa như trút nước, không ngớt. Mẹ tôi sợ trễ nải mọi việc nếu phải đợi cho tạnh mưa. Vò nước nằm ở sân sau nhà, mẹ tôi muốn lấy nước để vo gạo. Tôi bèn nói: “Mẹ ạ, để con mang vào cho mẹ”. Mẹ tôi từ chối: “Không, không... Con muốn thì lên nhà trên lấy nón lá và áo mưa xuống cho mẹ”. Tôi dạ và đi

ngay. Nhưng vừa xuống tới nơi thì mẹ tôi đã ướt sũng cả người. Ỉ ạch bên lu nước với đôi tay gầy guộc. Tôi thẳng thốt và xúc động dâng trào. Tôi trách mẹ: “Mẹ ơi, sao mẹ lại làm thế?” Mẹ tôi ngọt ngào bảo: “Vì mẹ sợ con sẽ bị ướt và nhiễm lạnh.” Thì ra mẹ nghĩ đến tôi mà quên cả chính mình.

Đó là một vài kỉ niệm nhỏ mà tôi kể ra như là một sự niệm ân về Cha Mẹ của mình, để nhắc nhở tôi làm con phải luôn nhớ đến bổn phận đối với ân đức dưỡng dục của hai đấng sinh thành. Trong kinh Phật từng khuyên chúng ta hãy phụng dưỡng cha mẹ. Đừng làm đau lòng mẹ và tủi hổ cho cha. Đó gọi là phần nào đền đáp thâm ân trong muôn một của cha mẹ.

Hôm nay, mùa Vu lan trở về, những hình ảnh năm xưa lại hiện khởi trong tâm trí một cách rõ nét. Tôi biết khó có thể diễn tả được tất cả những hình ảnh ấy bằng ngữ ngôn cuộc đời, cũng không thể nói lên được công ơn của Mẹ Cha bằng những dòng chữ hạn hữu này. Công ơn cha mẹ nói làm sao cho hết được! Đây chỉ là những dòng đơn sơ, như một đoá hoa hồng tri ân nhỏ bé mà người con phương xa muốn dâng lên hai đấng sinh thành trong mùa Báo hiếu.■



Mây bỏ trời đi

■ HUỆ LƯU

*...Những lứa đôi gặp gỡ
Để ngày mai
ra đời*

Những đứa trẻ mở cõi.

Lại đến Vu Lan nữa rồi, mượn tạm những câu thơ trên của thi hào Bertolt Brecht, để minh họa cho câu chuyện mà tôi sắp kể ra đây. Thiên thần đã đi mất, để lại một linh hồn nhỏ, ấy mồ côi.

Trở lại câu chuyện

Đó là mùa hè năm 1994, hè của năm tôi vừa học xong chương trình tiểu học và sắp bước vào lớp 6 ở bậc trung học cơ sở, Sư phụ [sau đây sẽ gọi là thầy] có mua một cuốn tập học sinh dày cỡ 100 trang, rồi thầy ghi những câu ca dao, danh ngôn, những

bài kệ, những bài học làm người, những bài thơ ngắn... thầy đưa và dạy tôi học thuộc lòng.

Thời gian nhạt nhòa, giờ ngồi nhớ lại thì không nhớ hết lời được, chỉ truy được trong óc những câu như: “Sanh sanh nhược năng bất thối, Phật giai quyết định khả kỳ”... “Họa hổ họa bì nan họa cốt, tri nhân tri diện bất tri tâm”... thầy ghi âm Hán-Việt rồi bên dưới giải nghĩa rõ ràng, lúc đó tôi hiểu cũng mảy may thôi, nhưng việc học thuộc lòng thì không khó khăn lắm.

Trong số những câu thầy ghi, đến giờ tôi vẫn nhớ như in là một bài thơ, mà mãi về sau nữa, sẽ chẳng bao giờ tôi quên được.

*“Năm xưa tôi còn nhỏ
Mẹ tôi đã qua đời
Lần đầu tiên tôi hiểu
Thân phận kẻ mồ côi
Quanh tôi ai cũng khóc
Im lặng tôi sầu thôi
Để dòng nước mắt chảy
Là bớt khổ đi rồi*

...

*Kìa nhà ai bên cạnh
Mẹ con vỗ về nhau
Tìm mẹ tôi không thấy
Lúc buồn biết trốn đâu
Hoàng hôn phủ trên mộ
Chuông chùa nhẹ rơi rơi
Tôi biết tôi mất mẹ
Là mất cả bầu trời.”*

Những câu thơ ấy như tiếng mẹ vỗ về, êm như một dòng sông xa nguồn, đã nhẹ trôi vào trong tôi, có lẽ dòng sông ấy sẽ “buồn với tôi”?

*“Con sông nào đã xa nguồn,
Thì con sông ấy sẽ buồn với tôi.”* (Hoài Khanh)

Lúc đó, tôi chỉ học bài thơ ‘mất mẹ’ như những bài khác, không chút ưu tư, cũng chẳng bao giờ nghĩ lại, vì sao thầy lại cho tôi học một bài thơ có mùi “biệt ly” sớm quá vậy.

Hay chẳng, thầy muốn tôi sớm ý thức điều này, hay vì thân phận của người con trong bài

thơ thật đáng thương, đáng học, như những cọng cỏ non còn xanh mơn, thân còn yếu mềm, khi nắng mai chưa kịp đến thì đã vội phủ màu hoàng hôn mất rồi.

Sau này, tôi mới hiểu lý do. Đó là vì, tôi khác với người con trong bài thơ trên, tôi bất hạnh hơn người đó, người đó biết nhưng im lặng để dòng nước mắt chảy, còn tôi, quanh tôi ai cũng khóc chỉ mình tôi thì cười, tiếng cười giòn tan như những giọt nắng manh, không buồn, không khóc, vì không... biết, mãi hơn tháng sau tôi mới biết thì đã quá muộn rồi.

Khi vừa về đến sân nhà, tôi hỏi: má đâu rồi ba? má khỏe không ba? trời lúc đó đã nhá nhem tối, liếc mắt quanh một vòng, tôi thấy có cái bàn thờ với bóng đèn màu đỏ au, linh tính chuyện chẳng lành, và rồi đúng là không lành thật, tôi lại gần hơn và thấy hình má trên bàn thờ, không thể tin vào mắt mình, má của con sao lại thế này? Bầu trời như biến mất, tôi gào khóc suốt đêm đó. Có khi, một sự thật bất hạnh lại trở thành một điều bí mật, chỉ ít, với tôi là vậy.

Đó là lần đầu tiên tôi khóc cho lần đầu tiên tôi biết mình đã

trở thành kẻ mồ côi, năm ấy tôi 12 tuổi.

Như một định nghiệp, tôi sinh ra không phải để sống với gia đình mình, vì từ năm lớp 1 đã vào ở với nội, sau đó thì về ở với ngoại, sau đó nữa thì đi xa nhà... nên chỉ còn lại những ký ức vụn về má thôi, dáng người thon, cao, sóng mũi cao và da ngăm đen, nụ cười rất hiền, rất yêu chồng và thương các con, là người con có hiếu với cả ngoại và nội, má là dâu trưởng nên được phía nội thương lắm, ông nội hay nói: *“nồi đồng thì mát mà nồi đất thì còn”*.

Ngày dẫn tôi đi xa, về nhà đêm nào má cũng khóc thút thít, con vật khi xa con nó cũng buồn, nhưng xiu rồi quên thôi, người thì khác: *“I’ll remember you in spite of such a long distance”*, má khóc vì xa con, khóc vì nhớ thương con, cứ nghĩ đến cảnh con còn nhỏ mà phải tự lo tắm, rồi tự giặt đồ... là má không kiềm mình được, tôi biết những điều này qua những lá thư mà má gửi cho bà ngoại di, tình mẹ thương con là như vậy đó, nhưng má phải hy sinh tình cảm, cho con đi xa để được đi trên một con đường mà má tin là sẽ tốt hơn cho con sau

này, và má đã quyết định đứng rồi má ơi!

Má, con đã khóc khi viết những dòng này, nhưng đây là tâm sự của con gửi đến má, nếu như con lúc đó yếu mềm thì con đã không là con như ngày hôm nay rồi phải không má? Đã mười mấy năm rồi con không còn được cất tiếng gọi ‘má ơi’ và suốt cuộc đời của con sẽ mãi là như vậy.

Má đã “nửa chừng xuân thoát gãy cành thiên hương”, như: “as scattered falling leaves go back to their birth place” (chiếc lá lìa cành để trở lại cội đầu tiên), bỏ mây trời, bỏ dòng sông xanh, bỏ chồng, bỏ con mà đi, mười mấy năm trôi, để lại một gánh nợ ngổn ngang cho ba, một mình ba gánh vác 4 đứa con còn thơ dại.

“Khi tôi lớn lên

Mẹ tôi thanh xuân khoa hen

*Cha lo âu nhớ mãi không ai
bên mình*

Ôi buồn thay

Ôi đau cắt khi mẹ tôi lìa xa

*Nước mắt lã trong tim đau
trăm lần hồi.”*

(Người cha kính yêu,

Xuân Khôi)

Ba là người đàn ông góa vợ, nhưng vẫn ở vậy, không đi bước nữa để dành trọn tình yêu thương

cho các con, một mình thay má đảm trách việc nuôi các con ăn học nên người.

Một người đàn ông non 44 tuổi, còn hào hoa phong độ, vợ mất bỏ lại đàn con nheo nhóc, ba yêu thương các con sâu rộng, trên hết là sự thủy chung một lòng với má, cho đến bây giờ, mỗi khi đi đâu xa ba cũng mang theo chiếc áo mà ngày còn sống má mặc, tôi đã tình cờ biết được điều này.

Ba hay nói đùa, nếu như Việt Nam có danh hiệu người cha Việt Nam anh hùng thì ba xứng đáng được nhận danh hiệu đó, nhưng với các con ba đã là người anh hùng rồi.

“Bất cứ ai cũng có thể là một người cha, nhưng chỉ những người đàn ông thực sự mới là người cha tốt”. (vô danh)

Đúng vậy, chỉ có những người đàn ông thật sự mới là người cha tốt, tôi lấy làm tự hào về cha mình vì ba tôi là một người đàn ông thật sự.

*“từ khi mẹ phiêu diêu ngoài cõi xa
bỗng sớm mai cha im nhìn tôi rất lạ
cánh chim bàng con
gắn lên vai và bão dông*

cha giờ đây hài lòng”. (Xuân Khôi)

Đã mấy mùa Vu lan trôi là mấy mùa mây bỏ trời đi, là mấy mùa con nhớ má, thương ba, nhớ và thương là sợi dây kết nối ân với tình để dệt nên chất liệu cho sự sống, *“Giương treo đất nghĩa trời kinh, ở sao cho xứng chút tình làm con”.*

*“những con cừu đang gặm cỏ,
những chùm hoa đang xuân sắc,
những lùm cây đứng một mình,
trên đồi xanh
nắng mai rọi qua
oi thung lũng ủa vàng.”*

(Huệ Lưu)■

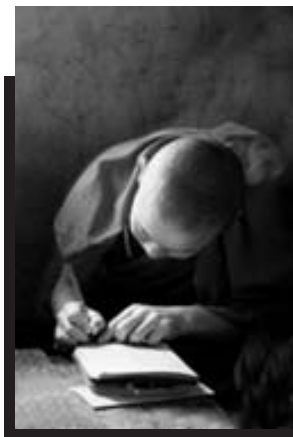
Tựa đề bài viết được trích trong câu thơ: *Mây bỏ trời đi tìm sông sâu* - Phạm Công Thiện

Chú tiểu vác hai sọt rác, ảnh của thầy Hải Trang



Những dòng dâng Mẹ

■ TRÍ GIẢI



Thưa Mẹ! Những mùa Vu lan báo hiệu trước, con vô cùng xúc động mỗi khi được cài lên ngực áo đoá hoa hồng đỏ thắm. Lòng vui sướng xiết bao với niềm hạnh phúc còn có Mẹ trên đời. Năm nay, khi cài lên áo đoá hoa hồng trắng muốt trong mùa Vu lan, con ứa lệ khi biết rằng mình đã bất hạnh không còn có Mẹ!

Mẹ ơi! Khi mùa thu sang, mùa Vu lan báo hiệu trở về, gọi nhắc người con Phật nhớ về công ơn sâu dày của hai đấng sinh thành, thì lòng con lại se sắt nhớ tưởng về tình thương và hơi thở ấm nồng mà Mẹ đã từng dành cho con. Tâm hồn con giờ đây cảm thấy trống trải và cô quạnh khi thiếu đi tình thương của mẹ!

Tình thương của mẹ dành cho

con thật thiêng liêng quá đỗi, và không có thứ gì ở trên cõi đời này có thể so sánh và đánh đổi được. Cõi đời này có biết bao danh lam thắng cảnh, nhưng không có nơi nào đẹp hơn trái tim của Mẹ: *“Trong tất cả các kỳ quan, Kỳ quan đẹp nhất vẫn là trái tim của Mẹ.”*

Óc thẩm mỹ của con người có thể kiến tạo nên các kỳ quan tuyệt mỹ, nhưng làm sao có thể kiến tạo nên được trái tim đong đầy thương yêu của Mẹ dành cho con. Trái tim của Mẹ được kết tinh từ chất liệu của tình thương, từ lòng hy sinh, chịu đựng khổ nhọc vì con. Kỳ quan trái tim Mẹ do đó không bị hao mòn bởi thời gian và không gian. Kỳ quan đó vững chãi trước sóng gió cuộc

đời, lồng lộng giữa trời xanh mây biếc. Dù có gian khổ nhọc nhằn vất vả thì trái tim Mẹ vẫn dành tình thương trọn vẹn cho con.

Khi còn sống, Mẹ như vầng thái dương soi sáng cho con, như bếp lửa hồng đem lại cho con hơi ấm giữa đêm trường lạnh giá. Tình thương của mẹ như dòng suối ngọt ngào vô tận: *“Biển đông còn lúc đầy vui. Tình thương của mẹ suốt đời tràn dâng.”*

Mẹ như viên ngọc quý giá nhất của cuộc đời con. Mẹ thấp sáng đời con bằng dòng máu và con tim của mình. Mẹ hiện thân làm chiếc bè đưa con vượt qua những con sóng dữ giữa bể khổ cuộc đời. Suốt đời Mẹ vất vả trăm chiều, để có đồng tiền bát gạo nuôi con khôn lớn nên người: *“Trọn đời vất vả triền miên. Chăm lo bát gạo đồng tiền nuôi con.”*

Mẹ tạo nên sự sống, hình hài và khối óc của con. Nho giáo nói rằng, *“thân giả dã, phụ mẫu chi di thể dã”*, nghĩa là thân thể ta chính do Cha Mẹ ta để lại. Đúng như vậy. Nhưng không chỉ thân thể, mà tài sản tri thức con có được cũng một phần nhờ công ơn dưỡng dục của Cha và Mẹ tác thành. Cuộc đời của Mẹ là

hiện thân cho lẽ sống, cho tình thương, là nguồn hạnh phúc lớn nhất trên thế gian này. Thiền sư Nhất Hạnh dạy con biết thế nào về ý niệm tình thương của Mẹ: *“Ý niệm về Mẹ thường không thể tách rời ý niệm về tình thương, tình Mẹ là gốc của mọi tình cảm yêu thương mở đường cho chúng ta hướng tới tình nhân loại, tình chúng sinh, và Mẹ là một dòng suối ngọt ngào, là một kho tàng vô tận.”* Đọc lời dạy của Thiền sư, con thấy thật xúc động, cảm nhận được tình thương Mẹ là tài sản vô giá.

Giờ đây theo định luật vô thường của cuộc đời, Mẹ đã xa rời chúng con. Mất Mẹ là mất những gì quý giá nhất, là mất cả một bầu trời yêu thương. Giờ này con muốn gọi lên hai tiếng “Mẹ ơi” và nói với Mẹ rằng “con thương mẹ lắm!”, thì hơi ỏi con đâu còn nói được! Mẹ đã không còn hiện hữu trên thế gian này để nghe tiếng nói của con. Còn đâu nữa tình thương yêu ấm áp của Mẹ thuở nào: *“Thấy bơ vơ lạc lõng dậy trong hồn. Khi chợt tỉnh Mẹ già không còn nữa!”*

Mẹ ơi! Sau ngày Mẹ mất, con lại thấm thía hơn lẽ vô thường của cuộc sống: những gì thân

yêu nhất trên cõi đời này rồi cũng sẽ rời khỏi tầm tay ta. Con biết cuộc đời này vốn có sinh phải có diệt, có đến phải có đi; con hiểu được lý duyên sinh vô thường, rằng ai sinh ra cũng phải chết, không một ai tránh khỏi được định luật đó, nhưng lòng con sao vẫn xúc động dâng trào. Cuộc đời và hình ảnh của Mẹ đã khắc sâu vào tâm khảm và mạch huyết của con, nên mỗi khi hồi tưởng về Mẹ thì khó lòng ngăn được lệ rơi. Mẹ ơi! Con có thể nào dùng ngôn ngữ để nói lên nỗi lòng của mình: “*Ngôn ngữ trần gian là túi rách. Đựng sao đầy hai tiếng mẹ ơi!*”

Thưa Mẹ! Từ ngày Mẹ ra đi đến nay con đã gặp nhiều chông gai chướng ngại. Nhiều khi tinh thần con suy sụp, rơi vào trạng thái tuyệt vọng. Và những lúc ấy, con ước mình còn có mẹ, có được sự sưởi ấm thương yêu của Mẹ. Thật diễm phúc xiết bao cho những ai còn có Mẹ. Có niềm vui nào bằng niềm vui còn Mẹ, và có nỗi xót xa nào bằng nỗi xót xa mất Mẹ!

Mẹ ơi! Ân đức của Mẹ làm sao con báo đáp cho tròn, để trở thành người con chí hiếu của Mẹ, khi con đọc trong kinh *Tâm Địa*

Quán, đức Phật ví công ơn Cha Mẹ như núi cao, biển rộng:

“*Ân cha lành cao như núi Thái*

Đức mẹ hiền sâu tựa biển khơi
Dầu cho dân trọn cuộc đời
Cũng không trả hết ân người sinh ta.”

Và trong kinh *Báo Hiếu*, đức Phật dạy:

“*Vì có người ơn sâu dốc trả*
Công mẹ cha tất cả hai vai
Giáp vòng hòn núi Tu Di
Đến trăm ngàn kiếp ơn kia chưa đền.”

Khi con đọc đến những câu kinh này, con cảm nhận ân Cha nghĩa Mẹ quả thật vô cùng lớn lao. Và con thấy mình đã chưa báo đáp đầy đủ công ơn sinh thành của Mẹ khi mẹ còn sống. Nhưng con đã vui đi phần nào nỗi day dứt khi đọc lời Phật dạy trong kinh *Tăng Chi Bộ*, “*Những ai đền ơn cha mẹ bằng cách nuôi dưỡng dân chúng với của cải vật chất tiền bạc thì không bao giờ đủ để đáp đền ơn cha mẹ. Nhưng này các Tỳ-kheo, ai đối với cha mẹ không có lòng tin Tam bảo thì khuyến khích cho có lòng tin, đối với cha mẹ sống tà giới, thì khuyến khích vào chánh giới, đối với cha mẹ sinh khởi tham,*

thì khuyến khích bố thí, đối với cha mẹ tà kiến thì khuyến khích vào chánh kiến, cho đến như vậy, này các Tỳ-kheo, là làm đủ và đáp ơn đủ cho mẹ và cha.”

Qua lời dạy của đức Phật, con nhận thấy rằng, dù con chưa phụng dưỡng Mẹ đầy đủ về đời sống vật chất, nhưng đã hướng Mẹ về với Tam bảo và sống đời thiện lành. Những lễ sống mà con tin rằng sẽ giúp Mẹ được sanh về cõi Phật.

Thưa Mẹ! Những dòng này con viết cho Mẹ, dù con không biết Mẹ có nghe được những gì con nói không! Nhưng vì mang trong mình dòng máu và tình thương của Mẹ, nên con tin rằng dù xác thân Mẹ không còn hiện hữu trên cõi đời này thì Mẹ vẫn không hề xa con; Mẹ vẫn đang nghe lời con thưa. Thưa Mẹ! Xin Mẹ hãy vui lên và đừng lo lắng gì cho con nữa. Ngày hôm nay con đã lớn khôn, được nương nhờ Tam bảo và sống trong ngôi nhà Như Lai, được Ân sư giáo dưỡng nên người. Con đang sống thật hạnh phúc! Con sẽ cố gắng tu học thật tốt để mai này hoằng pháp lợi sinh hồi hướng công đức cho Mẹ,

*“Con nguyện làm đóa hoa hiện thế
Cho vườn đời tươi ngát mãi thêm xanh
Một loài hoa dù nở giữa phong trần
Vẫn tô thắm màu vô ưu rực rỡ.”* ■



VU LAN PL.2553

Thánh Bài hồn thơm

Thơ: Hạnh Phương
Nhạc: Vũ Ngọc Toàn

sôi động

The musical score is written on ten staves. The first staff is in C major and 4/4 time, marked 'sôi động' (lively). It features a treble clef and a common time signature. The melody is composed of eighth and quarter notes, with triplets indicated by a '3' over the notes. The lyrics are written below the staff. The second staff continues the melody. The third staff introduces a new line of lyrics. The fourth staff continues the melody. The fifth staff continues the melody. The sixth staff continues the melody. The seventh staff continues the melody. The eighth staff continues the melody. The ninth staff continues the melody. The tenth staff continues the melody. The score is decorated with a large, intricate mandala in the background, featuring floral and geometric patterns. There are also small star-like symbols scattered around the bottom right of the page.

Đẹp như nụ hoa hồng Tâm hồn thơm thánh bảy

Sáng như vầng trăng trong Trăng mùa thu sáng vậy

Theo Ba Mẹ lên Chùa con dâng hương cúng Phật đôi bàn tay Sen búp

nét chân thành đẹp chưa? Ngoài trời mưa bay bay... trầm hương thì nghi ngút...

lòng em thơ niệm Phật mừng tượng bóng trắng đầy

em bên Mẹ bên Cha em bên Thầy độ lượng

tâm hồn em hướng thượng Tâm hiếu hạnh chan hòa

từng ngày em niệm Phật từng phút thương Mẹ Cha

anh em cùng thuận thảo Vu lan rợp trời hoa.

Cầu nguyện cho các bà Mẹ trên thế giới đầy đủ sức khỏe và an lạc, từ bi và trí tuệ; cho những đứa con được hưởng nhiều hạnh phúc, có đủ sức mạnh để chịu đựng những vô thường của cuộc đời...

(1001 Chuyện về Mẹ, Tâm Minh)



ấn tống - lưu hành nội bộ
website: www.phapluan.tv
email: banbientap@phapluan.tv